

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : **Phạm Thị Phương**
Giảng viên hướng dẫn: **CN.GVC. Bùi Thị Chung**

HẢI PHÒNG – 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI
PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Phương
Giảng viên hướng dẫn: CN.GVC. Bùi Thị Chung**

HẢI PHÒNG – 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Phương

Mã SV: 110477

Lớp: QT 1105K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Trình bày khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

- Trình bày thực trạng tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng.

- Nhận xét, đánh giá thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Số liệu kế toán của Công ty từ ngày 01/01/2010 đến 31/12/2010.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng

.....

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Bùi Thị Chung

Học hàm, học vị: Cử nhân, Giảng viên chính

Cơ quan công tác: Trường Cao Đẳng Cộng Đồng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn



Bùi Thị Chung

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

Sinh viên: Phạm Thị Phương

- Tích cực, chịu khó sưu tầm, lựa chọn số liệu phục vụ đề tài.
- Thái độ nghiêm túc, ham học hỏi trong quá trình viết khóa luận.
- Tuân thủ đúng yêu cầu về tiến độ thời gian và nội dung nghiên cứu của đề tài do giáo viên hướng dẫn quy định.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Về mặt lý luận: Tác giả đã khái quát hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.
- Về mặt thực tế: Thông qua các số liệu và chứng từ thu thập được, tác giả đã mô tả tương đối đầy đủ, rõ nét thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng.
- Những số liệu minh họa trong khóa luận đã có tính logic theo đúng quy trình kế toán, số liệu và có độ tin cậy cao.
- Những giải pháp mà tác giả kiến nghị có tính khả thi trong việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành nói riêng.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

..... 10 (Mười)

.....

.....

Hải Phòng, ngày 02 tháng 07 năm 2011

Cán bộ hướng dẫn

(họ tên và chữ ký)

10/2

Nguyễn Thị Nhung

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT THỰC TẬP

Họ và tên sinh viên: *Phạm Thị Phương* Ngày sinh: *05/12/1989*
Lớp: *QT1105K* Ngành: *Kế toán kiểm toán* Khóa *11*
Thực tập tại: *công ty CP tổng kinh doanh thủy hải sản*
Từ ngày: *11/02/2011* đến ngày *28/03/2011*

1. Về tinh thần, thái độ, ý thức tổ chức kỷ luật:

Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc mọi quy, quy chế của công ty đề ra.

2. Về những công việc được giao:

biết cực học hỏi, nghiên cứu tìm kiếm và hoàn thành tốt công việc được giao

3. Kết quả đạt được:

Đã tìm hiểu đầy đủ, chi tiết công tác kế toán hạch toán thực công ty CP tổng kinh doanh thủy hải sản về các phần hành kế toán

Phạm Thị Phương, ngày *28* tháng *03* năm 2011

Xác nhận của lãnh đạo cơ sở thực tập Cán bộ hướng dẫn thực tập của cơ sở



Nguyễn Gia Viên
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Gia Viên

Phạm Thị Phương
Nguyễn Thị Phương

HD02-B09

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	3
LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT.....	15
1.1. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất	15
1.1.1. Khái niệm, bản chất của chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.....	15
1.1.2. Yêu cầu quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.....	16
1.1.3. Vai trò, nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.....	17
1.2. Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất	18
1.2.1. Phân loại chi phí sản xuất.....	18
1.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm.....	21
1.3. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.....	22
1.3.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp sản xuất.....	22
1.3.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.....	23
1.3.3. Mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành	23
1.4. Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất	24
1.4.1. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất	24
1.4.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên (KCTX)	25
1.4.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK).....	35
1.5. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp sản xuất	37
1.5.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo phương pháp định mức.....	38
1.5.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	38
1.5.3. Đánh giá sản phẩm dở dang theo khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương.....	39
1.6. Phương pháp tính giá thành.....	41
1.6.1. Tính giá thành theo phương pháp trực tiếp (phương pháp giản đơn)	41

1.6.2. Phương pháp tổng cộng chi phí.....	43
1.6.3. Tính giá thành theo phương pháp loại trừ sản phẩm phụ	44
1.6.4. Tính giá thành theo phương pháp hệ số	44
1.6.5. Tính giá thành theo phương pháp tỷ lệ	45
1.6.6. Tính giá thành theo phương pháp liên hợp	46
1.6.7. Tính giá thành theo phương pháp đơn đặt hàng.....	46
1.6.8. Tính giá thành theo phương pháp phân bước.....	47
1.6.9. Tính giá thành theo phương pháp định mức	47
1.7. Kỳ tính giá thành.....	48
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HẢI PHÒNG.....	54
2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng.....	54
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty CP công trình giao thông Hải Phòng.....	54
2.1.2. Đặc điểm tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty CP công trình giao thông Hải Phòng.....	57
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty CP công trình giao thông HP.....	58
2.1.4. Đặc điểm tổ chức trong công tác kế toán của Công ty CP công trình giao thông Hải Phòng.....	60
2.2. Thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng	64
2.2.1. Nguyên tắc hạch toán chi phí sản xuất ở Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng.....	65
2.2.2. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng.....	66
2.2.3. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty CP công trình giao thông Hải Phòng.....	66
2.2.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng.....	66
2.2.5. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng.....	98
2.2.6. Công tác kiểm kê đánh giá sản phẩm dở dang tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng	100

2.2.7. Đối tượng, kỳ hạn, phương pháp tính giá thành sản phẩm ở Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng.....	100
CHƯƠNG III.....	109
MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HẢI PHÒNG	109
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng	109
3.1.1 Những ưu điểm trong công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty CP công trình giao thông Hải Phòng.....	109
3.1.2. Một số tồn tại cần hoàn thiện trong công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng.....	111
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng.	113
3.3. Nội dung và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng.....	114
3.3.1. Yêu cầu của công tác hoàn thiện.....	114
3.3.2. Một số giải pháp.....	114
3.4. Điều kiện thực hiện các giải pháp	117
Kết luận	118

LỜI NÓI ĐẦU

1. Sự cần thiết của đề tài

Trong những năm gần đây, hòa mình cùng với quá trình đổi mới đi lên của đất nước, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh dịch vụ xây dựng... cũng có nhiều sự đổi mới tương ứng với yêu cầu của nền kinh tế thị trường. Trong những thay đổi đó, bởi vì làm tốt hạch toán kế toán đồng nghĩa với việc quản lý tốt dòng vốn đảm bảo mỗi đồng vốn bỏ ra luôn vì lợi nhuận của Công ty.

Trong công tác kế toán của doanh nghiệp hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là khâu quan trọng và phức tạp nhất. Chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm liên quan đến hầu hết các yếu tố đầu vào và đầu ra trong quá trình sản xuất kinh doanh. Đảm bảo việc hạch toán giá thành chính xác kịp thời phù hợp với đặc điểm hình thành và phát sinh chi phí ở doanh nghiệp là yêu cầu có tính xuyên suốt trong quá trình hạch toán. Có thể nói rằng chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là tấm gương phản chiếu toàn bộ các biện pháp kinh tế tổ chức quản lý và kỹ thuật mà doanh nghiệp đã và đang thực hiện trong quá trình sản xuất kinh doanh thông qua những thông tin về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm do kế toán cung cấp, nhà quản lý doanh nghiệp sẽ đánh giá được thực trạng kinh doanh, từ đó tìm cách đổi mới, cải tiến phương thức quản lý kinh doanh, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành, tăng lợi nhuận.

Từ những nhận thức trên em đã lựa chọn đề tài “***Hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng***” để nghiên cứu và làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Làm rõ nhận thức chung nhất về công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.
- Tìm hiểu tình hình thực tế về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng.

- Nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng.

3. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Đối tượng nghiên cứu là kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng.

4. Phương pháp nghiên cứu của đề tài

Kết hợp giữa lý luận về hạch toán kế toán đã học ở trường vào thực tiễn công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng, từ đó có những ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty.

5. Kết cấu của đề tài

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng.

Do còn hạn chế về mặt lý luận cũng như kinh nghiệm thực tiễn nên khóa luận sẽ không tránh khỏi sai sót, em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô giáo để em có điều kiện bổ sung nâng cao kiến thức của mình, phục vụ tốt hơn cho công tác thực tế sau này.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của cô giáo **CN.GVC. Bùi Thị Chung** và các thầy cô giáo trong khoa quản trị kinh doanh cùng các cô chú, anh chị của phòng Kế toán - Tài chính Công ty Cổ Phần công trình giao thông Hải Phòng đã tận tình chỉ bảo, tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Hải phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2011

Sinh viên

Phạm Thị Phương

CHƯƠNG I**LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT*****1.1. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất******1.1.1. Khái niệm, bản chất của chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất******1.1.1.1. Khái niệm, bản chất của chi phí sản xuất***

Chi phí sản xuất là toàn bộ các hao phí về lao động sống, lao động vật hóa và các chi phí cần thiết khác mà doanh nghiệp đã bỏ ra cho quá trình sản xuất trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm) và được biểu hiện bằng tiền.

Việc làm rõ khái niệm, bản chất của chi phí sản xuất trong doanh nghiệp giúp kế toán tính đúng, tính đủ chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm từ đó phát huy được chỉ tiêu giá thành trong công tác quản lý, kiểm tra, giám đốc quá trình sản xuất của doanh nghiệp.

1.1.1.2. Khái niệm, bản chất của giá thành sản phẩm

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống, lao động vật hóa có liên quan đến khối lượng công tác, sản phẩm, lao vụ đã hoàn thành.

Bản chất của giá thành sản phẩm là sự dịch chuyển giá trị của các yếu tố chi phí vào những sản phẩm, công việc, lao vụ nhất định đã hoàn thành.

Giá thành sản phẩm có hai chức năng chủ yếu:

+ Chức năng bù đắp chi phí thể hiện là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp chi ra để hoàn thành một khối lượng sản phẩm nhất định phải bù đắp bằng chính số tiền thu được về tiêu thụ, bán sản phẩm có lãi.

+ Chức năng lập giá thể hiện giá bán sản phẩm phụ thuộc vào quy luật cung cầu trên thị trường, giá bán thể hiện giá trị của sản phẩm phải được dựa trên cơ sở giá thành để xác định. Thông qua giá bán sản phẩm mà đánh giá mức độ bù đắp chi phí và hiệu quả của chi phí.

1.1.1.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Về bản chất, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là hai khái niệm giống nhau. Chúng đều là các hao phí về lao động sống, lao động vật hóa và các hao phí khác của doanh nghiệp. Tuy vậy chúng cũng có những sự khác nhau trên những phương diện sau:

- Nói đến chi phí sản xuất là giới hạn cho chúng một thời kỳ nhất định, không phân biệt cho loại sản phẩm nào, đã hoàn thành hay chưa, còn khi nói đến giá thành sản phẩm là xác định một lượng chi phí sản xuất nhất định, tính cho một đại lượng kết quả hoàn thành nhất định.

- Về mặt lượng, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có thể khác nhau khi có sản phẩm dở dang đầu kỳ hoặc cuối kỳ. Sự khác nhau về mặt lượng và mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm thể hiện ở công thức sau:

$$Z = Dđk + C - Dck$$

Trong đó: Z: Tổng giá thành sản phẩm

Dđk: Trị giá sản phẩm dở dang đầu kỳ

Dck: Trị giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

C: Tổng chi phí phát sinh trong kỳ

1.1.2. Yêu cầu quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất

Trong nền kinh tế thị trường sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp là không thể tránh khỏi. Để có thể tồn tại và phát triển các doanh nghiệp phải làm ăn thực sự có lãi, tạo ra được uy tín trên thương trường. Sản phẩm của doanh nghiệp phải có sức cạnh tranh mạnh mẽ - nghĩa là phải có hai điều kiện **chất lượng cao** và **giá thành hạ**. Hạ giá thành sản phẩm đồng nghĩa với việc hạ chi phí sản xuất bởi vì chi phí sản xuất cấu thành nên giá thành sản phẩm. Hạ giá thành sản phẩm và nâng cao chất lượng sản phẩm là nhân tố quyết định đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và thu nhập của người lao động.

Để đạt được yêu cầu đó, doanh nghiệp phải áp dụng nhiều biện pháp khác nhau để tổ chức và quản lý tốt quá trình sản xuất kinh doanh. Trong đó việc tổ

chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải khoa học, hợp lý và đúng chế độ kế toán. Do đó kế toán tập hợp chi phí phải hết sức chính xác từ việc tổ chức ghi chép, phản ánh đầy đủ, trung thực các loại chi phí, tính toán các chi phí đó bằng thước đo giá trị, đảm bảo phản ánh các chi phí đúng đối tượng, đúng thời kỳ.

Thông qua những thông tin về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm do bộ phận kế toán cung cấp, những người quản lý doanh nghiệp nắm được chi phí sản xuất và giá thành thực tế của từng loại sản phẩm cũng như hiệu quả của toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh để phân tích, đánh giá tình hình thực hiện các định mức chi phí và dự toán chi phí, tình hình sử dụng vật tư, tiền vốn, lao động, tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm để có quyết định quản lý thích hợp. Dựa vào những thông tin về chi phí nhà quản lý có thể đưa ra các quyết định chính xác về việc ấn định mức giá của sản phẩm nhằm tăng khả năng cạnh tranh về giá hoặc lựa chọn phương án sản xuất kinh doanh có lợi hơn hay thông qua việc xem xét định mức tiêu hao nguyên vật liệu của từng dây chuyền sản xuất để tìm ra các yếu tố có thể hạ giá thành sản phẩm. Ngoài ra các nhà quản lý sẽ xác định được khẩu hao sản xuất và cơ cấu sản phẩm thích hợp để đạt được lợi nhuận mong muốn với hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất.

Thông tin về chi phí và giá thành không những quan trọng đối với nhà quản lý doanh nghiệp mà còn có ích đối với các nhà đầu tư, các ngân hàng...

1.1.3. Vai trò, nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất

Để tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của doanh nghiệp, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Nhận thức đúng đắn vai trò của kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm trong toàn bộ hệ thống kế toán doanh nghiệp, mối quan hệ với bộ phận kế toán có liên quan, trong đó kế toán các yếu tố chi phí là tiền đề cho kế toán chi phí và tính giá thành.

- Căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, quy trình công nghệ sản xuất, đặc điểm của sản phẩm, khả năng hạch toán, yêu cầu quản lý cụ thể của doanh nghiệp để xác định đúng đắn đối tượng, phương pháp kế toán tập hợp chi phí, đối tượng và phương pháp tính giá thành.

- Tổ chức bộ máy kế toán khoa học, hợp lý trên cơ sở phân công trách nhiệm rõ ràng từng cá nhân, bộ phận kế toán có liên quan, đặc biệt là bộ phận kế toán các yếu tố chi phí.

- Thực hiện tổ chức chứng từ, hạch toán ban đầu, hệ thống tài khoản, sổ sách kế toán phù hợp với nguyên tắc, chuẩn mực, chế độ kế toán, đảm bảo đáp ứng được yêu cầu thu nhận - xử lý - hệ thống hoá thông tin về chi phí, giá thành.

- Tổ chức lập và phân tích các báo cáo kế toán về chi phí, giá thành sản phẩm, cung cấp các thông tin về chi phí, giá thành đầy đủ, cần thiết cho nhà quản trị doanh nghiệp, giúp các nhà quản trị đưa ra các quyết định đúng đắn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.2. Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất

1.2.1. Phân loại chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gồm nhiều loại. Để thuận tiện cho công tác quản lý, hạch toán, kiểm tra chi phí cũng như phục vụ cho việc ra quyết định kinh doanh, chi phí sản xuất được phân loại theo những tiêu thức sau:

1.2.1.1 Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh theo nội dung, tích chất kinh tế của chi phí

Căn cứ vào nội dung kinh tế của chi phí, chi phí sản xuất được phân thành các yếu tố chi phí. Mỗi yếu tố chi phí bao gồm những chi phí có cùng nội dung kinh tế, không phân biệt chi phí đó phát sinh ở lĩnh vực nào, mục đích, tác dụng của nó ra sao. Theo cách phân loại này chi phí sản xuất chia làm năm yếu tố:

✪ Chi phí nguyên vật liệu: Bao gồm giá toàn bộ các chi phí về các loại nguyên vật liệu dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ. Chi phí này

bao gồm: chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nguyên vật liệu phụ, chi phí nhiên liệu, chi phí phụ tùng thay thế và chi phí nguyên vật liệu khác.

✪ Chi phí nhân công: Là các khoản chi phí về tiền lương phải trả cho người lao động, các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN theo tiền lương của người lao động.

✪ Chi phí khấu hao máy móc thiết bị: Bao gồm khấu hao của tất cả TSCĐ dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp.

✪ Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là số tiền phải trả cho các dịch vụ mua ngoài phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như điện, nước, điện thoại...

✪ Chi phí khác bằng tiền: Là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh ngoài các yếu tố chi phí nói trên.

Phân loại chi phí theo nội dung kinh tế của chi phí có tác dụng rất lớn trong quản lý chi phí sản xuất. Nó cho biết kết cấu, tỷ trọng của từng loại yếu tố chi phí để phân tích, đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất và lập kế hoạch cung ứng vật tư, tính toán nhu cầu vốn lưu động định mức, là cơ sở để tổ chức việc tập hợp chi phí sản xuất theo yếu tố, giám sát tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất, đồng thời là cơ sở tính toán thu nhập.

1.2.1.2. Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh theo mục đích, công dụng

Theo cách phân loại này chi phí được chia thành các khoản mục khác nhau:

✓ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: là những chi phí vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu sử dụng vào mục đích trực tiếp sản xuất sản phẩm. Khoản mục này không bao gồm những chi phí nguyên vật liệu sử dụng vào mục đích sản xuất chung và những hoạt động ngoài sản xuất.

✓ Chi phí nhân công trực tiếp: Gồm chi phí về tiền lương, tiền trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của công nhân trực tiếp sản xuất theo quy định. Không tính vào khoản mục này tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý phân xưởng, nhân viên bán hàng, nhân viên quản lý doanh nghiệp.

✓ Chi phí sử dụng máy thi công: Là toàn bộ chi phí về vật liệu, nhân công và các chi phí khác liên quan đến sử dụng máy thi công trong doanh nghiệp xây lắp như chi phí nguyên vật liệu dùng cho máy thi công, chi phí mua ngoài sử dụng cho máy thi công, chi phí tiền lương của công nhân trực tiếp điều khiển máy, chi phí khấu hao máy thi công...

✓ Chi phí sản xuất chung: Chi phí sản xuất chung là những chi phí có liên quan đến việc tổ chức, phục vụ và quản lý ở các phân xưởng, tổ đội sản xuất ngoài hai khoản mục chi phí trực tiếp đã nêu trên.

Cách phân loại chi phí này phục vụ cho yêu cầu quản lý chi phí sản xuất theo định mức, công tác kế hoạch hóa phân tích giá thành sản phẩm theo khoản mục, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và định mức chi phí sản xuất cho kỳ sau.

1.2.1.3. Phân loại chi phí theo phương hướng tính nhập chi phí vào giá thành

Theo cách phân loại này chi phí được chia làm hai loại:

- Chi phí trực tiếp: Là những chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đối với việc sản xuất ra một loại sản phẩm, một công việc nhất định. Đối với loại chi phí này, kế toán có thể căn cứ vào số liệu trên chứng từ kế toán để ghi trực tiếp cho từng đối tượng tập hợp chi phí.

- Chi phí gián tiếp: Là chi phí liên quan đến nhiều loại sản phẩm, do đó người ta phải dùng phương pháp phân bổ gián tiếp chi phí này cho các loại sản phẩm đã sản xuất ra theo một tiêu thức thích hợp.

Cách phân loại chi phí này có ý nghĩa lớn đối với việc xác định phương pháp kế toán tập hợp và phân loại chi phí cho các đối tượng một cách hợp lý.

1.2.1.4. Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ của chi phí với khối lượng công việc, sản phẩm hoàn thành

Căn cứ vào mối quan hệ giữa chi phí sản xuất kinh doanh với khối lượng công việc, sản phẩm hoàn thành chi phí được chia thành:

- Chi phí khả biến (biến phí): Là những khoản chi phí có sự biến đổi về lượng tương quan tỷ lệ thuận với sự biến đổi của khối lượng sản phẩm, công việc, lao vụ sản xuất trong kỳ. Chi phí này bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực

tiếp, chi phí nhân công trực tiếp. Cần lưu ý rằng biến phí khi tính cho một đơn vị sản phẩm thì có tính cố định.

- Chi phí bất biến (định phí): Là những khoản chi phí không thay đổi về tổng số so với khối lượng sản phẩm, công việc, lao vụ sản xuất trong kỳ. Định phí tính cho một đơn vị sản phẩm lại thay đổi. Chi phí này bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), chi phí thuê mặt bằng, chi phí quảng cáo, tiền lương bộ phận quản lý...

Việc phân loại chi phí sản xuất kinh doanh thành biến phí và định phí có tác dụng lớn đối với việc quản trị kinh doanh, phân tích điểm hòa vốn và phục vụ cho việc ra quyết định quản lý cần thiết để hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

1.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm

Để đáp ứng yêu cầu quản lý, hạch toán và kế hoạch giá thành cũng như yêu cầu xây dựng giá cả, giá thành được xem xét dưới nhiều góc độ, vị trí tính toán khác nhau. Giá thành sản phẩm được phân loại theo những tiêu thức như sau:

1.2.2.1. Phân loại giá thành sản phẩm theo thời điểm tính giá thành

Theo tiêu thức này giá thành sản phẩm được chia thành:

- Giá thành sản phẩm kế hoạch: Là giá thành sản phẩm được tính toán trên cơ sở chi phí kế hoạch và số lượng sản phẩm sản xuất kế hoạch. Việc tính toán giá thành này được thực hiện trước khi bắt đầu quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm. Giá thành kế hoạch là mục tiêu phấn đấu của doanh nghiệp, là căn cứ để so sánh, phân tích đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hạ giá thành sản phẩm.

- Giá thành sản phẩm định mức: Là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành và chi phí tính cho một đơn vị sản phẩm. Việc tính giá thành định mức cũng được thực hiện trước khi tiến hành sản xuất sản phẩm. Giá thành định mức là công cụ quản lý định mức của doanh nghiệp, là thước đo chính xác để xác định kết quả sử dụng tài sản, vật tư, lao động trong sản xuất, giúp cho đánh giá đúng đắn các giải pháp kinh tế, kỹ thuật mà doanh

nghiệp đã thực hiện trong quá trình hoạt động sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Giá thành sản phẩm thực tế: Là giá thành sản phẩm được tính toán và xác định trên cơ sở số liệu chi phí sản xuất thực tế phát sinh và tập hợp được trong kỳ cũng như số lượng sản phẩm thực tế đã sản xuất và tiêu thụ trong kỳ.

1.2.2.2. Phân loại giá thành căn cứ vào phạm vi các chi phí cấu thành

Theo tiêu thức này giá thành được chia thành:

- Giá thành sản xuất sản phẩm: Bao gồm các chi phí liên quan đến quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm như: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung, ... tính cho sản phẩm đã hoàn thành.

- Giá thành toàn bộ sản phẩm tiêu thụ: Bao gồm giá thành sản xuất tính cho số sản phẩm tiêu thụ cộng với chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ tính cho số sản phẩm này. Như vậy giá thành toàn bộ sản phẩm tiêu thụ chỉ tính cho số sản phẩm doanh nghiệp sản xuất hoàn thành và đã tiêu thụ, nó là căn cứ để tính toán xác định mức lợi nhuận thuần trước thuế của doanh nghiệp.

1.3. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất

1.3.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp sản xuất

Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi các chi phí phát sinh cần được tổ chức, tập hợp theo nó nhằm đáp ứng nhu cầu kiểm tra, phân tích chi phí và yêu cầu tính giá thành sản phẩm. Việc xác định đối tượng kế toán chi phí sản xuất là khâu đầu tiên cần thiết của công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất.

Căn cứ để xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là:

- Từng sản phẩm, chi tiết sản phẩm, nhóm sản phẩm, đơn đặt hàng.
- Từng phân xưởng, giai đoạn công nghệ sản xuất.
- Toàn bộ quy trình công nghệ sản xuất

Đối với ngành xây lắp, đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất thông thường là từng công trình, hạng mục công trình cụ thể, các giai đoạn quy ước

của hạng mục công trình có giá trị dự toán riêng hay nhóm công trình, các đơn vị thi công.

Như vậy, thực chất của việc xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là việc xác định nơi phát sinh chi phí và đối tượng chịu chi phí.

1.3.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất

Đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm, công việc, lao vụ do doanh nghiệp sản xuất đã hoàn thành cần phải được tính tổng giá thành và giá thành đơn vị.

Về mặt tổ chức sản xuất, nếu tổ chức sản xuất đơn chiếc thì từng sản phẩm, từng công việc sản xuất là một đối tượng tính giá thành. Nếu tổ chức sản xuất hàng loạt thì từng loại sản phẩm là một đối tượng tính giá thành. Nếu tổ chức sản xuất nhiều (khối lượng lớn) thì mỗi loại sản phẩm sản xuất là một đối tượng tính giá thành.

Về mặt quy trình công nghệ, nếu quy trình công nghệ sản xuất giản đơn thì đối tượng tính giá thành sản phẩm là sản phẩm đã hoàn thành ở cuối quy trình sản xuất. Nếu quy trình công nghệ sản xuất phức tạp kiểu liên tục thì đối tượng tính giá thành là thành phẩm ở giai đoạn cuối cùng hoặc nửa thành phẩm

Trong các doanh nghiệp xây lắp, đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp thường là công trình, hạng mục công trình xây lắp, các giai đoạn quy ước của hạng mục công trình có giá trị dự toán riêng hoàn thành.

1.3.3. Mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành là hai khái niệm hoàn toàn khác nhau nhưng có mối quan hệ mật thiết.

Đối tượng tính giá thành có nội dung khác đối tượng tập hợp chi phí sản xuất. Xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là căn cứ để tổ chức công tác ghi chép ban đầu, mở các sổ chi tiết, tập hợp số liệu chi phí sản xuất theo từng đối tượng giúp cho việc quản lý chi phí sản xuất và phục vụ việc tính giá thành sản phẩm. Còn việc xác định đối tượng tính giá thành là căn cứ để kế toán mở các thẻ tính giá thành sản phẩm, lựa chọn phương pháp tính giá thành thích hợp,

tổ chức tính giá thành theo từng đối tượng giúp cho doanh nghiệp kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành. Đồng thời, đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

1.4. Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất

1.4.1. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất

Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất là cách thức mà kế toán sử dụng tập hợp phân loại các khoản chi phí phát sinh trong kỳ theo các đối tượng tập hợp chi phí đã xác định.

1.4.1.1. Phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp

Phương pháp này được sử dụng để tập hợp các loại chi phí có liên quan trực tiếp đến các đối tượng tập hợp chi phí đã xác định, tức là đối với các loại chi phí phát sinh liên quan đến đối tượng nào có thể xác định trực tiếp cho đối tượng đó. Trên thực tế có rất nhiều chi phí liên quan đến các đối tượng và không thể theo dõi riêng được. Tập hợp chi phí trực tiếp là phương pháp tốn rất nhiều thời gian, công sức nhưng chính xác, hiệu quả.

1.4.1.2. Phương pháp phân bổ gián tiếp

Phương pháp này tập hợp các chi phí phát sinh liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí đã xác định mà kế toán không thể tập hợp trực tiếp các chi phí này cho từng đối tượng.

Việc phân bổ chi phí cho từng đối tượng được tiến hành theo hai bước:

Bước 1: Xác định hệ số phân bổ:

$$H = \frac{C}{T}$$

Trong đó: - H: Hệ số phân bổ chi phí

- C: Tổng chi phí đã tập hợp cần phân bổ cho từng đối tượng

- T: Tổng đại lượng tiêu chuẩn phân bổ của các đối tượng cần phân bổ chi phí.

Bước 2: Xác định chi phí cần phân bổ cho từng đối tượng tập hợp cụ thể

$$C_i = H \times T_i$$

Trong đó: - C_i : Phần chi phí phân bổ cho đối tượng i

- Ti: Đại lượng tiêu chuẩn phân bổ của đối tượng i

Do sự khác nhau về đối tượng tập hợp chi phí sản xuất nên để đáp ứng được yêu cầu tập hợp chi phí sản xuất theo đúng đối tượng đòi hỏi phải có phương pháp tập hợp chi phí phù hợp. Mỗi doanh nghiệp đều dựa vào điều kiện cụ thể của đơn vị mình như đặc điểm tổ chức sản xuất, yêu cầu quản lý... để lựa chọn ra phương pháp tập hợp chi phí sản xuất thích hợp.

1.4.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên (KKTX)

1.4.2.1. Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm các chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu... sử dụng trực tiếp cho chế tạo sản xuất sản phẩm, hoặc thực hiện các lao vụ, dịch vụ của doanh nghiệp trong các ngành công nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông...

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thường chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nhất là đối với ngành sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng cơ bản. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thường được xây dựng thành các định mức và quản lý theo định mức chi phí đã xây dựng.

Sau khi xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất, kế toán tiến hành xác định chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong kỳ cho từng đối tượng tập hợp chi phí, tổng hợp theo từng khoản sử dụng, lập bảng chi phí nguyên liệu làm căn cứ hạch toán tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Thông thường chi phí nguyên vật liệu trực tiếp đến từng đối tượng tập hợp chi phí nên có thể tổ chức tập hợp chi phí theo phương pháp trực tiếp. Trường hợp nguyên vật liệu sử dụng có liên quan đến nhiều đối tượng không thể tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng thì phải lựa chọn tiêu thức phân bổ hợp lý để tiến hành phân bổ chúng cho các đối tượng có liên quan.

- Chứng từ sử dụng: Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho, Hoá đơn mua hàng, Bảng phân bổ nguyên vật liệu, Phiếu thanh toán tạm ứng,...

- Tài khoản sử dụng: Đề tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp kế toán sử dụng tài khoản: TK 621 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Một số tài khoản liên quan: TK 152 - Nguyên vật liệu

TK 111 - Tiền mặt

TK 331 - Phải trả cho người bán

TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

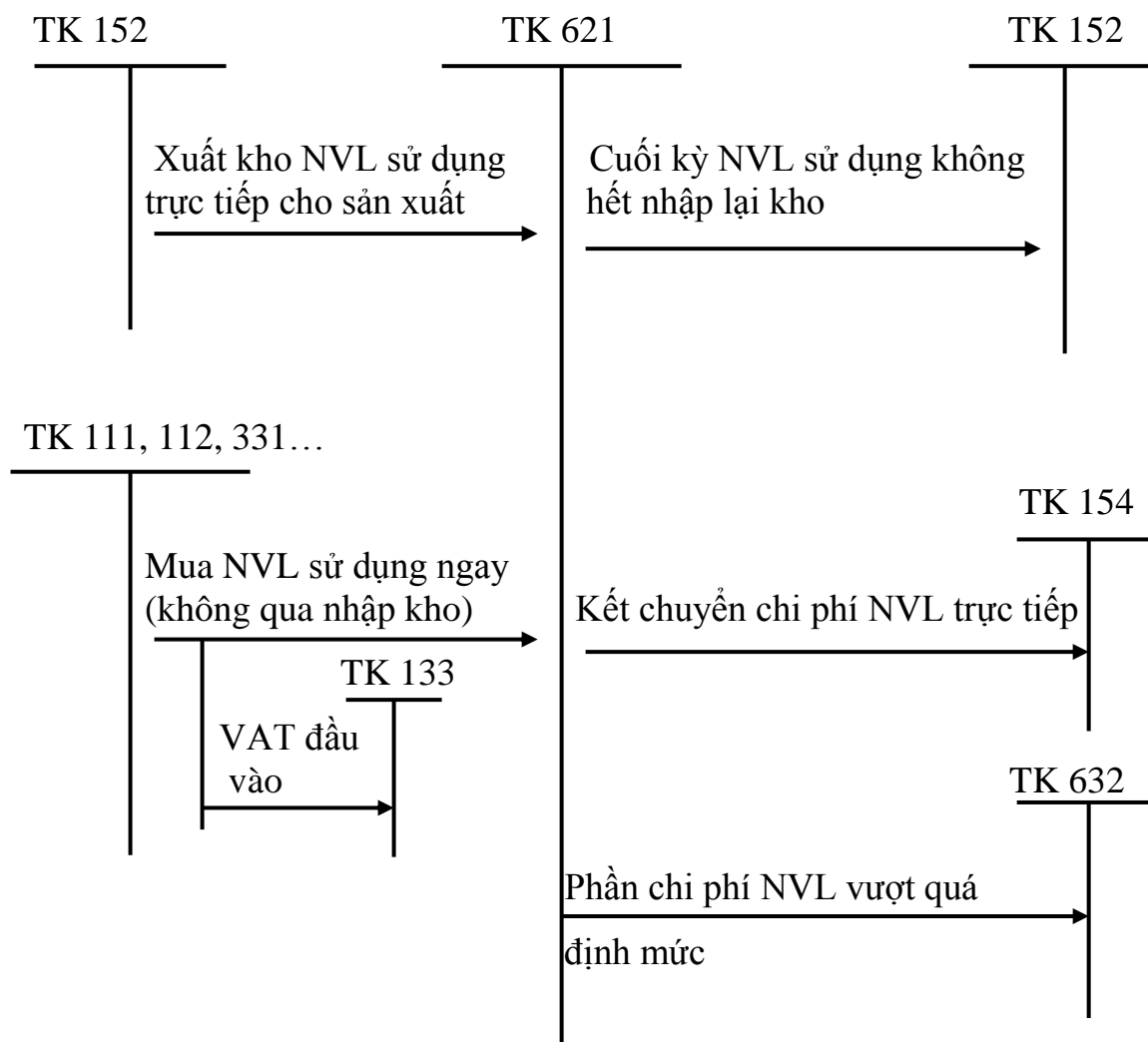
- Kết cấu tài khoản: TK 621 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Nợ	TK 621	Có
- Trị giá vốn nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp cho sản phẩm	- Trị giá vốn nguyên vật liệu sử dụng không hết nhập lại kho - Trị giá phế liệu thu hồi - Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu thực tế trong kỳ để tính giá thành	

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

Trình tự hạch toán chủ yếu:

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

**1.4.2.2. Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp**

Chi phí nhân công trực tiếp là những khoản tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm, hoặc trực tiếp thực hiện các lao vụ, dịch vụ gồm: tiền lương chính, lương phụ, phụ cấp, tiền trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo lương.

Chi phí nhân công trực tiếp phát sinh trong kỳ không phân biệt là đã thanh toán cho người lao động hay chưa.

Chi phí tiền công, tiền lương được xác định cụ thể tùy thuộc theo hình thức trả lương của doanh nghiệp theo lương thời gian hay lương sản phẩm.

Các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) tính vào chi phí nhân công trực tiếp căn cứ vào tổng số tiền lương công nhân sản xuất và tỷ lệ trích quy định theo quy chế tài chính hiện hành của từng thời kỳ.

Chi phí nhân công trực tiếp thường được tính trực tiếp vào đối tượng chịu chi phí liên quan. Trường hợp chi phí nhân công trực tiếp liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí thì sử dụng phương pháp phân bổ gián tiếp để tính toán. Tiêu chuẩn phân bổ có thể là: Chi phí tiền công định mức, giờ công định mức.

- Chứng từ sử dụng: Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội, Bảng tổng hợp thanh toán tiền lương, Bảng kết toán tạm ứng, Bảng thanh toán lương thuê ngoài ...

- Tài khoản sử dụng: Để tập hợp chi phí nhân công trực tiếp kế toán sử dụng tài khoản: TK 622 - Chi phí nhân công trực tiếp

- Một số tài khoản liên quan: TK 334 - Phải trả người lao động

TK 335 - Chi phí phải trả

TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

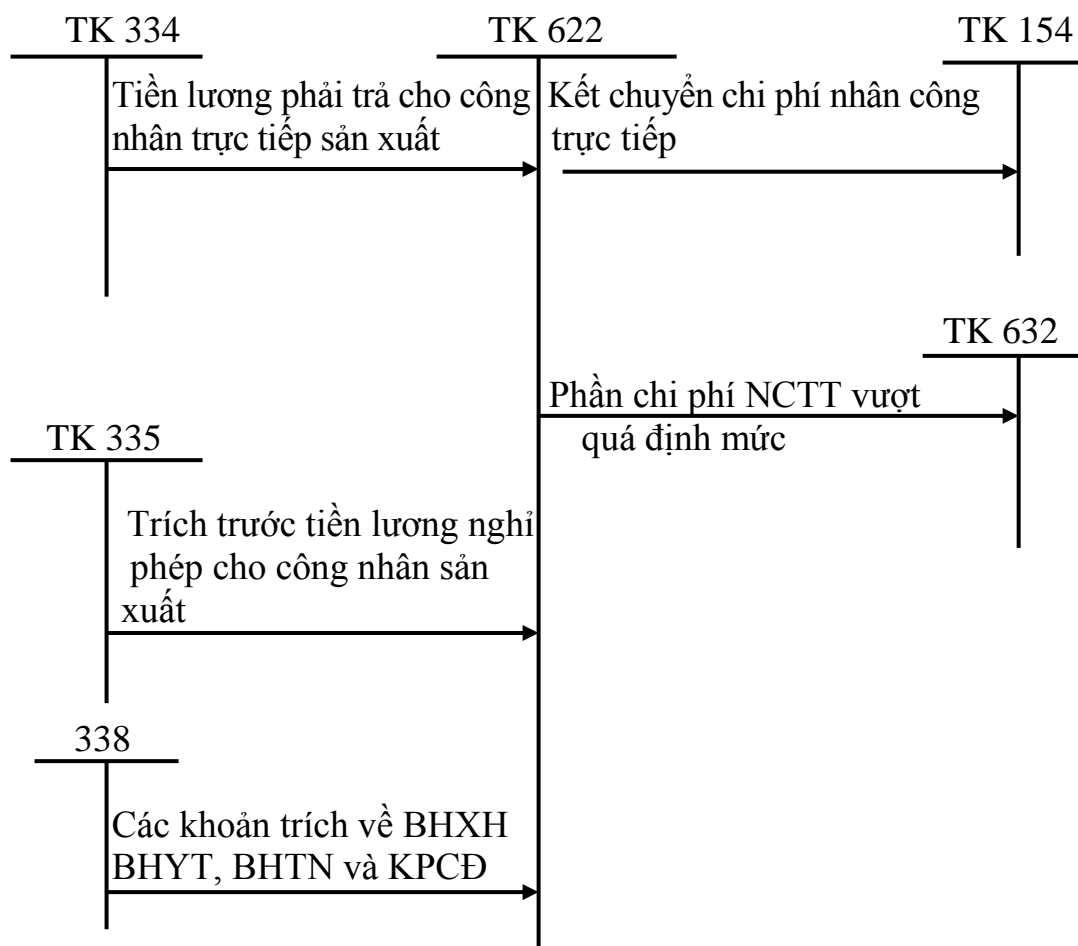
- Kết cấu tài khoản: TK 622 - Chi phí nhân công trực tiếp

Nợ	TK 622	Có
- Chi phí nhân công trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất		- Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

Trình tự hạch toán chủ yếu:

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

**1.4.2.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công**

Đối với các doanh nghiệp xây lắp còn có thêm chi phí sử dụng máy thi công. Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ chi phí sử dụng máy để hoàn thành khối lượng xây lắp bao gồm: Chi phí vật liệu, nhân công, chi phí khấu hao máy thi công ... chi phí khác liên quan đến sử dụng máy thi công.

- Chứng từ sử dụng: Bảng tính và phân bổ tiền lương, Bảng tính và phân bổ khấu hao máy thi công, Bảng phân bổ vật liệu, Phiếu xuất kho ...

- Tài khoản sử dụng: Để tập hợp chi phí máy thi công, kế toán sử dụng tài khoản: TK 623 - Chi phí sử dụng máy thi công

- Một số tài khoản liên quan: TK 152 - Nguyên vật liệu

TK 334 - Phải trả người lao động

TK 214- Hao mòn TSCĐ

- Kết cấu tài khoản: TK 623 - Chi phí sử dụng máy thi công

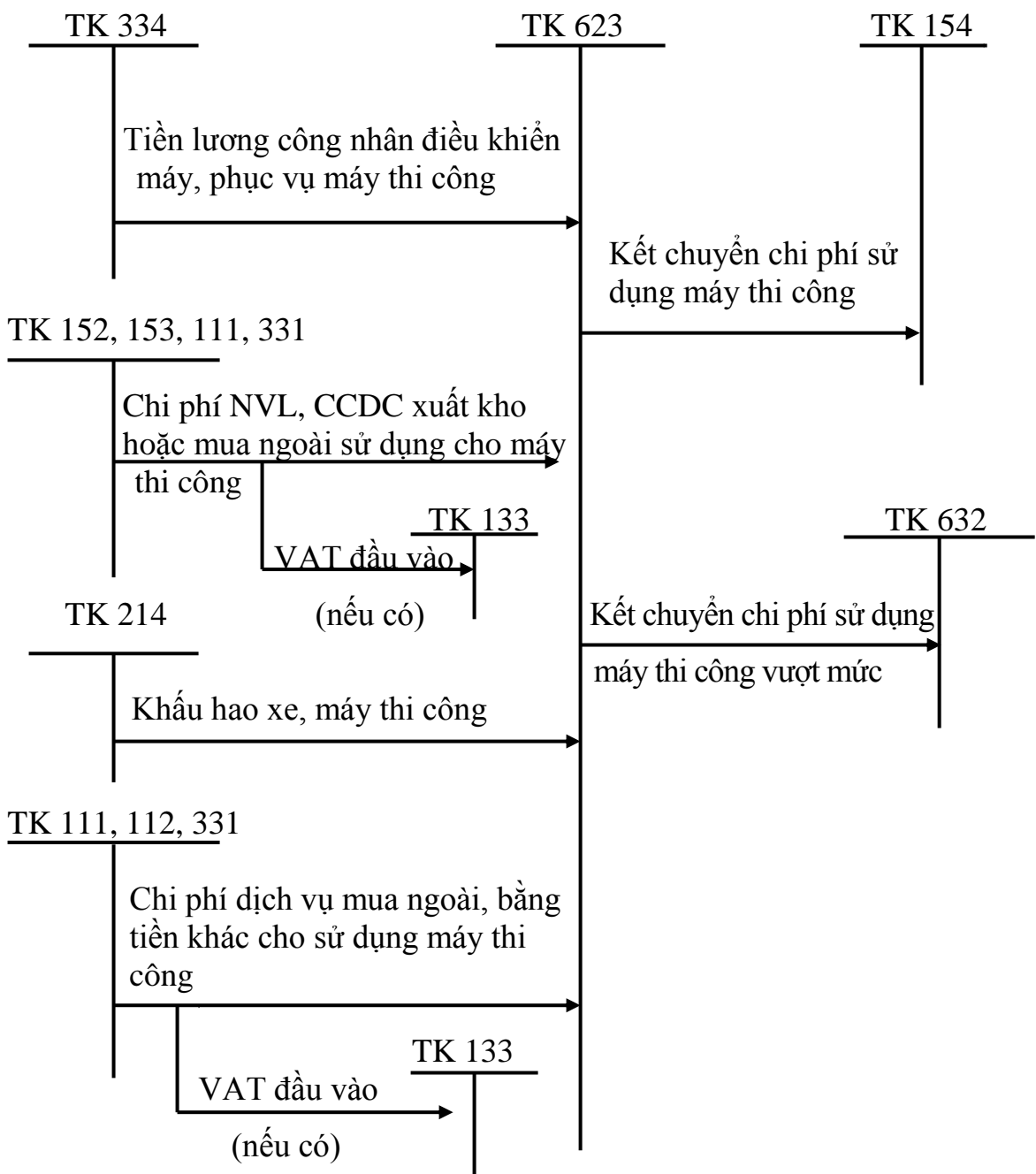
Nợ	TK 623	Có
- Chi phí sử dụng máy thi công phát sinh trong kỳ		- Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

□ Trình tự hạch toán chủ yếu:

Trường hợp doanh nghiệp xây lắp không tổ chức đội máy thi công riêng biệt

Sơ đồ 1.3.1: Sơ đồ hạch toán chi phí sử dụng máy thi công



1.4.2.4. Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là những khoản chi phí cần thiết khác phục vụ cho quá trình sản xuất. Chi phí sản xuất chung là chi phí tổng hợp bao gồm nhiều khoản chi phí khác nhau như chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ dùng cho phân xưởng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

Chi phí sản xuất chung liên quan đến nhiều loại sản phẩm, lao vụ dịch vụ nên phải tiến hành phân bổ cho từng đối tượng chịu chi phí. Tiêu chuẩn phân bổ có thể là định mức chi phí sản xuất chung, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Chi phí sản xuất chung được tổ chức tập hợp theo từng phân xưởng, đội sản xuất, quản lý chi tiết theo từng yếu tố chi phí, mặt khác chi phí sản xuất chung còn phải được tổng hợp theo chi phí cố định và chi phí biến đổi. Cuối kỳ sau khi tập hợp được chi phí sản xuất chung theo từng phân xưởng, kế toán tính toán phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng đối tượng kế toán chi phí sản xuất trong phân xưởng theo những tiêu chuẩn phân bổ hợp lý. Việc tính toán xác định chi phí sản xuất chung tính vào chi phí chế biến sản phẩm còn phải căn cứ vào mức công suất hoạt động thực tế của phân xưởng.

- Chứng từ sử dụng: Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội, Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, Hoá đơn dịch vụ mua ngoài...

- Tài khoản sử dụng: Để tập hợp chi phí sản xuất chung, kế toán sử dụng tài khoản: TK 627- chi phí sản xuất chung.

- Một số tài khoản liên quan: TK 334 - phải trả người lao động

TK 338 – phải trả, phải nộp khác

TK 152 - nguyên vật liệu

TK 331 - phải trả người bán

TK 214 - khấu hao TSCĐ

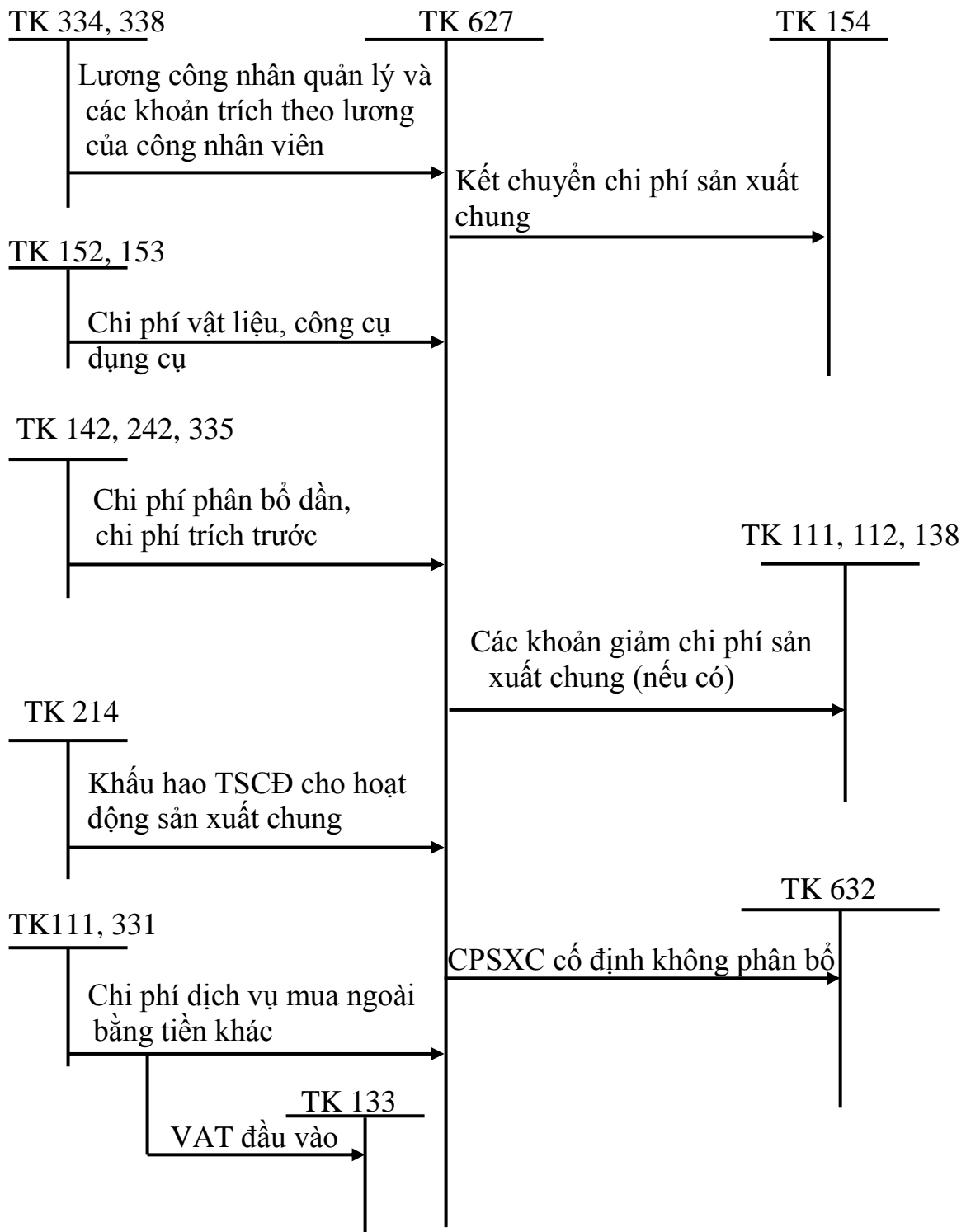
- Kết cấu tài khoản: TK 627 - chi phí sản xuất chung

Nợ	TK 627	Có
- Chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ		<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản giảm chi phí sản xuất chung - Chi phí sản xuất chung được phân bổ kết chuyển tính giá thành - Chi phí sản xuất chung không được phân bổ ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

Trình tự hạch toán chủ yếu:

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất chung



1.4.2.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên (KKTX)

✓ Khái niệm

Phương pháp kê khai thường xuyên đối với hàng tồn kho là phương pháp mà theo đó tình hình nhập, xuất, tồn vật tư, hàng hóa... được theo dõi một cách

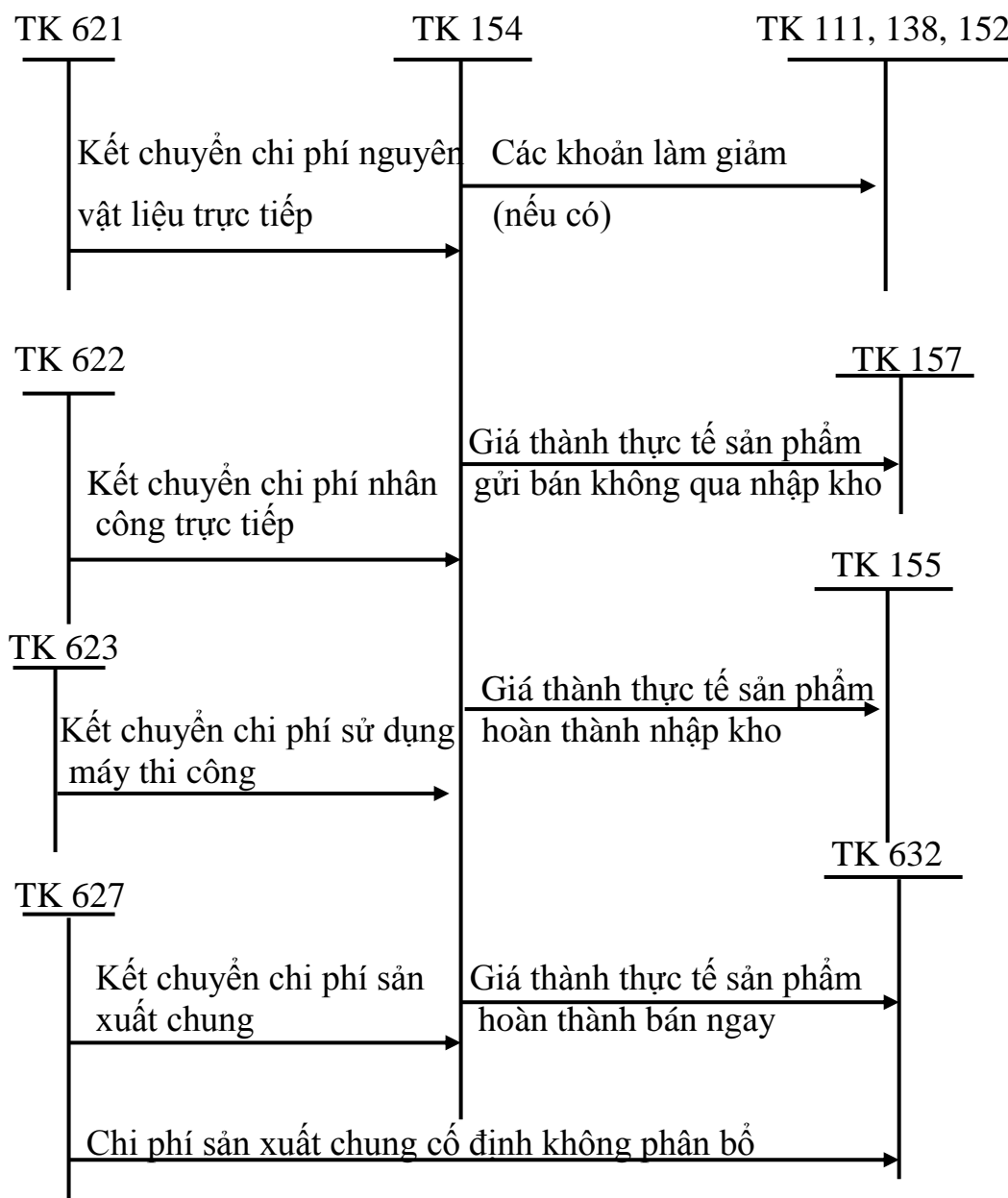
thường xuyên, liên tục trong sổ kế toán. Vì vậy, doanh nghiệp luôn quản lý được chi phí sản xuất trong quá trình sản xuất sản phẩm của mình ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

✓ **Tài khoản sử dụng**

Theo chế độ kế toán hiện hành, các doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp KCTX, toàn bộ chi phí sản xuất: 621 - chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, 622 - chi phí nhân công trực tiếp, 623 - chi phí sử dụng máy thi công, 627 - chi phí sản xuất chung được tập hợp vào tài khoản 154 - chi phí sản xuất kinh doanh dở dang để phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm. Tài khoản này được hạch toán chi phí theo từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất hoặc đối tượng tính giá thành.

Để tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp theo phương pháp này cần tập hợp tiến hành theo các bước ở sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm (KCTX)



1.4.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK)

Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ là không theo dõi một cách thường xuyên, liên tục về tình hình biến động của hàng tồn kho trên các tài khoản hàng tồn kho mà chỉ theo dõi, phản ánh giá trị hàng tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ trên cơ sở kiểm kê cuối kỳ, xác định lượng tồn kho thực tế. Từ đó xác định lượng xuất dùng cho sản xuất kinh doanh và các mục đích khác bằng công thức:

$$\begin{array}{r} \text{Giá trị vật} \\ \text{tur xuất} \\ \text{dùng} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá trị vật tur} \\ \text{tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Giá trị vật tur} \\ \text{nhập kho} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá trị vật tur} \\ \text{tồn kho cuối kỳ} \end{array}$$

Cũng tương tự như phương pháp kê khai thường xuyên, chi phí sản xuất trong kỳ được tập hợp trên các tài khoản:

TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

TK 622: Chi phí nhân công trực tiếp

TK 623: Chi phí sử dụng máy thi công

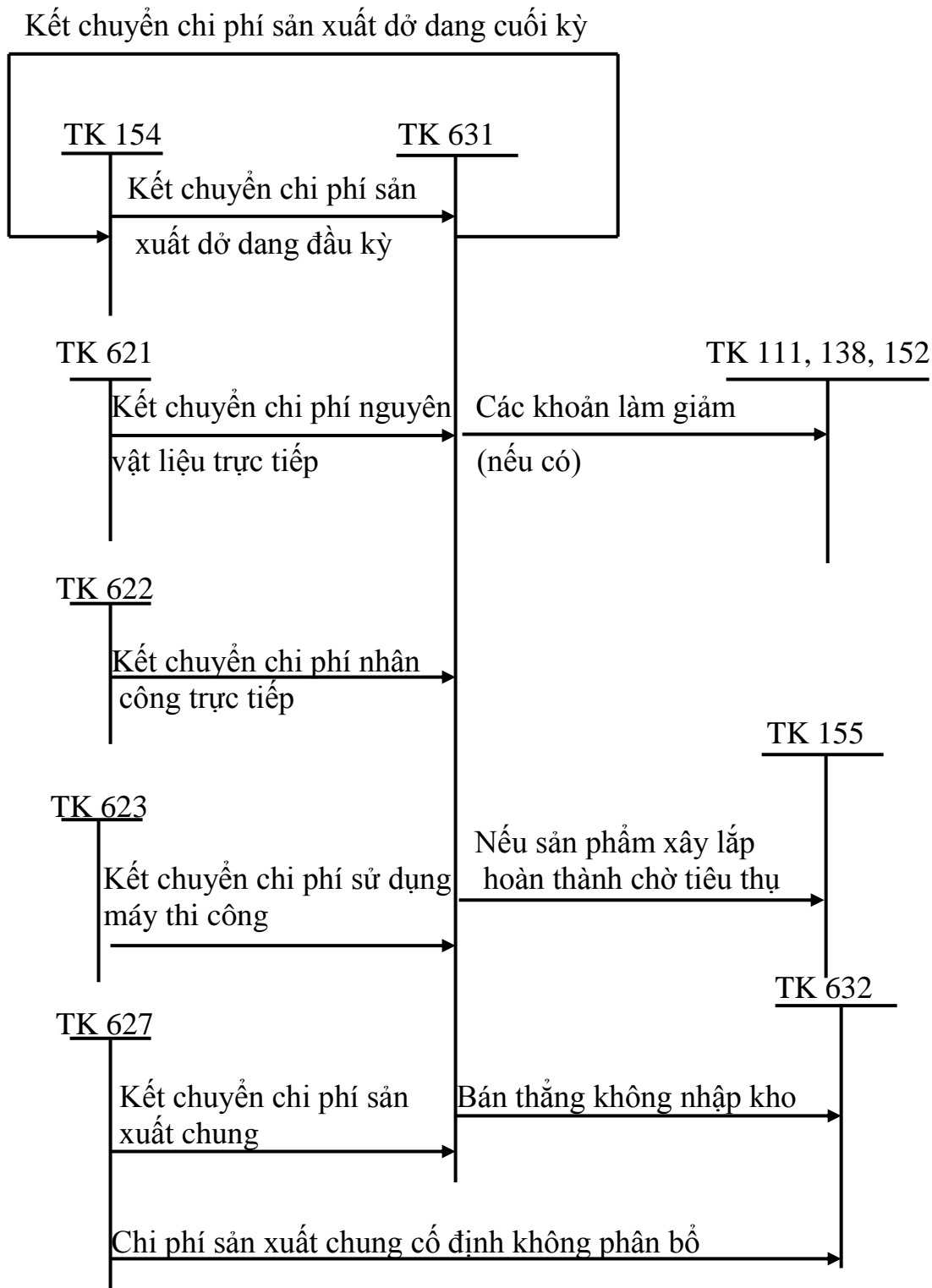
TK 627: Chi phí sản xuất chung

Tuy nhiên do đặc điểm của kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chỉ dùng để phản ánh chi phí dở dang đầu kỳ và cuối kỳ, việc tập hợp chi phí để tính giá thành sản phẩm được thực hiện trên TK 631: Giá thành sản xuất.

- Kết cấu tài khoản 631

Nợ	TK 631	Có
- Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ		- Tổng giá thành sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành
- Chi phí sản xuất thực tế phát sinh trong kỳ		- Kết chuyển chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ
Tài khoản 631 không có số dư cuối kỳ		

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp(KKĐK)



1.5. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp sản xuất

Cuối kỳ, kế toán muốn tính giá thành sản phẩm hoàn thành thì phải đánh giá được chi phí sản xuất dở dang.

Sản phẩm dở dang là khối lượng sản phẩm, công việc còn đang trong quá trình sản xuất, gia công, chế biến trên các giai đoạn của quy trình công nghệ, đã

hoàn thành một vài quy trình chế biến nhưng vẫn còn phải gia công chế biến tiếp mới trở thành thành phẩm.

1.5.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo phương pháp định mức

- Phương pháp này vận dụng phù hợp với những doanh nghiệp có xây dựng giá thành định mức.

- Đặc điểm của phương pháp này là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công (đối với doanh nghiệp xây lắp) và chi phí sản xuất chung của sản phẩm dở dang được xác định căn cứ vào định mức tiêu hao của những công đoạn đã thực hiện được và tỷ lệ hoàn thành. Nếu sản phẩm được chế tạo không phải qua các công đoạn có định mức tiêu hao được xác lập riêng biệt thì các khoản mục chi phí của sản phẩm dở dang được xác định căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành và định mức từng khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm hoàn thành.

Ngoài giá thành định mức như nêu trên, chi phí sản xuất của sản phẩm dở dang cũng có thể được xác định theo giá kế hoạch – trường hợp doanh nghiệp không xây dựng giá thành định mức.

1.5.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Phương pháp này vận dụng phù hợp ở những doanh nghiệp mà trong cấu thành của giá thành sản phẩm thì chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn, thông thường lớn hơn 70%.

- Đặc điểm của phương pháp này là chỉ tính cho sản phẩm dở dang khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (hoặc nguyên vật liệu chính), còn chi phí chế biến được tính hết vào sản phẩm hoàn thành trong kỳ. Đồng thời coi mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp hoặc nguyên vật liệu chính dùng cho đơn vị sản phẩm hoàn thành và đơn vị sản phẩm dở dang là như nhau.

- Công thức tính:

$$\text{CPSX dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{CPSX dở dang đầu kỳ} + \text{CPNVL trực tiếp thực tế sử dụng trong kỳ}}{\text{Số lượng SP hoàn thành trong kỳ} + \text{Số lượng SP dở dang cuối kỳ}} \times \text{Số lượng SP dở dang cuối kỳ}$$

- Phương pháp này đơn giản, khối lượng tính toán ít, nhưng thông tin về chi phí sản xuất dở dang có độ chính xác không cao. Tuy nhiên có thể áp dụng phương pháp này một cách thích hợp trong trường hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí, nguyên vật liệu bỏ vào toàn bộ từ đầu quy trình sản xuất, khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ ít và không có biến động nhiều so với đầu kỳ.

1.5.3. Đánh giá sản phẩm dở dang theo khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương

- Phương pháp này vận dụng phù hợp với hầu hết các loại doanh nghiệp nhưng phải gắn với điều kiện xác định được mức độ hoàn thành của sản phẩm dở dang và mức tiêu hao của từng khoản mục chi phí trong quá trình sản xuất sản phẩm.

- Đặc điểm của phương pháp này:

+ Chi phí sản xuất tính cho sản phẩm dở dang cuối kỳ bao gồm đầy đủ các khoản mục chi phí.

+ Nếu mức độ tiêu hao của các khoản mục chi phí tương ứng với tỷ lệ hoàn thành của sản phẩm dở dang thì chỉ cần quy đổi số lượng sản phẩm dở dang thành sản phẩm hoàn thành nói chung để xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ.

$$\text{CPSX dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{CPSX dở dang đầu kỳ} + \text{CPSX phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng SP hoàn thành trong kỳ} + \text{Số lượng SP dở dang cuối kỳ quy đổi thành SP hoàn thành}} \times \text{Số lượng SP dở dang cuối kỳ quy đổi thành SP hoàn thành}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng SP dở dang cuối kỳ quy đổi thành SP hoàn thành} = \text{Số lượng SP dở dang cuối kỳ} \times \text{Tỷ lệ hoàn thành được xác định}$$

Hoặc:

$$\text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ quy đổi thành SP hoàn thành} = \frac{\text{Tổng số giờ sx của số lượng SPDD cuối kỳ}}{\text{Số giờ định mức để SX hoàn thành một sản phẩm}}$$

+ Nếu vật liệu chính được xuất sử dụng hầu hết ở ngay giai đoạn đầu của quá trình sản xuất thì việc tính chi phí cho sản phẩm dở dang được chia làm hai phần:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tính cho đơn vị sản phẩm dở dang và đơn vị sản phẩm hoàn thành như nhau. Công thức tính giống như ở phương pháp đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

$$\text{CPSX dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{CPSX dở dang đầu kỳ} + \text{CPSX phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng SP hoàn thành trong kỳ} + \text{Số lượng SP dở dang cuối kỳ}} \times \text{Số lượng SP dở dang cuối kỳ}$$

- Chi phí chế biến được tính cho sản phẩm dở dang theo mức độ hoàn thành thực tế (quy đổi sản phẩm dở dang thành sản phẩm hoàn thành tương đương).

$$\begin{array}{r}
 \text{CP chế} \\
 \text{biến tính} \\
 \text{cho SP dở} \\
 \text{dang cuối} \\
 \text{kỳ}
 \end{array}
 = \frac{
 \begin{array}{r}
 \text{CP chế biến dở} \\
 \text{dang đầu kỳ} \\
 \text{Số lượng} \\
 \text{SP hoàn thành} \\
 \text{trong kỳ}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{r}
 \text{CP chế biến thực} \\
 \text{tế phát sinh} \\
 \text{trong kỳ} \\
 \text{Số lượng SP dở} \\
 \text{dang cuối kỳ quy} \\
 \text{đổi thành SP hoàn} \\
 \text{thành}
 \end{array}
 }{
 \begin{array}{r}
 \text{Số lượng} \\
 \text{SP hoàn thành} \\
 \text{trong kỳ}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{r}
 \text{Số lượng SP dở} \\
 \text{dang cuối kỳ quy} \\
 \text{đổi thành SP hoàn} \\
 \text{thành}
 \end{array}
 }
 \times
 \begin{array}{r}
 \text{Số lượng SP dở} \\
 \text{dang cuối kỳ quy} \\
 \text{đổi thành SP hoàn} \\
 \text{thành}
 \end{array}$$

1.6. Phương pháp tính giá thành

Tính giá thành sản phẩm là phương pháp sử dụng số liệu chi phí sản xuất đã tập hợp trong kỳ để tính toán tổng giá thành và giá thành đơn vị theo từng khoản mục chi phí quy định cho các đối tượng tính giá thành

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, yêu cầu quản lý sản xuất và giá thành, các doanh nghiệp phải lựa chọn cho mình một phương pháp tính giá thành thích hợp. Việc lựa chọn đúng đắn phương pháp tính giá thành sản phẩm sẽ góp phần vào việc hạ giá thành sản phẩm để tăng lợi nhuận cho Công ty. Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp mà có thể áp dụng một trong những phương pháp sau:

- Nếu doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất đơn giản thì nên sử dụng phương pháp tính giá thành giản đơn.

- Nếu doanh nghiệp sản xuất một loại sản phẩm có nhiều quy cách phẩm chất khác nhau thì sử dụng phương pháp tính giá thành theo hệ số hoặc theo tỷ lệ.

- Nếu doanh nghiệp tổ chức sản xuất hàng loạt theo từng loại hàng, từng đơn đặt hàng thì doanh nghiệp áp dụng phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng.

- Khi một đối tượng tính giá thành bao gồm nhiều đối tượng kế toán chi phí sản xuất thì doanh nghiệp áp dụng phương pháp tính giá thành phân bước hoặc tổng hợp chi phí.

1.6.1. Tính giá thành theo phương pháp trực tiếp (phương pháp giản đơn)

- Đây là phương pháp hạch toán giá thành theo sản phẩm áp dụng cho những doanh nghiệp có quy trình sản xuất giản đơn như các doanh nghiệp khai thác và sản xuất... Đặc điểm của các doanh nghiệp có quy trình sản xuất giản

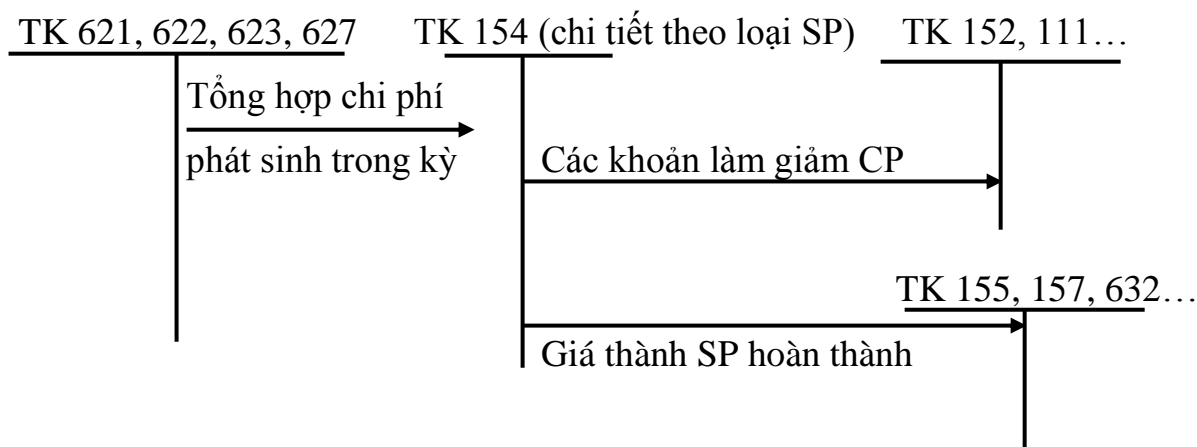
đơn là chỉ sản xuất một hoặc một số ít mặt hàng với số lượng lớn, chu kỳ sản xuất ngắn, có thể có hoặc không có sản phẩm dở dang.

- Công thức tính giá thành:

$$\begin{array}{rccclcccl} \text{Tổng giá} & & \text{CPSX} & & \text{CPSX} & & \text{Các khoản} & & \text{CPSX} \\ \text{thành SP hoàn} & = & \text{dở dang} & + & \text{phát sinh} & - & \text{làm giảm} & - & \text{dở dang} \\ \text{thành trong kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{chi phí} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm} = \frac{\text{Tổng giá thành SP hoàn thành trong kỳ}}{\text{Số lượng SP hoàn thành trong kỳ}}$$

Sơ đồ 1.7: Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm



Để tính giá thành sản phẩm theo khoản mục giá thành người ta cần lập thẻ tính giá thành cho từng sản phẩm theo mẫu sau :

Biểu 1.1:

THẺ (PHIẾU)
TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

Tên sản phẩm:

Số lượng sản phẩm hoàn thành:

Đơn vị tính:

KHOẢN MỤC	CP SXKD dở dang Đầu kỳ	CP SXKD phát sinh trong kỳ	CP SXKD dở dang cuối kỳ	Tổng Z sản phẩm hoàn thành	z đơn vị sản phẩm
1. Chi phí NVLTT					
2. Chi phí NCTT					
3. Chi phí SXC					
Cộng					

Xuất phát từ đặc điểm sản xuất sản phẩm nêu trong phương pháp giản đơn cần phải thực hiện một số biện pháp kỹ thuật tính toán để xác định giá thành cho từng loại sản phẩm cụ thể. Những biện pháp kỹ thuật này chỉ là những phương pháp tính toán gắn liền với những quy ước nhất định.

1.6.2. Phương pháp tổng cộng chi phí

Phương pháp này áp dụng trong những doanh nghiệp mà sản phẩm hoàn thành trong quy trình công nghệ bao gồm nhiều chi tiết, bộ phận cấu thành. Những chi tiết, bộ phận, sản phẩm được thực hiện ở nhiều phân xưởng sản xuất, nhiều giai đoạn công nghệ khác nhau lắp ráp ra sản phẩm hoàn chỉnh, ví dụ như doanh nghiệp chế tạo cơ khí, may mặc...

Trong những doanh nghiệp này đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là sản phẩm hoàn thành. Giá thành sản phẩm được xác định bằng cách cộng các chi phí sản xuất của các bộ phận, chi tiết sản phẩm, hay tổng chi phí sản xuất của các giai đoạn, bộ phận sản xuất tạo nên sản phẩm.

$$\text{Giá thành sản phẩm} = Z_1 + Z_2 + \dots + Z_n$$

1.6.3. Tính giá thành theo phương pháp loại trừ sản phẩm phụ

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp trong cùng một quy trình sản xuất vừa tạo ra sản phẩm chính, vừa tạo ra sản phẩm phụ (sản phẩm phụ không phải đối tượng tính giá thành và được định giá theo mục đích tận thu). Do vậy để tính được giá thành của sản phẩm chính cần loại trừ giá trị sản phẩm phụ ra khỏi chi phí.

Trong những doanh nghiệp này, đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là toàn bộ quy trình sản xuất hoặc phân xưởng, đối tượng tính giá thành là sản phẩm chính.

Tổng giá thành	CPSX	CPSX	Các khoản	CPSX
SP chính hoàn thành trong kỳ	=	dở dang đầu kỳ	+	phát sinh trong kỳ
			-	làm giảm chi phí
				-
				dở dang cuối kỳ

Giá trị sản phẩm phụ tùy theo doanh nghiệp có thể sử dụng các phương pháp xác định khác nhau như: giá kế hoạch, giá ước tính, giá bán trên thị trường của sản phẩm phụ ...

$$\text{Giá thành thực tế đơn vị sản phẩm chính} = \frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm chính}}{\text{Số lượng sản phẩm chính hoàn thành}}$$

1.6.4. Tính giá thành theo phương pháp hệ số

Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp trong cùng một quy trình sản xuất tạo ra nhiều loại sản phẩm chính. Ví dụ: doanh nghiệp sản xuất nhựa, hoá chất, cao su, may mặc, chế biến nông sản... Vậy cần xác định giá thành của từng loại sản phẩm chính cần phải quy đổi các sản phẩm chính khác nhau về cùng một loại sản phẩm duy nhất, gọi là sản phẩm tiêu chuẩn theo hệ số quy đổi được quy định sẵn. Sản phẩm có hệ số 1 được chọn là sản phẩm tiêu chuẩn.

Trong những doanh nghiệp này đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là phân xưởng hoặc toàn bộ quy trình sản xuất, đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm hoàn thành.

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số SP} \\ \text{tiêu chuẩn hoàn} \\ \text{thành trong kỳ} \end{array} = \sum \left\{ \begin{array}{l} \text{Số lượng hoàn} \\ \text{thành của từng} \\ \text{loại SP chính} \end{array} \right. \times \begin{array}{l} \text{Hệ số quy} \\ \text{đổi của} \\ \text{từng loại} \end{array} \left. \right\}$$

$$\begin{array}{l} \text{Z đơn vị SP} \\ \text{tiêu chuẩn} \end{array} = \frac{\text{Tổng giá thành của các loại SP chính hoàn thành trong kỳ}}{\text{Tổng số SP tiêu chuẩn}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Z đơn vị của} \\ \text{từng loại SP} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành đơn vị} \\ \text{SP tiêu chuẩn} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số quy đổi của} \\ \text{từng loại SP} \end{array}$$

Nếu trong quá trình sản xuất có sản phẩm dở dang thì cũng cần quy đổi về sản phẩm tiêu chuẩn để xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ.

1.6.5. Tính giá thành theo phương pháp tỷ lệ

Phương pháp này được áp dụng trong điều kiện sản xuất tương tự như đã nêu ở phương pháp hệ số nhưng giữa các loại sản phẩm chính lại không xác lập một hệ số quy đổi. Để xác định tỷ lệ đó người ta có thể sử dụng nhiều tiêu thức khác nhau: Giá thành (Z) kế hoạch, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp... Thông thường có thể sử dụng giá thành kế hoạch hoặc giá thành định mức.

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ phân bổ Z thực tế} \\ \text{cho từng loại sản phẩm} \end{array} = \frac{\text{Tổng Z thực tế của các loại SP chính}}{\text{Tổng Z kế hoạch của các loại SP chính}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Tổng Z thực tế của} \\ \text{từng loại sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng Z kế hoạch} \\ \text{của từng loại SP} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ} \\ \text{phân bổ} \end{array}$$

Để xác định từng khoản mục của Z thực tế thì lấy giá thành thực tế đã được xác định nhân với tỷ lệ % của từng khoản mục trong cấu thành của giá thành kế hoạch.

Phương pháp tỷ lệ là hình thức biến tướng của phương pháp hệ số bởi qua các tiêu thức để tính tỷ lệ vẫn có thể tính ra hệ số để quy đổi nhiều loại sản phẩm thành một loại sản phẩm duy nhất. Sau đó thực hiện phương pháp tính toán giống như phương pháp hệ số sẽ có được giá thành của từng loại sản phẩm.

1.6.6. Tính giá thành theo phương pháp liên hợp

Phương pháp này được áp dụng trong điều kiện cùng một quy trình sản xuất vừa tạo ra nhiều loại sản phẩm chính và có cả sản phẩm phụ nên phải kết hợp phương pháp hệ số hoặc tỷ lệ với phương pháp loại trừ mới xác định được giá thành của từng loại sản phẩm chính.

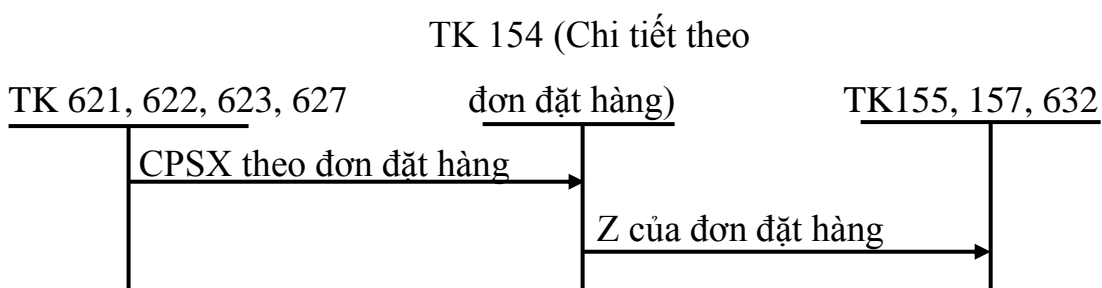
1.6.7. Tính giá thành theo phương pháp đơn đặt hàng

Đây là phương pháp tính giá thành trong doanh nghiệp sản xuất đơn chiếc hoặc sản xuất hàng loại nhỏ theo đơn đặt hàng của người mua. Đặc điểm của phương pháp này là tính giá thành riêng biệt theo từng đơn đặt hàng nên việc tổ chức kế toán chi phí phải được chi tiết hóa theo từng đơn đặt hàng.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sử dụng máy thi công được hạch toán trực tiếp vào từng đơn đặt hàng có liên quan, riêng chi phí phục vụ và quản lý sản xuất ở phân xưởng có liên quan đến nhiều đơn đặt hàng nên tổ chức theo dõi theo phân xưởng và cuối tháng mới tiến hành phân bổ cho từng đơn đặt hàng theo tiêu thức phù hợp. Thực hiện phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng thì đối tượng hạch toán chi phí và đối tượng tính giá thành là từng đơn đặt hàng cụ thể.

Giá thành của từng đơn đặt hàng là toàn bộ chi phí phát sinh kể từ lúc bắt đầu thực hiện cho đến lúc hoàn thành đơn đặt hàng đúng theo tiêu chuẩn kỹ thuật được thỏa thuận theo hợp đồng sản xuất.

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm



Nếu có đơn đặt hàng nào đó mà cuối tháng vẫn chưa thực hiện xong thì việc tổng hợp chi phí của đơn đặt hàng cuối tháng đó chính là chi phí sản xuất dở dang của đơn đặt hàng (số dư TK 154 – chi tiết theo đơn đặt hàng).

Nếu trong đơn đặt hàng có nhiều sản phẩm hoàn thành thì có thể kết hợp với phương pháp trực tiếp, phương pháp hệ số, phương pháp tổng cộng chi phí hay phương pháp liên hợp ...

1.6.8. Tính giá thành theo phương pháp phân bước

Phương pháp phân bước áp dụng cho những doanh nghiệp sản xuất sản phẩm theo quy trình công nghệ phức tạp, quá trình chế biến sản phẩm phải trải qua nhiều giai đoạn công nghệ theo một thứ tự nhất định để có được sản phẩm hoàn chỉnh. Các giai đoạn công nghệ có thể được thực hiện ở một hoặc nhiều phân xưởng sản xuất, mỗi giai đoạn công nghệ có thể tạo ra bán thành phẩm cho bước sau hoặc chỉ tham gia vào quá trình chế biến có tính chất liên tục để tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh, ví dụ các doanh nghiệp dệt nhuộm ...

Khi thực hiện phương pháp phân bước thì đối tượng hạch toán chi phí sản xuất phải được tổ chức chi tiết theo từng giai đoạn công nghệ hoặc theo từng phân xưởng sản xuất riêng biệt có thể tham gia vào quy trình tạo nên sản phẩm hoàn chỉnh. Đối tượng tính giá thành có thể nửa thành phẩm hoặc chi tiết sản phẩm của từng giai đoạn công nghệ hoặc phân xưởng sản xuất và sản phẩm hoàn chỉnh. Việc tập hợp chi phí sản xuất phải gắn liền với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp thì tiến hành quy nạp trực tiếp vào đối tượng chịu chi phí, còn chi phí sản xuất chung có liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí thì phải tập hợp theo phân xưởng và sau đó tiến hành phân bổ theo tiêu chuẩn phù hợp.

1.6.9. Tính giá thành theo phương pháp định mức

Phương pháp này chỉ áp dụng trong doanh nghiệp đã xác lập được hệ thống các định mức về chi phí vật liệu, chi phí nhân công như dự toán về chi phí phục vụ và quản lý sản xuất cho từng loại sản phẩm được sản xuất ra, ngay cả các chi tiết sản phẩm để tạo nên sản phẩm hoàn chỉnh. Nói cách khác, doanh nghiệp phải xác lập được giá thành định mức cho từng loại sản phẩm trên cơ sở các định mức tiêu hao hiện hành.

Phương pháp định mức cho phép phát hiện nhanh chóng những khoản chênh lệch về chi phí phát sinh thực tế với chi phí định mức của từng khoản mục, theo từng nơi phát sinh chi phí cũng như đối tượng chịu chi phí, các nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi này... Điều này giúp cho nhà quản lý có được những quyết định hợp lý, hữu ích, kịp thời nhằm tiết kiệm chi phí, ngăn chặn

được hiện tượng lãng phí, nhằm sử dụng chi phí đúng mục đích, hiệu quả, hạ giá thành sản phẩm.

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất trong phương pháp này cũng là từng loại sản phẩm, từng phân xưởng hoặc giai đoạn sản xuất. Đối tượng tính giá thành là chi tiết sản phẩm và sản phẩm hoàn chỉnh.

Công thức tính giá thành theo phương pháp định mức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành} & & \text{Giá thành} & & \text{Chênh lệch do} & & \text{Chênh lệch do thực} \\ \text{thực tế} & = & \text{định mức} & \pm & \text{thay đổi định mức} & \pm & \text{hiện định mức} \end{array}$$

Qua công thức này thấy rằng để xác định được giá thành thực tế của sản phẩm, kế toán phải tổ chức xác định giá thành định mức vào đầu kỳ sản xuất trên cơ sở các định mức hiện hành, đồng thời phải theo dõi chi tiết những biến động của chi phí thực tế so với định mức trong trường hợp thay đổi định mức (xác lập định mức mới) và thực hiện định mức – tiết kiệm hoặc lãng phí so với định mức trong quá trình sử dụng các yếu tố của quá trình sản xuất. Việc theo dõi sự biến động so với định mức cần phải gắn liền với từng đối tượng chịu chi phí, theo từng khoản mục chi phí. Tổ chức theo dõi chặt chẽ, kịp thời và chính xác những thay đổi so với định mức trong quá trình sản xuất sản phẩm là vấn đề có ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với công tác hạch toán giá thành mà còn phục vụ thiết thực và có hiệu quả cho công tác hạch toán nội bộ trong doanh nghiệp.

1.7. Kỳ tính giá thành

Trong công tác tính giá thành kế toán còn có nhiệm vụ định kỳ tính giá thành.

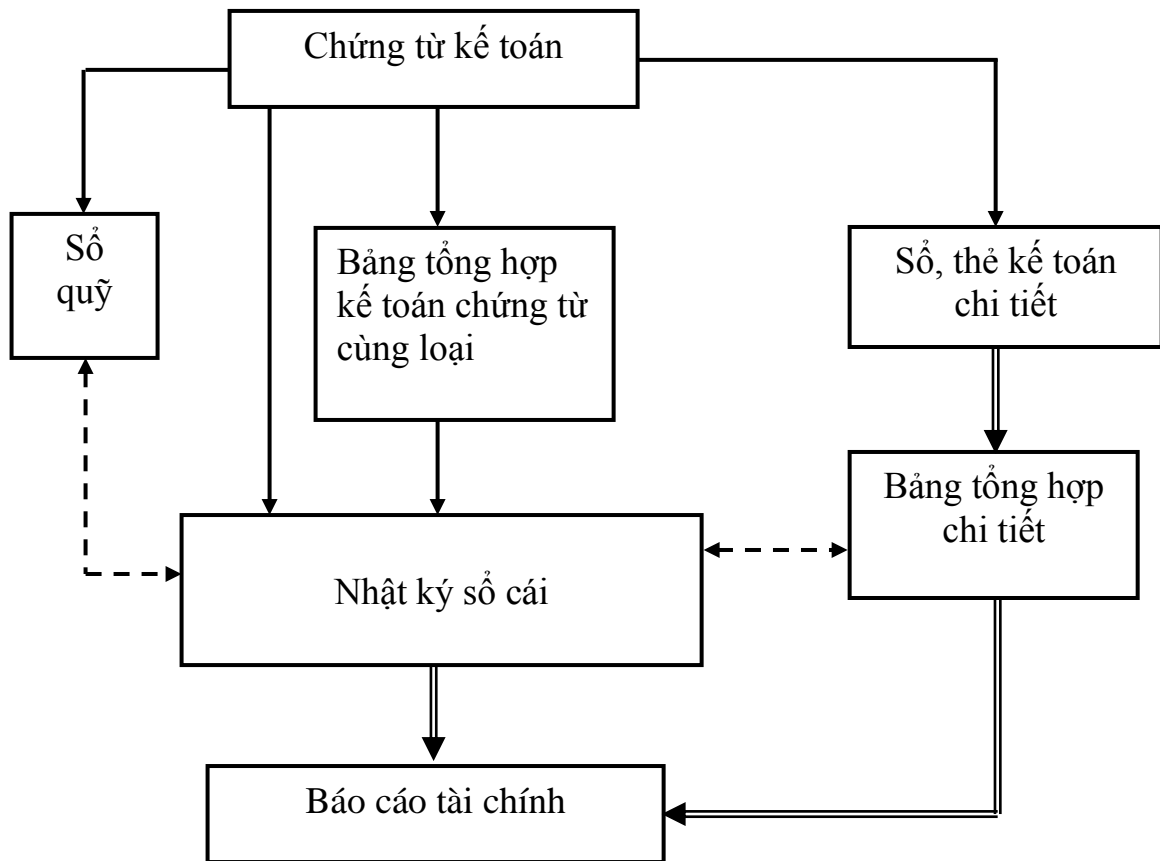
Nguyên tắc chung của kỳ tính giá thành là khi kết thúc quy trình công nghệ sản xuất hoặc việc kết thúc một giai đoạn công nghệ phải phù hợp với yêu cầu trình độ quản lý. Do vậy, xác định kỳ tính giá thành phải căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, chu kỳ sản xuất, yêu cầu trình độ kế toán của nhân viên kế toán giá thành. Thông thường doanh nghiệp sản xuất với khối lượng sản phẩm lớn, chu kỳ sản xuất ngắn và xen kẽ liên tục, kỳ tính giá thành thích hợp nhất là hàng tháng. Nếu chu kỳ sản xuất kéo dài thì kỳ tính giá thành thích hợp nhất là thời điểm mà sản phẩm đó hoàn thành.

1.8. Các hình thức kế toán áp dụng trong kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

- Hình thức kế toán nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán nhật ký chung
- Hình thức kế toán trên máy vi tính
- Hình thức kế toán nhật ký – sổ cái

Sơ đồ 1.9

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ – SỔ CÁI**

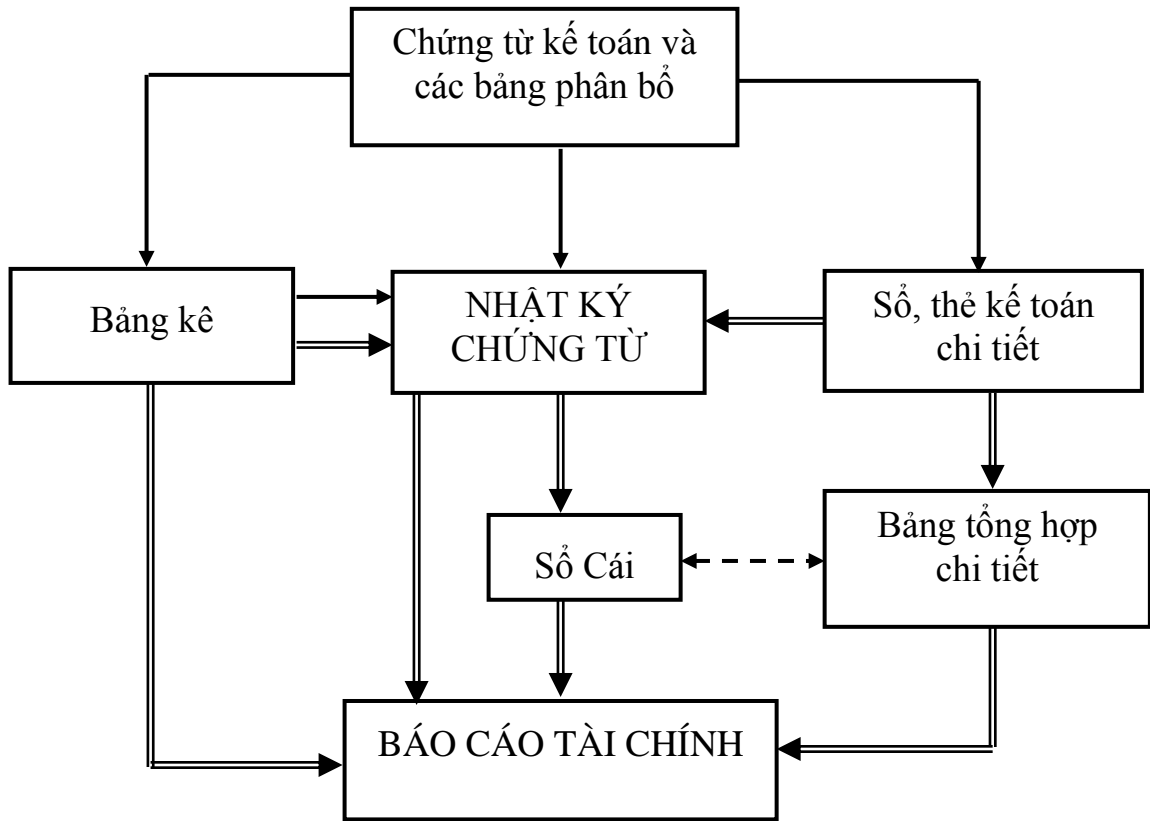


Trong đó: Ghi hàng ngày: \longrightarrow
 Ghi cuối tháng: \Longrightarrow
 Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

- Hình thức kế toán nhật ký chứng từ

Sơ đồ 1.10

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ – CHỨNG TỪ**

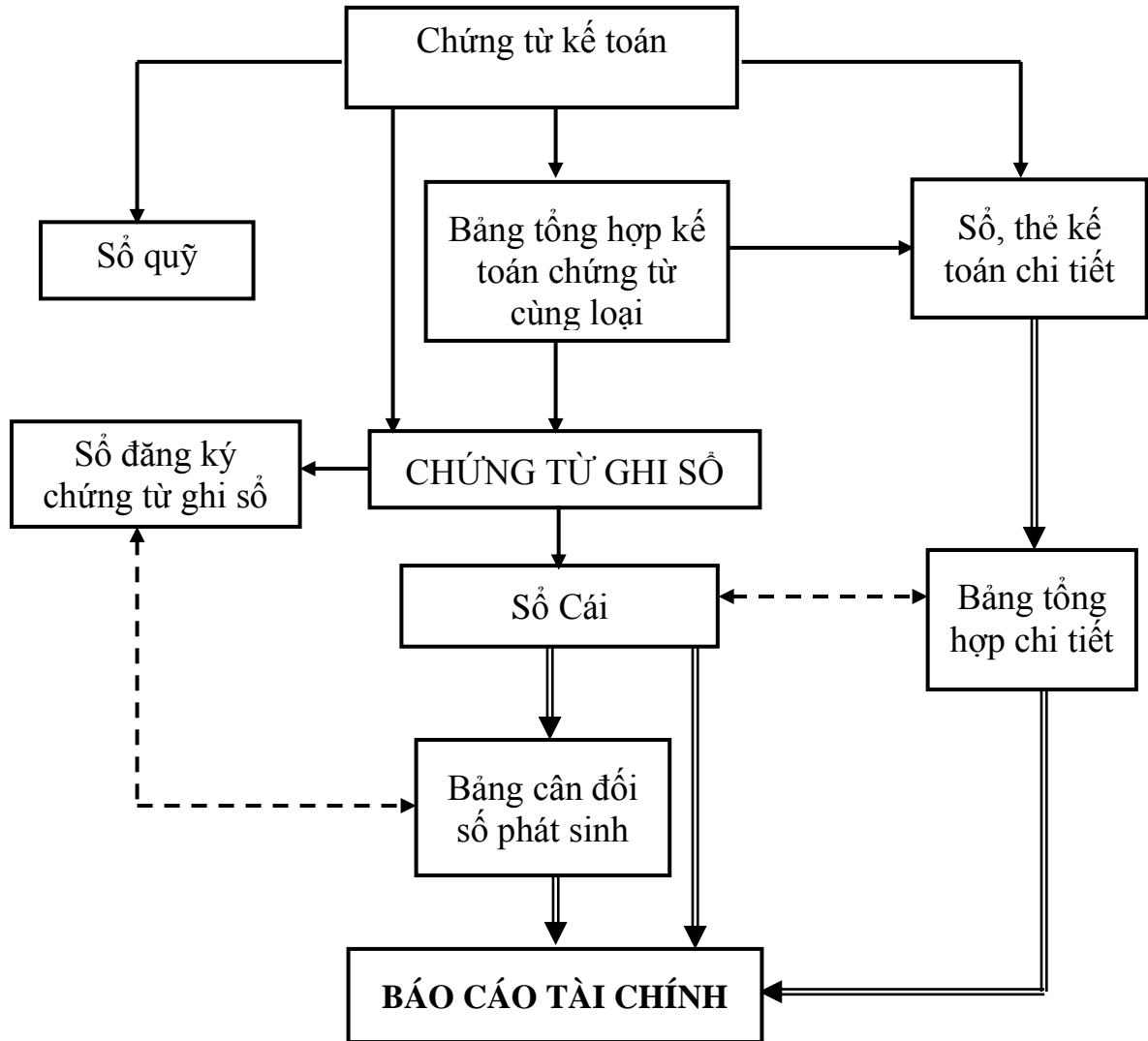


Trong đó: Ghi hàng ngày: \longrightarrow
 Ghi cuối tháng: \Longrightarrow
 Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Sơ đồ 1.11

**TRÌNH TỰ GHI SỔ
HÌNH THỨC KẾ TOÁN CHỨNG TỪ GHI SỔ**

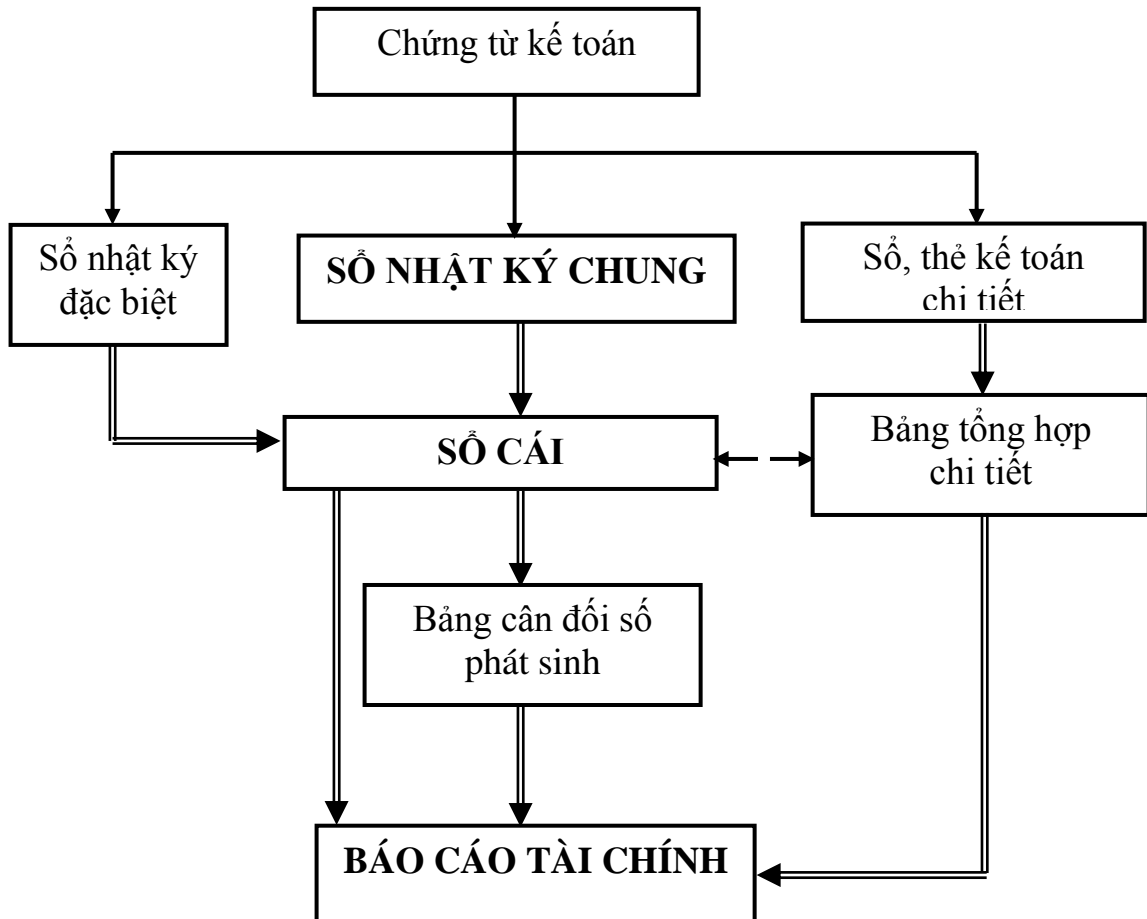


Trong đó: Ghi hàng ngày \longrightarrow
 Ghi cuối tháng \Longrightarrow
 Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

- Hình thức kế toán nhật ký chung

Sơ đồ 1.12

**TRÌNH TỰ GHI SỔ
HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG**

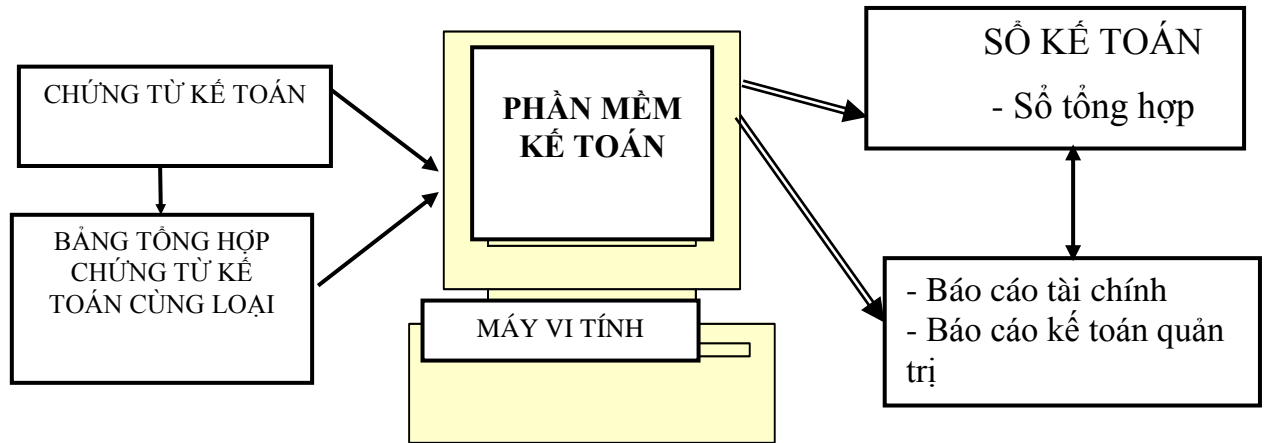


Trong đó: Ghi hàng ngày: \longrightarrow
 Ghi cuối tháng: \Longrightarrow
 Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

- Hình thức kế toán trên máy vi tính

Sơ đồ 1.13

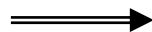
TRÌNH TỰ GHI SỔ
HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH



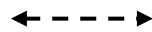
Ghi chú:



Nhập số liệu hàng ngày



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm



Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HẢI PHÒNG

2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty CP công trình giao thông Hải Phòng

Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng tiền thân là Công ty cầu đường Hải Phòng, thành lập ngày 16/01/1970 theo quyết định số 2214/UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 12/01/1992 Công ty có quyết định thành lập doanh nghiệp số 129 QĐ/TCCQ của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc chuyển đổi tên thành Công ty công trình giao thông Hải Phòng.

Là một doanh nghiệp nhà nước, Công ty có đầy đủ tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có tài khoản giao dịch tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hải Phòng.

Ngày 14/02/2005 Công ty công trình giao thông Hải Phòng chuyển đổi thành Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng theo hình thức bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp kết hợp với phát hành cổ phiếu nhằm thu hút thêm vốn để thành lập Công ty Cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty là: 12.600.000.000 đồng

Trong đó: - Vốn cổ đông nhà nước: 6.804.000.000 đồng, chiếm 54 %

- Vốn cổ đông doanh nghiệp: 5.266.000.000 đồng, chiếm 41,79 %

- Vốn cổ đông ngoài doanh nghiệp: 530.000.000 đồng, chiếm 4,21%

Trụ sở chính của Công ty: Số 708 Nguyễn Văn Linh - Lê Chân - Hải Phòng.

- Sự phát triển của Công ty được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Biểu 2.1. Các chỉ tiêu phản ánh sự tăng trưởng từ năm 2008 – 2010

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	Doanh thu	VNĐ	113.443.013.502	116.804.904.279	116.336.726.307
2	Thuế TNDN	VNĐ	468.289.106	468.635.186	487.887.454
	Thuế GTGT	VNĐ	10.546.263.226	10.775.651.131	11.809.656.557
	Tổng nộp ngân sách NN	VNĐ	11.014.552.332	11.244.286.317	12.297.544.011
3	Lợi nhuận	VNĐ	1.672.461.093	1.874.540.742	1.951.549.818
4	Tổng quỹ lương	VNĐ	7.212.663.054	8.302.469.972	8.639.729.524
5	Thu nhập bình quân tháng	đồng/ người	2.795.606	3.218.012	3.348.732

Biểu 2.2: Bảng chỉ tiêu đánh giá khái quát hiệu quả kinh doanh của Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng qua hai năm 2009, 2010

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2009	Năm 2010	Tăng giảm	
				+	%
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)=(2)-(1)	(4)
1, Doanh Thu	01	116.804.904.279	116.336.726.307	-468.177.972	-0,40
2, Các khoản giảm trừ	02	-	-	-	-
3, Doanh thu thuần	10	116.804.904.279	116.336.726.307	-468.177.972	-0,40
4, Giá vốn hàng bán	11	112.315.039.246	110.753.783.129	-1561.256117	-1,39
5, Lợi nhuận gộp	20	4.489.856.033	5.582.943.178	+1.093.078.145	+ 24,35
6, Doanh thu tài chính	21	105.538.127	197.811.759	+92.273.632	+ 87,43
7, Chi phí tài chính	22	116.922.260	2.678.947.186	+2.562.024.926	+21,91
8, Chi phí bán hàng	24	-	-	-	-
9, Chi phí quản lý DN	25	2.860.011.351	2.552.573.243	-307.438.108	-10,75
10, Lợi nhuận thuần	30	1.618.469.549	549.234.508	-1.069.235041	-66,06
11, Thu nhập khác	31	1.916.587.970	2.351.464.055	+434.876.085	+22,69
12, Chi phí khác	32	1.660.516.777	949.148.745	-711.368.032	-42,84
13, Lợi nhuận khác	40	256.071.193	1.402.315.310	+1.146.244.117	+447,6
14, Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	1.874.540.742	1.951.549.818	+77.009.076	+4,11

2.1.2. Đặc điểm tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty CP công trình giao thông Hải Phòng

2.1.2.1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng

Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng có các ngành nghề kinh doanh chính sau:

- Xây dựng các công trình giao thông: Đường giao thông, cầu bê tông, cầu thép, các công trình thoát nước, sân bay, bến bãi, cảng biển.

- Sản xuất các loại vật liệu như: Cấu kiện bê tông, sản xuất bê tông nhựa, sản xuất đá dăm.

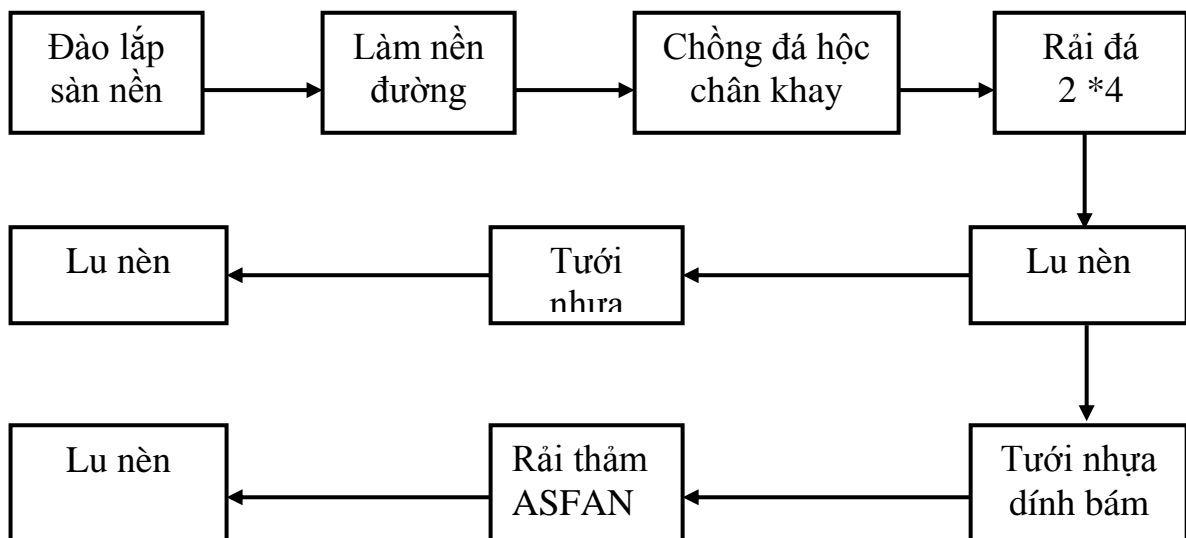
2.1.2.2. Đặc điểm tổ chức sản xuất của Công ty CP công trình giao thông HP

Hoạt động sản xuất của Công ty là hoạt động xây lắp diễn ra dưới điều kiện sản xuất thiếu tính ổn định, luôn biến đổi theo địa điểm và giai đoạn thi công. Quá trình sản xuất mang đặc thù của ngành xây dựng cơ bản, chi phí lớn, thời gian kéo dài, quá trình sản xuất phức tạp chia làm nhiều giai đoạn, nhu cầu về vốn lớn.

2.1.2.3. Quy trình công nghệ sản xuất của Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng

Quy trình công nghệ sản xuất xây lắp của Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng được thể hiện qua sơ đồ sau:

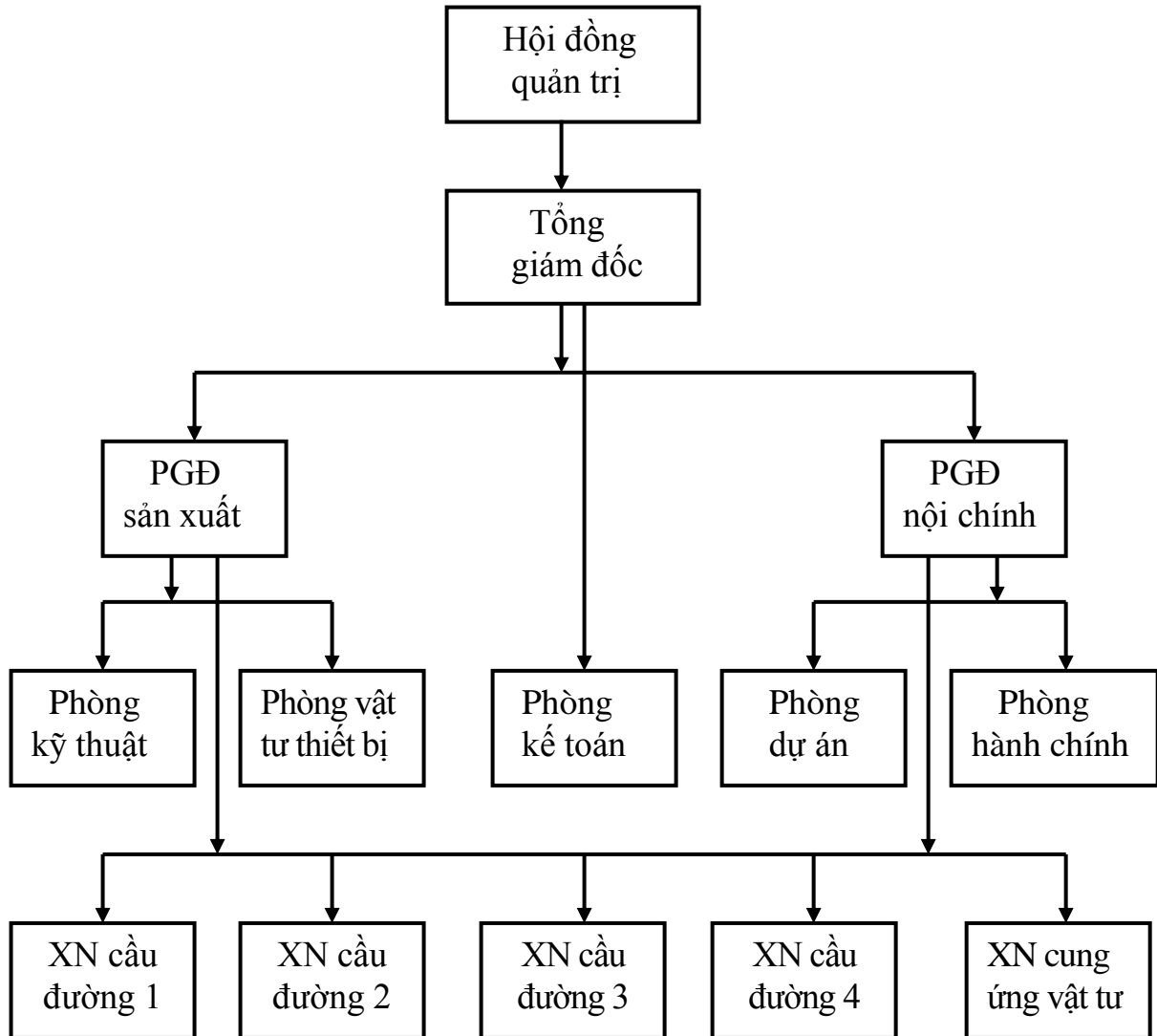
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất xây lắp



2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty CP công trình giao thông HP

Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng có bộ máy tổ chức quản lý theo kiểu trực tuyến chức năng.

Sơ đồ 2.2: Mô hình cơ cấu tổ chức tại Công ty CP công trình giao thông HP



□ Chức năng nhiệm vụ của bộ máy quản lý

- Hội đồng quản trị: Gồm có 7 người, trong đó có một đại diện phân vốn Nhà nước. Hội đồng quản trị được bầu trực tiếp bằng thẻ thức bỏ phiếu kín tại đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện các hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty, thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông.

- Ban lãnh đạo Công ty gồm một Giám đốc và hai Phó Giám đốc. Giám đốc là người đứng đầu Công ty, có quyền quyết định cao nhất trong Công ty.

- Phòng tổ chức hành chính: Giúp Giám đốc tham mưu về chính sách lao động, xã hội và các chế độ, quyền lợi chính sách của cán bộ công nhân viên, điều động cán bộ công nhân viên cho hợp lý. Tham mưu tuyển dụng ký kết hợp đồng lao động, giải quyết chế độ chính sách đối với người lao động.

- Phòng kinh tế kỹ thuật: Có nhiệm vụ tham mưu và giúp Giám đốc theo dõi, giám sát thi công, đo đạc, kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình, cấp phát hạn mức vật tư, xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện. Tổ chức nghiệm thu, lập hồ sơ hoàn công và quyết toán công trình. Hướng dẫn quy trình công nghệ thi công. Tham mưu nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật chuyên ngành.

- Phòng dự án: Có nhiệm vụ cơ bản chuẩn bị thủ tục lập hồ sơ dự thầu các công trình xây lắp. Tham khảo và tìm kiếm thị trường.

- Phòng vật tư thiết bị: Có nhiệm vụ cung ứng vật tư cho các đơn vị sản xuất. Theo dõi, quản lý vật tư theo quy định của Công ty, cùng với Xí nghiệp cầu đường 4 theo dõi, quản lý lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị.

- Xí nghiệp cầu đường 1: Là xí nghiệp có nhiệm vụ chủ yếu xây dựng cầu và cầu kiện bê tông.

- Xí nghiệp cầu đường 2: Là xí nghiệp có nhiệm vụ chủ yếu trùng tu các công trình đường giao thông, sân bay, bến bãi.

- Xí nghiệp cầu đường 3: Là bộ phận chuyên sản xuất thảm bê tông Asphalt phục vụ cho việc rải thảm mặt đường nhựa.

- Xí nghiệp cầu đường 4: Là xí nghiệp quản lý và sử dụng toàn bộ phương tiện máy móc, thiết bị để phục vụ thi công các công trình. Cùng với phòng vật tư thiết bị định kỳ lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị.

- Xí nghiệp cung ứng vật tư và xây dựng công trình: Là xí nghiệp cung cấp chủ yếu nguồn vật tư tự khai thác và sản xuất để phục vụ cho các công trình.

Cơ cấu tổ chức trực tuyến - chức năng giúp cho Công ty đảm bảo được tính thống nhất trong quản lý, đồng thời chuyên môn hoá được chức năng, sử dụng có hiệu quả và hợp lý năng lực chuyên môn của các nhân viên trong Công ty. Từng phòng ban xí nghiệp được bố trí hợp lý, chức năng rõ ràng, phối hợp

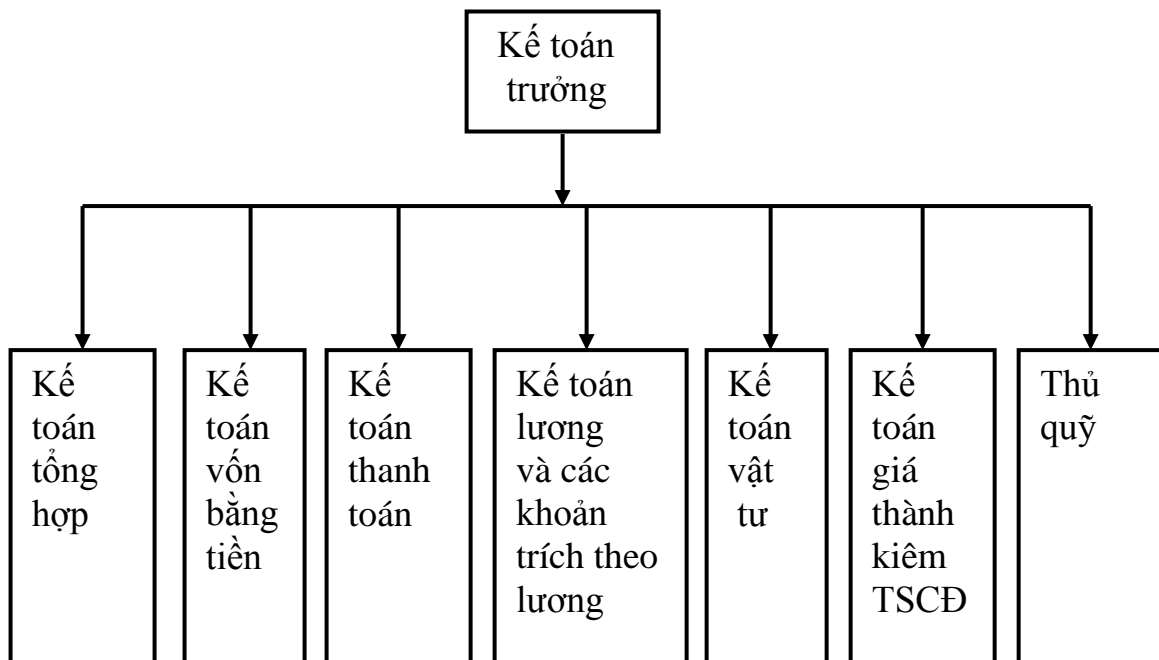
với nhau thành bộ máy hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, phát huy được khả năng trong cơ chế thị trường.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức trong công tác kế toán của Công ty CP công trình giao thông Hải Phòng

2.1.4.1. Cơ cấu bộ máy kế toán của Công ty CP công trình giao thông HP

Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty CP công trình giao thông HP được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ bộ máy kế toán của Cty CP công trình giao thông Hải Phòng



□ Chức năng nhiệm vụ của bộ máy kế toán

- Kế toán trưởng: Phụ trách chung phòng kế toán và chịu trách nhiệm pháp lý về mọi hoạt động của phòng theo luật định.

- Kế toán tổng hợp: Có nhiệm vụ tổng hợp các báo cáo tài chính.

- Kế toán vốn bằng tiền: Theo dõi tiền gửi, tiền vay ngân hàng, quỹ tiền mặt.

- Kế toán thanh toán: Theo dõi công nợ và các khoản tạm ứng.

- Kế toán lương và các khoản trích theo lương: Theo dõi về các khoản lương và các khoản trích theo lương của người lao động. Tổng hợp và phân bổ lương của các công trình, trích lập BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ.

- Kế toán giá thành kiêm TSCĐ: Tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành công trình, theo dõi tăng giảm TSCĐ, trích khấu hao TSCĐ.

- Kế toán vật tư: Theo dõi tình hình xuất, nhập, tồn kho NVL, công cụ dụng cụ, lập các bảng kê, bảng phân bổ NVL, CCDC.

- Thủ quỹ: Theo dõi quỹ tiền mặt của Công ty.

Ngoài ra, mỗi xí nghiệp của Công ty còn có một nhân viên thống kê kế toán có nhiệm vụ lập các bảng thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên của xí nghiệp và tập hợp toàn bộ các chứng từ liên quan đến chi phí sản xuất.

2.1.4.2. Chế độ kế toán Công ty Cổ phần công trình giao thông HP áp dụng

✪ Hình thức kế toán

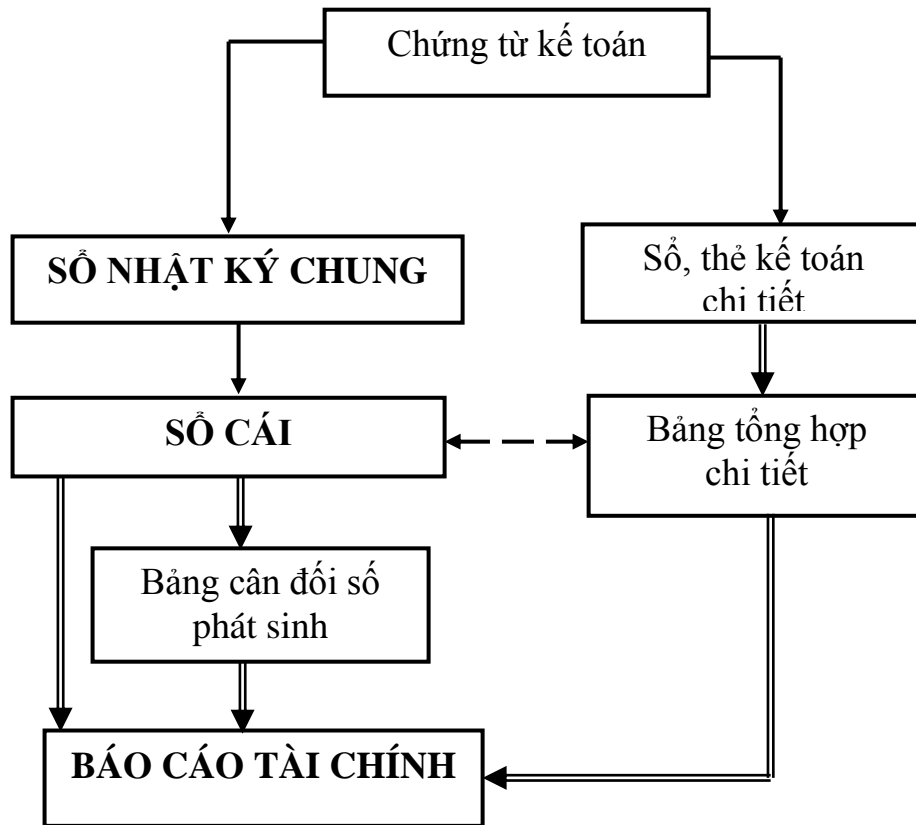
Là đơn vị kinh tế quy mô sản xuất rộng, nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều, hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Đặc điểm chủ yếu của hình thức Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung để ghi sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái các tài khoản.
- Sổ, thẻ kế toán chi tiết.

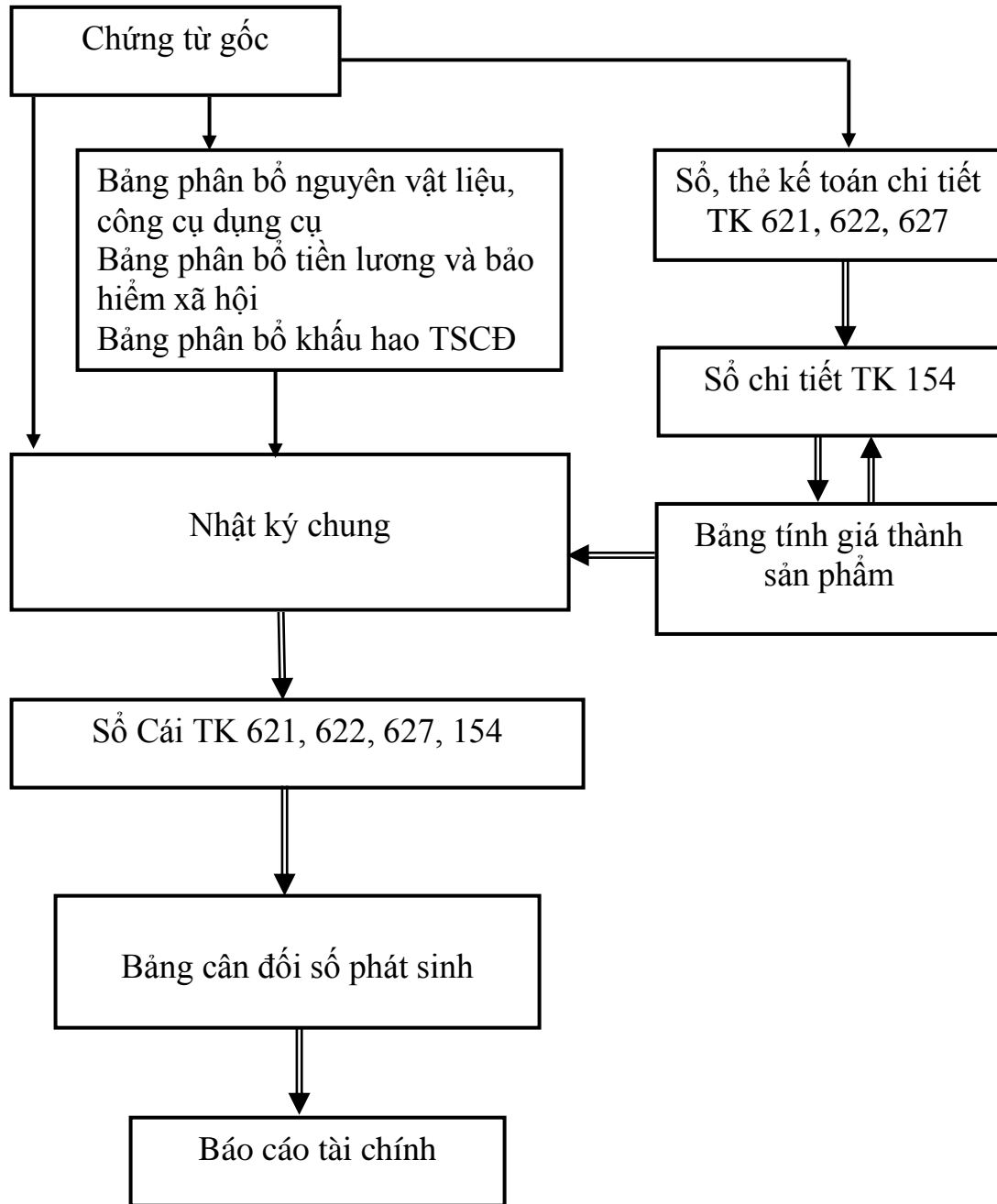
Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty Cổ Phần công trình giao thông Hải Phòng



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kỳ, cuối tháng
- ← - - - → Kiểm tra, đối chiếu

Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải phòng



Trong đó: Ghi hàng ngày \longrightarrow
 Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Trình tự ghi sổ:

- Hàng ngày, căn cứ vào những chứng từ gốc đã được kiểm tra dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào Sổ chi tiết TK 621, 622, 627, 154 (Công ty không sử dụng tài khoản 623). Căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để vào Sổ Cái các tài khoản 621, 622, 627, 154.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản được dùng để lập Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung.

✪ Hệ thống tài khoản: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản theo quyết định số 15/2006 QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006.

✪ Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

✪ Công ty sử dụng phương pháp tính giá vật liệu xuất dùng theo phương pháp thực tế đích danh.

✪ Phương pháp kế toán thuế giá trị gia tăng: phương pháp khấu trừ

✪ Niên độ kế toán áp dụng tại Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

✪ Đơn vị tiền tệ sử dụng: Việt Nam đồng.

2.2. Thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng

Trong điều kiện kinh tế hội nhập, cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các doanh nghiệp. Để đảm bảo tính cạnh tranh, các Công ty xây lắp luôn cố gắng thực hiện tốt chiến lược “Tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm”. Đây là chiến lược có thể coi là nòng cốt nhất của các Công ty xây lắp. Trong các đợt dự thầu Công ty nào đưa ra mức giá thấp hơn và phù hợp nhất với mức giá

chủ đầu tư đưa ra thì Công ty đó sẽ trúng thầu. Mặt khác, tiết kiệm chi phí và hạ giá thành sản phẩm cũng chính là con đường ngắn nhất giúp Công ty có được lợi nhuận như mong muốn.

Để đảm bảo tính chính xác giá thành của từng sản phẩm thì kế toán cần phải tập hợp chi phí sản xuất đúng đối tượng, chi tiết chi phí cho từng sản phẩm trên các tài khoản chi tiết. Vì những yêu cầu trên mà đối với các tài khoản dùng trong kế toán tập hợp chi phí, tính giá thành được chi tiết cho từng sản phẩm, công trình, hạng mục công trình.

2.2.1. Nguyên tắc hạch toán chi phí sản xuất ở Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng

Hình thức sản xuất kinh doanh mà Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng thực hiện là đấu thầu. Sau khi các hợp đồng được ký kết với chủ đầu tư, các phòng ban chức năng, đội thi công, ban chỉ huy công trình được chỉ định lập kế hoạch cụ thể về tiến độ, các phương án đảm bảo cung ứng vật tư, máy móc thiết bị đảm bảo tiến độ và chất lượng thi công như hợp đồng đã ký kết.

Các khoản mục chi phí được tính vào giá thành sản phẩm xây lắp ở Công ty là:

- TK 621 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- TK 622 - Chi phí nhân công trực tiếp
- TK 627 - Chi phí sản xuất chung

Công ty không sử dụng tài khoản 623 - Chi phí sử dụng máy thi công

Tài khoản 621, 622, 627 được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình. Tài khoản 627 được chi tiết cho từng khoản mục chi phí.

- Tài khoản 6271 - Chi phí nhân viên
- Tài khoản 6272 - Chi phí vật liệu
- Tài khoản 6273 - Chi phí dụng cụ sản xuất
- Tài khoản 6274 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6277 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6278 - Chi phí bằng tiền khác

2.2.2. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng là từng công trình, hạng mục công trình.

Mỗi công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công cho đến khi hoàn thành bàn giao đều được theo dõi chi tiết trên sổ chi phí sản xuất kinh doanh để tập hợp chi phí thực tế phát sinh cho từng công trình, hạng mục công trình đó.

Các công trình, hạng mục công trình đều được theo dõi chi tiết trên cùng một trang sổ theo các yếu tố chi phí tạo ra nên giá thành sản phẩm bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sản xuất chung

2.2.3. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty CP công trình giao thông Hải Phòng

Mỗi công trình từ khi khởi công đến khi có khối lượng hoàn thành bàn giao đều được mở sổ chi tiết riêng để tập hợp chi phí phát sinh cho từng công trình, hạng mục công trình. Do vậy phương pháp tập hợp chi phí ở Công ty là phương pháp trực tiếp.

2.2.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng

2.2.4.1. Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty CP công trình giao thông Hải Phòng

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu,... được xuất dùng trực tiếp cho sản xuất, thi công.

- Nguyên vật liệu chính: Gạch, xi măng, sắt, thép...
- Vật liệu phụ: Phụ gia bê tông, que hàn...
- Nhiên liệu: Dầu máy...

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thường chiếm tỷ trọng lớn và đóng vai trò quan trọng trong giá thành sản phẩm.

Vật liệu của Công ty gồm vật liệu mua ngoài và vật liệu tự sản xuất. Giá trị nguyên liệu, vật liệu mua ngoài nhập kho được xác định theo giá mua thực tế.

Đối với nguyên liệu, vật liệu tự sản xuất được tính theo giá thành sản xuất thực tế và áp dụng hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Các loại vật liệu mua ngoài: Cát, sỏi, đá, xi măng, sắt thép,....
- Các loại vật liệu tự sản xuất: Cấu kiện bê tông, bê tông nhựa, đá dăm,...

Hiện nay Công ty đang sử dụng phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất dùng theo phương pháp thực tế đích danh.

➤ Để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản: TK 621 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Tài khoản này được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình. Ngoài ra còn sử dụng tài khoản 152 – nguyên vật liệu.

Để thuận tiện cho việc xây dựng công trình, tránh việc vận chuyển tốn kém, đối với vật tư khi có nhu cầu sử dụng các đội xây dựng chủ động mua vật tư, vật tư mua đến đâu xuất ngay đến đó nhằm tránh tình trạng ứ đọng.

Các đội trưởng căn cứ vào nhiệm vụ sản xuất thi công để tính toán lượng vật liệu cần thiết và khi có nhu cầu thi công ký duyệt, xuống phòng Tài chính – Kế toán của Công ty xin tạm ứng kèm theo giấy báo giá gửi về Công ty. Phòng kỹ thuật sẽ căn cứ vào lượng vật tư đề nghị Giám Đốc duyệt cho ứng tiền mua vật tư.

Sau khi giấy xin tạm ứng được duyệt, kế toán lập các phiếu chi, ủy nhiệm chi tạm ứng tiền và hạch toán vào tài khoản 141 - tài khoản này được mở chi tiết cho từng đội xin tạm ứng.

Thủ quỹ căn cứ vào phiếu chi sẽ xuất quỹ cho các đội trưởng để có thể đảm bảo tiến độ cung cấp vật liệu phù hợp với điều khoản thanh toán trong hợp đồng. Khối lượng vật tư trong các hợp đồng này có thể cung ứng một lần hay nhiều lần tùy thuộc vào điều khoản thỏa thuận, nhưng mỗi lần cung ứng thì hai bên phải lập các biên bản bàn giao khối lượng thực hiện.

Khi quyết toán các khoản tạm ứng phải có hồ sơ tạm ứng gồm: Phiếu đề nghị thanh toán tạm ứng, Biên bản nghiệm thu khối lượng, ...

Đến cuối tháng, đội trưởng tổ đội thi công tập hợp các chứng từ gốc (hóa đơn GTGT, hợp đồng kinh tế...) chuyển lên phòng tài chính – kế toán của Công

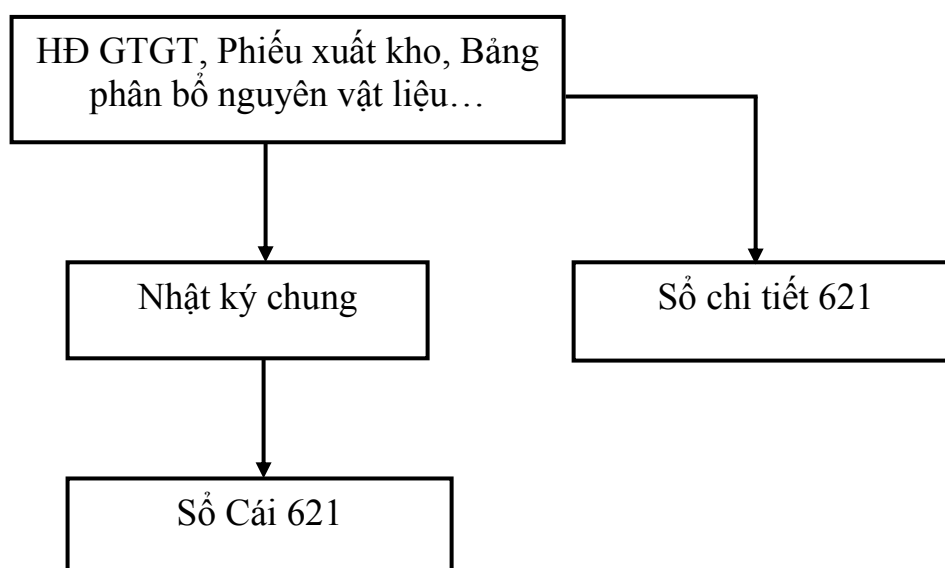
ty để kiểm tra tính hợp lệ rồi làm căn cứ để tính toán nguyên vật liệu, ghi sổ, lập bảng kê chi tiết xuất vật tư sử dụng.

➤ Để hạch toán chi phí nguyên vật liệu, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc: Bảng phân bổ nguyên vật liệu, Phiếu xuất kho, hoá đơn GTGT ... để vào Nhật ký chung, Sổ chi tiết 621; từ sổ Nhật ký chung vào sổ Cái 621.

Khi phát sinh chi phí nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp cho công trình thi công, kế toán định khoản:

Nợ TK 621

Có TK 152, 111, 331, 141...



Ví dụ: Trong quý IV/2010, Công ty CP công trình giao thông Hải Phòng nhận thi công công trình “sửa chữa Bãi 11 – Xí nghiệp xếp dỡ Hoàng Diệu” thực hiện giao khoán cho Xí nghiệp cầu đường I thi công từ ngày 05/10/2010 và hoàn thành bàn giao ngày 28/12/2010.

- Ngày 09/10/2011, Công ty mua đá Base phục vụ công trình trị giá là 84.000.000đ. Căn cứ vào các chứng từ gốc: Phiếu xuất kho (biểu 2.3) kế toán tiến hành đồng thời vào sổ Nhật ký chung và Sổ chi tiết TK 621 (biểu 2.4).

+ Từ sổ Nhật ký chung (biểu 2.5) kế toán vào sổ Cái TK 621 (biểu 2.6).

+ Khi xuất vật tư sử dụng kế toán định khoản:

Nợ TK 621 (B11): 84.000.000

Có TK 152: 84.000.000

Biểu 2.3: Phiếu xuất kho năm 2010 – Cty CP công trình giao thông HP

UBND THÀNH PHỐ HP CT CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HP	PHIẾU XUẤT KHO Số: 536	Mẫu số 02-VT QĐ số 1141-BTC/11/95				
Ngày 09/10/2010						
Người nhận hàng: XNCD 1 Địa chỉ: Sửa chữa bãi 11 – XNXD Hoàng Diệu Lý do xuất: T/c sửa chữa bãi 11 – XNXD Hoàng Diệu Xuất tại kho: Sửa chữa bãi 11 – XNXD Hoàng Diệu		<table border="1" style="width: 100px; height: 60px; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%; text-align: center;">Nợ</td> <td style="width: 50%; text-align: center;">Có</td> </tr> <tr> <td style="height: 30px;"></td> <td style="height: 30px;"></td> </tr> </table>	Nợ	Có		
Nợ	Có					
STT	Tên nhãn hiệu quy cách vật tư	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo chứng từ	Thực xuất		
1	Đá BASE		560	560	150.000	84.000.000
Tổng cộng:			Tiền vận chuyển: 0			84.000.000

Bằng chữ: Tám mươi tư triệu đồng chẵn ./.

Xuất, ngày 09 tháng 10 năm 2010

Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>	Người nhận hàng <i>(Ký, họ tên)</i>	Thủ kho <i>(Ký, họ tên)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	Giám đốc <i>(Ký, họ tên)</i>
---	---	---------------------------------------	--	--

Biểu 2.4: Sổ chi tiết TK 621 Cty CP công trình giao thông Hải Phòng

Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng

Công trình SC bãi 11 – XN xếp dỡ Hoàng Diệu

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp Số hiệu: 621(B11)

Quý IV/2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Đối ứng	Phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
28/10/2010	PXK 526	08/10/2010	Xuất ximang PCB- công trình SC bãi 11 - XNCĐ1	152	12.345.452	
28/10/2010	PXK 536	09/10/2010	Xuất đá Base cho công trình SC bãi 11 - XNCĐ1	152	84.000.000	
28/10/2010	PXK 540	20/10/2010	Xuất ximang PCB - công trình SC bãi 11 - XNCĐ1	152	17.636.360	
31/10/2010	PKTt10/B11	31/10/2010	Kết chuyển chi phí NVL TT tháng 10 – Công trình sửa chữa Bãi 11 – XNCĐ1	154		113.981.812
27/11/2010	PXK 689	03/11/2010	Xuất đá 1 x 2 cho công trình SC bãi 11 – XNCĐ1	152	16.000.000	
27/11/2010	PXK 690	14/11/2010	Xuất cát, gạch chỉ - công trình SC bãi 11 - XNCĐ1	152	15.800.000	
29/11/2010	PXK 698	16/11/2010	Xuất thép cây LD D10- công trình SC bãi 11 - XNCĐ1	152	6.580.000	
30/11/2010	PKTt11/B11	30/11/2010	Kết chuyển chi phí NVL TT tháng 11 – Công trình sửa chữa Bãi 11 – XNCĐ1	154		38.380.000
			Cộng phát sinh nợ		152.361.812	
			Cộng phát sinh có			152.361.812

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	SHTKĐƯ		Số tiền phát sinh
	SH	Ngày tháng				Nợ	Có	
			Số trang trước chuyển sang					<u>641.736.921.415</u>
...
02/10	HD 11103	02/10/2010	Mua Lu tỉnh Trung Quốc – Cty CP vật tư tổng hợp Hải Phòng			211	331	160.000.000
02/10	HD 11103	02/10/2010	VAT đầu vào mua Lu tỉnh Trung Quốc – Cty CP vật tư tổng hợp Hải Phòng			133	331	16.000.000
04/10	PC 932	03/10/2010	Ô. Phong thanh toán tiền phòng đi công tác			642	111	314.286
04/10	PC 932	03/10/2010	Thuế GTGT đầu vào Ô. Phong thanh toán tiền phòng đi công tác			133	111	15.714
...
28/10	HD 18508	09/10/2010	Mua đá Base – cty thương mại XD 325 cho công trình SC bãi 11 – XNCD1			152	331	84.000.000
28/10	HD 18508	09/10/2010	Thuế VAT Mua đá Base – cty thương mại XD 325 cho công trình SC bãi 11 – XNCD1			133	331	8.400.000
28/10	PXK 536	09/10/2010	Xuất đá Base cho CT SC bãi 11– XNCD1			621	152	84.000.000
28/10	PT 565	10/10/2010	Rút TG NH Hồng Bàng nhập quỹ tiền mặt			111	112	1.520.000.000

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DL HẢI PHÒNG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

28/10	PNK 547	10/10/2010	Bà Hăng nhập dầu FO trạm 120t/h t.Trì – Cty TM Huy Hoàng			152	331	73.776.144
28/10	HĐ 14052	15/10/2010	Doanh thu đóng cọc bê tông cốt thép D350 – Cty TNHH xây dựng Minh Đức			131	511	88.165.910
28/10	HĐ 14052	15/10/2010	VAT đầu ra – đóng cọc bê tông cốt thép D350 – Cty TNHH xây dựng Minh Đức			131	3331	8.816.591
28/10	GBNtech 317	20/10/2010	Trả tiền lắp đặt trạm 120t/h – Cty TNHH TM Thái Tuấn			331	112	55.000.000
28/10	GBNtech 317	20/10/2010	Trả tiền lắp đặt trạm 120t/h – Cty TNHH TM Thái Tuấn			642	112	11.000
...
28/10	PXK 540	20/10/2010	Xuất ximang PCB - công trình SC bãi 11 – XNCD1			621	152	17.636.360
...
31/10	PKTt10/B11	31/10/2010	Kết chuyển CP NVLTT tháng 10 – CT SC Bãi 11- XNCD 1			154	621	113.981.812
...
			Cộng					988.982.561.846

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

(Biểu 2.4: Nguồn dữ liệu: trích sổ Nhật ký chung Công ty CP công trình giao thông Hải Phòng năm 2010)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng
Địa chỉ: Số 708 Nguyễn Văn Linh – Lê Chân – HP

Mẫu số S03b-DN

Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp Số hiệu: 621

Quý IV/2010

NT GS	Ngày chứng từ	SH CT	Nội dung chứng từ	TK đối ứng		Số tiền	
				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				
...
28/10	08/10	PXK 526	Xuất ximang PCB- công trình SC bãi 11 – XNCD1	621	152	12.345.452	
28/10	09/10	PXK 536	Xuất đá Base – công trình SC bãi 11 – XNCD1	621	152	84.000.000	
28/10	20/10	PXK 540	Xuất ximang PCB - công trình SC bãi 11 – XNCD1	621	152	17.636.360	
30/10	27/10	PXK 549	Xuất cát mịn - công trình SC Ô BD Chùa Vẽ - XNCD4	621	152	45.653.860	
31/10	31/10	PXK 566	Xuất thép, gạch – CT nhà ở Cựu Viên – XNCD4	621	152	30.361.417	
31/10	31/10	PKTt10/B11	Kết chuyển chi phí NVLTT tháng 10 – CTSC bãi 11 – XNCD1	154	621		113.981.812
...
27/11	03/11	PXK 689	Xuất đá 1 x 2 cho công trình SC bãi 11 – XNCD1	621	152	16.000.000	
27/11	14/11	PXK 690	Xuất cát, gạch chỉ - công trình SC bãi 11 - XNCD1	621	152	15.800.000	
29/11	16/11	PXK 698	Xuất thép cây LD D10-công trình SC bãi 11- XNCD1	621	152	6.580.000	

29/11	19/11	PXK 697	Xuất đá dăm – Đường nội bộ Cty Pêtrolimex HP - XNCD2	621	152	4.562.300	
30/11	30/11	PKTt11/B11	Kết chuyển chi phí NVLTT tháng 11 – CTSC bãi 11 – XNCD1	154	621		38.380.000
...
29/12	16/12	PXK 955	Xuất VT – CT quốc lộ 279 Quảng Ninh – XNCD 4	621	152	171.807.921	
...
			Cộng số phát sinh			4.269.456.218	4.269.456.218
			Số dư cuối kỳ				

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ban Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Biểu 2.6: Trích số liệu Sổ Cái quý IV/2010 Cty CP công trình giao thông Hải Phòng)

2.2.4.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng

Chi phí nhân công trực tiếp là khoản lương phải trả cho công nhân trực tiếp thực hiện sản xuất, công nhân phục vụ xây lắp.

Chi phí nhân công trực tiếp là một khoản mục lớn, vì vậy việc quản lý tốt chi phí nhân công giúp cho Công ty quản lý được lực lượng lao động một cách khoa học, hợp lý.

➤ Để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản: TK 622 - Chi phí nhân công trực tiếp. Tài khoản này được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

➤ Do đặc thù của ngành là có tính cơ động lớn nên Công ty tổ chức lực lượng lao động trực tiếp - công nhân thi công bao gồm hai bộ phận:

- Lực lượng lao động thuộc biên chế của Công ty
- Lực lượng lao động thời vụ thuê ngoài

➤ Hình thức trả lương của Công ty: Có hai hình thức

- Lương khoán: Căn cứ vào khối lượng công việc hoàn thành, căn cứ vào định mức tiền lương cho từng công việc để làm cơ sở tính lương và được giao khoán theo hợp đồng giao khoán.

Đơn giá khoán gọn được Đội trưởng công trình và tổ trưởng của các nhóm công nhân kỹ thuật dựa trên đơn giá của Nhà nước quy định và điều kiện cụ thể của từng công trình, hạng mục công trình ghi trên phiếu giao khoán.

- Lương thời gian: Áp dụng cho bộ phận gián tiếp phục vụ sản xuất. Tiền lương tính theo hệ số lương của Công ty căn cứ vào Bảng chấm công...

Hàng tháng, căn cứ vào quỹ lương cơ bản phải trả cho công nhân viên, Công ty trích ra các khoản: BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN. Tuy nhiên do đặc thù của ngành xây lắp nên các khoản trích này không được tính vào chi phí nhân công trực tiếp mà được hạch toán vào chi phí sản xuất chung.

Trong đó Công ty trích 22% vào giá thành sản phẩm xây lắp, còn lại bản thân cán bộ công nhân viên phải nộp 8.5% bao gồm:

+ BHXH trích 22% trong đó Công ty chịu 16% còn người lao động chịu 6%.

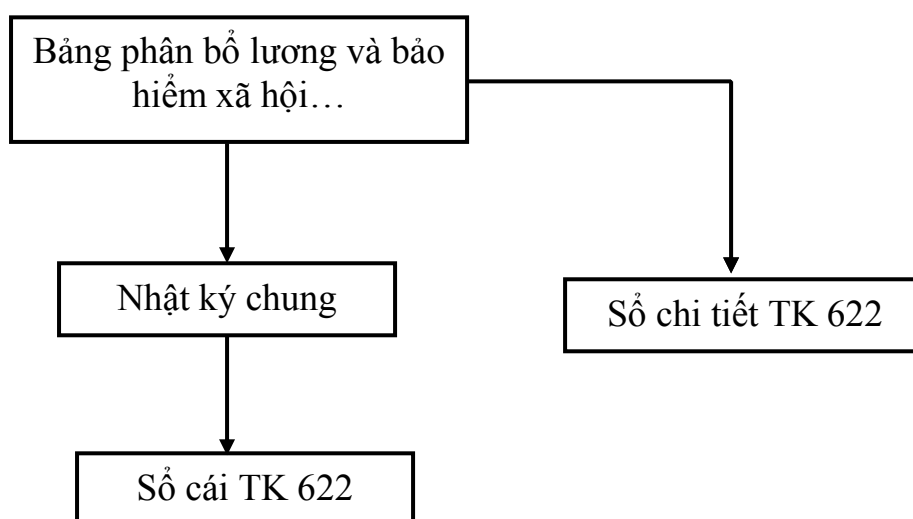
- + BHYT trích 4.5% trong đó Công ty chịu 3% còn người lao động chịu 1.5%.
- + BHTN trích 2% trong đó Công ty chịu 1% còn người lao động chịu 1%.
- + KPCĐ trích 2% tổng quỹ lương Công ty chịu 2%.

➤ Để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp, kế toán căn cứ vào các chứng từ: Hợp đồng giao khoán, Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện, Bảng thanh toán lương thuê ngoài, Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội... để ghi vào sổ Nhật ký chung, Sổ chi tiết tài khoản 622; từ sổ Nhật ký chung vào sổ Cái TK 622.

Khi tính lương phải trả cho công nhân trực tiếp thi công, kế toán hạch toán như sau: Nợ TK 622

Có TK 334, 141...

➤ Quy trình kế toán:



Ví dụ: “Công trình sửa chữa bãi 11 – XNXD Hoàng Diệu” do Xí nghiệp cầu đường 1 thi công. Trong đó giai đoạn thực hiện công trình tháng 12/2010 tổng hợp lương công nhân trực tiếp sản xuất là: 30.379.200đ. Căn cứ vào Bảng phân bổ lương và bảo hiểm xã hội (biểu 2.7) kế toán đồng thời vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.9), Sổ chi tiết TK 622 (biểu 2.8); từ sổ Nhật ký chung vào sổ Cái TK 622 (biểu 2.10).

Kế toán định khoản: Nợ 622 (B11): 30.379.200

Có 334: 30.379.200

(Biểu

Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng

Mẫu số: 11 – LĐTL

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Tháng 12 năm 2010

ĐVT: VNĐ

STT	Ghi có TK Ghi nợ TK	TK 334 - Phải trả người lao động			TK 338 - Phải trả, phải nộp khác					TK 335	Tổng cộng
		Lương	Khoản khác	Cộng có TK 334	KPCĐ 3382 (2%)	BHXH 3383 (16%)	BHYT 3384 (3%)	BHTN 3389 (1%)	Cộng có TK 338		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	TK 622	247.798.200		247.798.200	-	-	-	-	-	-	247.798.200
	Công trình SC bãi 11(T.Hoài)	30.379.200		30.379.200							30.379.200
	Ctrình Ô.BA- cảng Chùa Vẽ	46.680.000	-	46.680.000	-	-	-	-	-	-	56.949.600

2	TK 627	66.079.520		66.079.520	6.277.554	50.220.435	9.416.332	3.138.777	69.053.099		135.132.619
	Công trình SC bãi 11	11.180.000	-	11.180.000	831.184	6.649.472	1.246.776	415.592	9.143.024	-	20.323.024
	Tổ Ô.Thắng	11.180.000	-	11.180.000	223.600	1.788.800	335.400	111.800	2.459.600	-	13.639.600
	Tổ Ô.Hoài	-	-	-	607.584	4.860.672	911.376	303.792	6.683.424	-	6.683.424

3	TK 642	99.119.280		99.119.280	1.982.386	15.859.085	2.973.578	991.193	21.806.242		120.925.522
	Lương phòng KT-TC	11.855.000		11.855.000	237.100	1.896.800	355.650	118.550	2.608.100	-	14.463.100

	Cộng	412.997.000	...	412.997.000	4.129.970	8.259.940	12.389.910	66.079.520	90.859.340		503.856.340

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập bảng
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng

Công trình: SC bãi 11 – XN xếp dỡ Hoàng Diệu

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp - Số hiệu: 622 (B11)

Quý IV/2010

ĐVT: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
31/10/2010	BPBLt10	31/10/2010	Chi phí lương CNTT tháng 10 tổ Ô.Hoài – SC bãi 11 - XNCD1	334	25.485.500	
31/10/2010	PKTt10/B11	31/10/2010	Kết chuyển CP NCTT tháng 10 tổ Ô.Hoài – SC bãi 11 - XNCD1	154		25.485.500
30/11/2010	BPBLt11	30/11/2010	Chi phí lương CNTT tháng 11 tổ Ô.Hoài – SC bãi 11 - XNCD1	334	43.171.300	
30/11/2010	PKTt11/B11	30/11/2010	Kết chuyển CP NCTT tháng 11 tổ Ô.Hoài – SC bãi 11 - XNCD1	154		43.171.300
31/12/2010	BPBLt12	31/12/2010	Chi phí lương CNTT tháng 12 tổ Ô.Hoài – SC bãi 11 - XNCD1	334	30.379.200	
31/12/2010	PKTt12/B11	31/12/2010	Kết chuyển CP NCTT tháng 12 tổ Ô.Hoài – SC bãi	154		30.379.200

			11 - XNCĐ1			
			Cộng phát sinh nợ		99.036.000	99.036.000
			Cộng phát sinh có			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu 2.8: Sổ chi tiết TK 622 – CT Sửa chữa Bãi 11 – XNXD Hoàng Diệu

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	SHTKĐƯ		Số tiền phát sinh
	SH	Ngày tháng				Nợ	Có	
			Số trang trước chuyển sang					802.325.856.127
...
28/12	GBCtech 162	15/12/2010	Cty TNHH 1TV Cảng Hải Phòng trả tiền SC kho 4			112	131	727.590.000
29/12	GBNHH 125	15/12/2010	Trả tiền nhựa đường CT cầu Thanh Trì – Cty CP TM XDCT Thanh Đạt			331	112	200.000.000
29/12	GBNHH 125	16/12/2010	Trả tiền nhựa đường CT cầu Thanh Trì – Cty CP TM XDCT Thanh Đạt			642	112	33.000
29/12	PC 940	16/12/2010	Bà Trinh nộp tiền vào tài khoản			112	111	100.000.000
29/12	PXK 975	16/12/2010	Xuất VT – CT quốc lộ 279 Quảng Ninh – XNCD 4			621	152	171.807.921
...
31/12	BPBLt12	31/12/2010	Chi phí NCTT t12 Công trình SC Bãi 11 – XNCD1			622	334	30.379.200
31/12	PKTt12/B11	31/12/2010	Kết chuyển Chi phí NCTT t12 Công trình SC			154	622	30.379.200

			Bãi 11 – XNCĐ1					
31/12	PC 936	28/12/2010	Ô.Doanh lái xe 80-12 thanh toán CP bảo dưỡng, SC			642	111	980.000
31/12	PC 938	31/12/2010	Chi phí sử dụng điện tháng 12 tại Công ty			642	111	2.602.302
31/12	TTNBQ4	31/12/2010	Chi phí hội nghị nghiệm thu CT Gói 5C – XNCĐ4			627	331	3.184.636
31/12	BPBLt12	31/12/2010	CP lương QL t12 tổ Ô.Thắng - SC bãi 11 – XNCĐ1			627	334	11.180.000
31/12	PKTt12/B11	31/12/2010	Kết chuyển CP lương QL t12 tổ Ô.Thắng - SC bãi 11 –XNCĐ1			154	627	11.180.000
31/12	BTTLTNt12	31/12/2010	CP CN thuê ngoài tháng 12 CT Cự Viên – XNCĐ 4			622	334	81.317.100
...
			Cộng chuyển trang sau					<u>988.982.561.846</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Biểu 2.9: trích sổ Nhật ký chung - Công ty CP công trình giao thông Hải Phòng năm 2010)

SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí nhân công trực tiếp Số hiệu: 622

Quý IV/2010

NTGS	Ngày chứng từ	SH CT	Nội dung chứng từ	TK đối ứng		Số tiền	
				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				
...
31/10	31/10	BPBLt10	CP lương NCTT t10– CT sửa chữa Bãi 11 – XNCD1	622	334	25.485.500	
31/10	31/10	PKTt10/B11	Kết chuyển CP NCTT tháng 10 tổ Ô.Hoài – SC bãi 11 – XNCD1	154	622		25.485.500
31/10	31/10	BPBLt10	CP CNTT CT SC sân kho - Cty TNHH CN Hóa chất – XNCD4	622	334	15.954.000	
31/10	31/10	PKTt10/SK	Kết chuyển CP CNTT CT SC sân kho - Cty TNHH CN Hóa chất – XNCD4	154	622		15.954.000
30/11	30/11	BPBLt11	CP lương NCTT t11– CT sửa chữa Bãi 11 – XNCD1	622	334	43.171.300	
30/11	30/11	PKTt11/B11	Kết chuyển CP NCTT tháng 11 tổ Ô.Hoài – SC bãi 11 – XNCD1	154	622		43.171.300
...
31/12	31/12	BTTLTNt12	CP CN thuê ngoài tháng 12 CT Cự Viên –	622	334	81.317.100	

			XNCD 4				
31/12	31/12	PKTt12/CV	Kết chuyển CP CN thuê ngoài tháng 12 CT Cựu Viên – XNCD 4	154	622		81.317.100
31/12	31/12	BPBLt12	CP lương NCTT t12– CT sửa chữa Bãi 11 – XNCD1	622	334	30.379.200	
31/12	31/12	PKTt12/B11	Kết chuyển CP NCTT tháng 12 – SC bãi 11- XNCD1	154	622		30.379.200
31/12	31/12	BTTLTNt12	CP CN thuê ngoài CT SC Ô.BA - Chùa Vẽ- XNCD4	622	334	156.257.000	
31/12	31/12	PKTt12/BA	Kết chuyển CP CN thuê ngoài CT SC Ô.BA - Chùa Vẽ-XNCD4	154	622		156.257.000
31/12	31/12	BTTLTNt12	CP CN thuê ngoài CT gói 5C – XNCD 4	622	334	64.394.000	
31/12	31/12	PKTt12/5C	Kết chuyển CP CN thuê ngoài CT gói 5C – XNCD 4	154	622		64.394.000
...
			Cộng số phát sinh			3.583.224.627	3.583.224.627
			Số dư cuối kỳ				

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ban Giám đốc
(ký, họ tên)

(Biểu 2.10: Trích sổ Cái 622 Quý IV/2010 Cty CP công trình giao thông Hải Phòng)

2.2.4.3. Kế toán chi phí sản xuất chung tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng

Chi phí sản xuất chung là những chi phí liên quan việc tổ chức phục vụ và quản lý thi công của các đội xây lắp ở công trường xây dựng như: Chi phí lương nhân viên quản lý đội xây dựng; chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ quản lý; các khoản trích theo lương của công nhân viên trực tiếp sản xuất và nhân viên phục vụ quản lý: BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ ; chi phí khấu hao máy móc, thiết bị...

➤ Để tập hợp chi phí sản xuất chung, kế toán sử dụng tài khoản: TK 627 - Chi phí sản xuất chung. Tài khoản này được hạch toán theo từng công trình, hạng mục công trình, và chi tiết theo từng khoản mục chi phí:

TK 6271 - Chi phí nhân viên quản lý đội

TK 6272 - Chi phí vật liệu

TK 6273 - Chi phí dụng cụ

TK 6274 - Chi phí khấu hao

TK 6277 - Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6278 - Chi phí khác bằng tiền

Đầu tháng, trên cơ sở dự toán chi phí sản xuất chung được lập, đội trưởng viết “Giấy đề nghị tạm ứng” kèm theo bản dự trừ các chi phí sản xuất chung phát sinh như: tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại,... để xin tạm ứng.

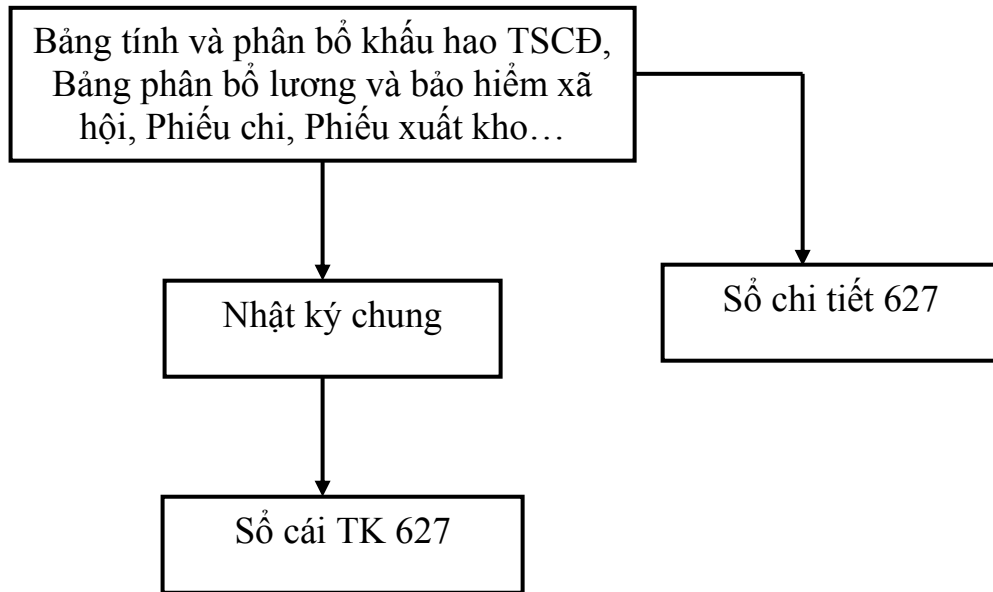
Tại các đội xây dựng, khi phát sinh các chi phí sản xuất chung, nhân viên kế toán đội tập hợp các chi phí phát sinh vào “Tờ kê chi phí” sau đó gửi về phòng kế toán của Công ty, căn cứ vào chứng từ gốc ban đầu này kế toán ghi nhận các chi phí sản xuất chung phát sinh cho từng đối tượng.

Nếu các đội sử dụng máy thi công của Công ty thì các đội phải lập danh mục thiết bị thi công công trình, căn cứ vào đó phòng kế toán tiến hành phân bổ khấu hao TSCĐ cho đối tượng là công trình hay hạng mục công trình để phục vụ cho việc tính giá thành.

➤ Để hạch toán chi phí sản xuất chung, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc: Hóa đơn GTGT, Phiếu chi, Phiếu xuất kho, Giấy đề nghị tạm ứng, Bảng

phân bổ lương và bảo hiểm xã hội, Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ... để vào sổ Nhật ký chung, Sổ chi tiết 627; từ sổ Nhật ký chung vào sổ Cái 627.

➤ Quy trình kế toán:



Khi chi phí sản xuất chung phát sinh, kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 627

Có TK 334, 152, 214, 111,...

Ví dụ: Chi phí sản xuất chung công trình sửa chữa Bãi 11 – XNXD Hoàng Diệu:

- Căn cứ vào Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội tháng 12/2010 (biểu 2.11), Phiếu xuất kho số 964 (biểu 2.12), Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định tháng 12/2010 (biểu 2.13), Hóa đơn GTGT số 080191 (biểu 2.14), kế toán đồng thời vào sổ Nhật ký chung, Sổ chi tiết TK 627 (biểu 2.15), từ sổ Nhật ký chung (biểu 2.16) vào sổ Cái TK 627 (biểu 2.17) các khoản:

+ Chi phí tiền lương tháng 12/2010 của nhân viên quản lý (Tổ Ô.Thắng) công trình “Sửa chữa Bãi 11 – XNXD Hoàng Diệu” là: 11.180.000 đ.

Nợ TK 6271 (B11): 11.180.000

Có TK 334: 11.180.000

+ Các khoản trích theo lương tháng 12/2010 của nhân viên quản lý tính vào chi phí là: $11.180.000 \times 22\% = 2.459.600$ đ.

Nợ TK 6271 (B11): 2.459.600

Có TK 338: 2.459.600

+ Các khoản trích theo lương tháng 12 của công nhân trực tiếp sản xuất (tổ Ô. Hoài) tính vào chi phí là: $30.379.200 \times 22\% = 6.683.424$ đ.

Nợ TK 6271 (B11): 6.683.424

Có TK 338: 6.683.424

+ Chi phí nhiên liệu phục vụ cho việc chạy máy – công trình “SC bãi 11 – XNXD Hoàng Diệu” số tiền 1.350.000 đ

Nợ TK 6272 (B11): 1.350.000

Có TK 152: 1.350.000

+ Chi phí khấu hao máy móc thiết bị cho công trình “SC bãi 11 – XNXD Hoàng Diệu” số tiền : 2.368.732 đ

Nợ TK 6274 (B11): 2.368.732

Có TK 214: 2.368.732

+ Chi phí dịch vụ thuê ngoài Ô tô chở tám đơn bê tông 18.000.000đ

Nợ TK 6277 (B11): 18.000.000

Nợ TK 133: 1.800.000

Có TK 331: 19.800.000

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Tháng 12 năm 2010

ĐVT: VNĐ

STT	Ghi có TK Ghi nợ TK	TK 334 – Phải trả người lao động			TK 338 - Phải trả, phải nộp khác					TK 335	Tổng cộng
		Lương	Khoản khác	Cộng có TK 334	KPCĐ 3382 (2%)	BHXH 3383 (16%)	BHYT 3384 (3%)	BHTN 3389 (1%)	Cộng có TK 338		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	TK 622	247.798.200		247.798.200	-	-	-	-	-	-	247.798.200
	Công trình SC bãi 11(T.Hoài)	30.379.200	-	30.379.200	-	-	-	-	-	-	30.379.200
	Ctrình Ô.BA- cảng Chùa Vẽ	46.680.000	-	46.680.000	-	-	-	-	-	-	56.949.600

2	TK 627	66.079.520		66.079.520	6.277.554	50.220.435	9.416.332	3.138.777	69.053.099		135.132.619
	Công trình SC bãi 11	11.180.000	-	11.180.000	831.184	6.649.472	1.246.776	415.592	9.143.024	-	20.323.024
	Tổ Ô.Thắng	11.180.000	-	11.180.000	223.600	1.788.800	335.400	111.800	2.459.600	-	13.639.600
	Tổ Ô.Hoài	-	-	-	607.584	4.860.672	911.376	303.792	6.683.424	-	6.683.424

3	TK 642	99.119.280		99.119.280	1.982.386	15.859.085	2.973.578	991.193	21.806.242		120.925.522
	Lương phòng KT-TC	11.855.000		11.855.000	237.100	1.896.800	355.650	118.550	2.608.100	-	14.463.100

	Cộng	412.997.000	...	412.997.000	4.129.970	8.259.940	12.389.910	66.079.520	90.859.340		503.856.340

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập bảng
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu 2.12: Phiếu xuất kho – Cty CP công trình giao thông Hải Phòng

UBND THÀNH PHỐ HP CT CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HP	PHIẾU XUẤT KHO Số: 945	Mẫu số 02-VT QĐ số 1141-BTC/11/95				
Ngày 07/12/2010						
Người nhận hàng: XNCD 1						
Địa chỉ: Sửa chữa bãi 11 – XNXD Hoàng Diệu						
Lý do xuất: T/c sửa chữa bãi 11 – XNXD Hoàng Diệu						
Xuất tại kho: Kho xăng dầu – XN cung ứng vật tư						
		<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%; text-align: center;">Nợ</td> <td style="width: 50%; text-align: center;">Có</td> </tr> <tr> <td style="height: 30px;"></td> <td style="height: 30px;"></td> </tr> </table>	Nợ	Có		
Nợ	Có					
STT	Tên nhãn hiệu quy cách vật tư	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo chứng từ	Thực xuất		
1	Dầu máy	Lit		100	13.500	1.350.000
			Tiền vận chuyển:			0
Tổng cộng:						1.350.000
<i>Bằng chữ: Một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng chẵn ./.</i>						
					<i>Xuất, ngày 07 tháng 12 năm 2010</i>	
Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>	Người nhận hàng <i>(Ký, họ tên)</i>	Thủ kho <i>(Ký, họ tên)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	Giám đốc <i>(Ký, họ tên)</i>		

Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Công trình: Sửa chữa Bãi 11 – XNXD Hoàng Diệu

Tháng 12 năm 2010

Tên TSCĐ	Ký hiệu	Nguyên Giá	Tỷ lệ khấu hao/năm	Định mức ca/tháng	Tổng số ca	Mức thu khấu hao	Thành tiền
1. Lu bánh sắt Sakai	15SA-0041	160.650.000	12.5 %	20	8	83.672	669.376
2. Máy ủi DZ 171	15XA-0037	439.857.143	10 %	20	6	183.274	1.099.644
3. Ô tô Kamaz 55111	16K-7223	321.273.000	14 %	25	4	149.928	599.712
Cộng					18		2.368.732

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập bảng
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu 2.13: Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 12/2010

Biểu 2.14: Hóa đơn GTGT – Cty CP công trình giao thông Hải Phòng

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT-3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			KX/2010B		
Liên 2: Giao khách hàng			0080191		
Ngày 13 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Vĩnh Thịnh					
Địa chỉ: Phú Xá – Đông Hải 1 – Hải An – Hải Phòng					
Số tài khoản:.....					
Điện thoại:			MS: 02008934399		

Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần công trình giao thông HP					
Địa chỉ: Số 708 Nguyễn Văn Linh – Lê Chân - HP					
Số tài khoản:			MS: 0200172020		
Hình thức thanh toán: Tiền mặt.....					
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thuê Ô tô chở tám đơn bê tông	Ca	10	1800.000	18.000.000
Cộng tiền hàng:					18.000.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					1.800.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					19.800.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu tám trăm ngàn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi họ tên)	

Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng

Công trình SC bãi 11 – XN xếp dỡ Hoàng Diệu

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: Chi phí sản xuất chung - Số hiệu: 627 (B11)

Quý IV/2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
28/10	HD 07364	12/10	CP thuê ô tô chở cát – CT SC bãi 11 – XNCD1	331	16.000.000	
31/10	PKTt10/B11	31/10	K/c chi phí sản xuất chung t10– CTSC bãi 11– XNCD1	154		29.434.324
...
27/11	HD 05495	06/11	CP thuê máy đóng cọc – CTSC bãi 11 – XNCD1	331	6.000.000	
30/11	PKTt11/B11	30/11	K/c chi phí sản xuất chung t11– CTSC bãi 11– XNCD1	154		29.796.720
...
31/12	PXK945	07/12	Xuất xăng dầu phục vụ chạy máy – SC Bãi 11 – XNCD1	152	1.350.000	
31/12	HD 08191	13/12	CP thuê ô tô chở tấm đan bê tông-SC Bãi 11- XNCD 1	331	18.000.000	
31/12	BPBKht12	31/12	CP khấu hao TSCĐt12 – CT SC bãi 11 – XNCD1	214	2.368.732	
31/12	BPBLt12	31/12	KPCĐ tổ Ô.Hoài tính vào CP – CT SC bãi 11– XNCD1	3382	607.584	
31/12	BPBLt12	31/12	BHXH tổ Ô.Hoài tính vào CP– CT SC bãi 11– XNCD1	3383	4.860.672	
31/12	BPBLt12	31/12	BHYT tổ Ô.Hoài tính vào CP– CT SC bãi 11– XNCD1	3384	911.376	

31/12	BPBLt12	31/12	BHTN tổ Ô.Hoài tính vào CP- CT SC bãi 11- XNCD1	3389	303.792	
31/12	BTTLt12	31/12	Tiền lương t12 tổ Ô.Thắng CD1- CT SC bãi 11- XNCD1	334	11.180.000	
31/12	BPBLt12	31/12	KPCĐ tổ Ô.Thắng tính vào CP- CT SC bãi 11- XNCD1	3382	223.600	
31/12	BPBLt12	31/12	BHXH tổ Ô.Thắng tính vào CP- CT SC bãi 11- XNCD1	3383	1.788.800	
31/12	BPBLt12	31/12	BHYT tổ Ô.Thắng tính vào CP- CT SC bãi 11- XNCD1	3384	335.400	
31/12	BPBLt12	31/12	BHTN tổ Ô.Thắng tính vào CP- CT SC bãi 11- XNCD1	3389	111.800	
31/12	PKTt12/B11	31/12	K/c chi phí sản xuất chung t12- CTSC bãi 11- XNCD1	154		42.041.756
			Cộng phát sinh nợ		101.272.800	
			Cộng phát sinh có			101.272.800

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu 2.15 Trích Sổ chi tiết TK 627 Quý IV/2010 Cty Cp công trình giao thông Hải Phòng

Do đặc thù của ngành xây lắp nên các khoản trích theo lương nhân công trực tiếp sản xuất tháng 12 được tính vào chi phí sản xuất chung tháng 12 (theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính).

Công ty CP công trình giao thông Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 708 Nguyễn Văn Linh – Lê Chân – HP

Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	SHTKĐƯ		Số tiền phát sinh
	SH	Ngày tháng				Nợ	Có	
			Số trang trước chuyển sang					802.325.856.127
...
31/12	PXK945	07/12/2010	Xuất xăng dầu phục vụ chạy máy – SC Bãi 11-XNCD1			6272	152	1.350.000
31/12	HĐ 80191	13/12/2010	CP thuê Ô tô chở tám đạn bê tông-SC Bãi 11-XNCD1			6277	331	18.000.000
31/12	BPBKht12	31/12/2010	Khấu hao TSCĐ t12 – CT SC bãi 11-XNCD1			6274	214	2.368.732
31/12	BPBLt12	31/12/2010	KPCĐ tổ Ô.Hoài tính vào CP NCTT – CT SC bãi 11– XNCD1			6271	3382	607.584
31/12	BPBLt12	31/12/2010	BHXH tổ Ô.Hoài tính vào CP NCTT– CT SC bãi 11– XNCD1			6271	3383	4.860.672
31/12	BPBLt12	31/12/2010	BHYT tổ Ô.Hoài tính vào CP NCTT– CT SC bãi 11– XNCD1			6271	3384	911.376
31/12	BPBLt12	31/12/2010	BHTN tổ Ô.Hoài tính vào CP NCTT– CT SC bãi 11– XNCD1			6271	3389	303.792

...
31/12	BPBLt12	31/12/2010	Chi phí lương quản lý t12 cho tổ ông Thắng CD1 – CT SC bãi 11- XNCD1			6271	334	11.180.000
31/12	BPBLt12	31/12/2010	KPCĐ tính vào CP SXC – tổ ông Thắng CD1 – CT SC bãi 11- XNCD1			6271	3382	223.600
31/12	BPBLt12	31/12/2010	BHXH tính vào CPSXC – tổ ông Thắng CD1 – CT SC bãi 11- XNCD1			6271	3383	1.788.800
31/12	BPBLt12	31/12/2010	BHYT tính vào CP SXC– tổ ông Thắng CD1– CT SC bãi 11- XNCD1			6271	3384	335.400
31/12	BPBLt12	31/12/2010	BHTN tính vào CP SXC– tổ ông Thắng CD1– CT SC bãi 11- XNCD1			6271	3389	111.800
31/12	BTHLt12	31/12/2010	Các khoản trừ vào lương tháng 12 nhân viên tổ Ô.Thắng- XNCD1			334	338	950.300
31/12	PKTt12/B11	31/12/2010	K/c chi phí sản xuất chung t12– CTSC bãi 11– XNCD1			154	627	42.041.756
...
			Cộng					<u>988.982.561.846</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Biểu 2.16: trích sổ Nhật ký chung - Công ty CP công trình giao thông Hải Phòng năm 2010)

Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số 708 Nguyễn Văn Linh – Lê Chân – HP

Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí sản xuất chung Số hiệu: 627

Quý IV/2010

NT GS	Ngày chứng từ	SH CT	Nội dung chứng từ	TK đối ứng		Số tiền	
				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				
...
31/12	PXK945	07/12	Xuất xăng dầu phục vụ chạy máy – SC Bãi 11 – XNCD1	627	152	1.350.000	
31/12	HD 80191	13/12	CP thuê ô tô chở tám đàn bê tông – SC Bãi 11 – XNCD 1	627	331	18.000.000	
31/12	BPBKht12	31/12	Khấu hao TSCĐ t12 – CT SC bãi 11 - XNCD1	627	214	2.368.732	
31/12	BPBLt12	31/12	KPCĐ tổ Ô.Hoài tính vào CP – CT SC Bãi 11 – XNCD1	627	338	607.584	
31/12	BPBLt12	31/12	BHXH tổ Ô.Hoài tính vào CP– CT SC Bãi 11 – XNCD1	627	338	4.860.672	
31/12	BPBLt12	31/12	BHYT tổ Ô.Hoài tính vào CP– CT SC Bãi 11 – XNCD1	627	338	911.376	
31/12	BPBLt12	31/12	BHTN tổ Ô.Hoài tính vào CP– CT SC	627	338	303.792	

			Bãi 11 – XNCD1				
31/12	BTTLt12	31/12	Tiền lương t12 tổ Ô Thẳng CD1– CTSC Bãi 11 – XNCD1	627	334	11.180.000	
31/12	BPBLt12	31/12	KPCĐ tổ Ô Thẳng tính vào CP– CT SC Bãi 11 – XNCD1	627	338	223.600	
31/12	BPBLt12	31/12	BHXH tổ Ô Thẳng tính vào CP– CT SC Bãi 11 – XNCD1	627	338	1.788.800	
31/12	BPBLt12	31/12	BHYT tổ Ô Thẳng tính vào CP– CT SC Bãi 11 – XNCD1	627	338	335.400	
31/12	BPBLt12	31/12	BHTN tổ Ô Thẳng tính vào CP– CT SC Bãi 11 – XNCD1	627	338	111.800	
31/12	PKTt12/B11	31/12	Kết chuyển chi phí SXC – CTSC bãi 11 - XNCD1	154	627		42.041.756
...
			Cộng số phát sinh			2.956.300.560	2.956.300.560
			Số dư cuối kỳ				

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ban Giám đốc

Biểu 2.17: Trích sổ Cái TK 627 Quý IV/2010 Cty Cp công trình giao thông Hải Phòng

2.2.5. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất của Công ty là từng công trình hay hạng mục công trình nên phương pháp tập hợp chi phí sản xuất ở Công ty cũng tập hợp chi phí sản xuất theo công trình, hạng mục công trình, các chi phí phát sinh trong kỳ được theo dõi cho từng công trình, hạng mục công trình.

Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên nên vào thời điểm cuối tháng, kế toán căn cứ vào dòng cộng cuối tháng bên Nợ ở các sổ chi tiết TK 621, 622, 627 sau đó lập phiếu kế toán thực hiện kết chuyển các chi phí này sang bên Nợ TK 154 “Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang” cho từng công trình phục vụ cho việc tính giá thành cho công trình xây dựng đó.

Ví dụ: Cuối tháng 12, toàn bộ chi phí sản xuất thi công công trình “sửa chữa Bãi 11 – XNXD Hoàng Diệu” tháng 12/2010 được kết chuyển sang TK 154 để phục vụ cho việc tính giá thành công trình, kế toán định khoản:

Nợ 154 (B11): 72.420.956

Có 622 (B11): 30.379.200

Có 627 (B11): 42.041.756

Biểu 2.18: Phiếu kế toán tháng 12/2010 – Kết chuyển chi phí sản xuất

Công ty cổ phần công trình giao thông Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Công trình: Sửa chữa Bãi 11 – XNXD Hoàng Diệu

Tháng 12/2010

ĐVT: VNĐ

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Phát sinh nợ	Phát sinh có
Kết chuyển chi phí sản xuất để tính giá thành sản phẩm	154		72.420.956	
- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	621			-
- Chi phí nhân công trực tiếp	622			30.379.200
- Chi phí sản xuất chung	627			42.041.756
Cộng			72.420.956	72.420.956

Số tiền bằng chữ: Bảy mươi hai triệu bốn trăm hai mươi ngàn chín trăm năm mươi sáu đồng ./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

2.2.6. Công tác kiểm kê đánh giá sản phẩm dở dang tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng

Công tác kiểm kê đánh giá sản phẩm dở dang là rất quan trọng cần phải thực hiện trước khi tính giá thành.

Mang đặc thù của ngành xây lắp với chu kỳ sản xuất tương đối dài, sản phẩm dở dang tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng chia làm ba loại:

- Loại 1: Sản phẩm dở dang là những công trình hay hạng mục công trình cuối kỳ vẫn chưa hoàn thành, công việc thi công còn dở dang. Giá trị sản phẩm dở dang chính là toàn bộ chi phí phát sinh để thực hiện công trình, hạng mục công trình đó.

- Loại 2: Công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành nhưng chưa bàn giao thanh toán thì công trình, hạng mục công trình này vẫn là sản phẩm dở dang. Toàn bộ chi phí sản xuất đã phát sinh thuộc công trình, hạng mục công trình đó đều là chi phí dở dang. Khi công trình, hạng mục công trình hoàn thành được bàn giao thanh toán thì toàn bộ chi phí sẽ được tính vào giá thành sản phẩm.

- Loại 3: 20% giá trị còn lại của các công trình hay hạng mục công trình hoàn thành theo điểm dừng kỹ thuật đã nghiệm thu nhưng chỉ được chấp nhận thanh toán 80% giá trị hoàn thành đó.

Công thức tính chi phí dở dang cuối kỳ:

Chi phí dở dang cuối kỳ = Chi phí dở dang đầu kỳ + Chi phí phát sinh trong kỳ

+ Chi phí dở dang đầu kỳ của công trình chưa hoàn thiện kỳ này chính là chi phí dở dang cuối kỳ của công trình đó kỳ trước.

+ Chi phí phát sinh trong kỳ được căn cứ vào số liệu TK 621, 622, 627 kết chuyển sang TK 154 của các công trình tương ứng.

2.2.7. Đối tượng, kỳ hạn, phương pháp tính giá thành sản phẩm ở Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng

➤ Đối tượng và kỳ tính giá thành:

- Tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng, đối tượng tính giá thành là các công trình xây lắp hoàn thành bàn giao hoặc từng hạng mục công trình của toàn bộ công trình hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư.

- Muốn có công trình hoàn thành cần phải có một thời gian thi công nhất định và có vốn đầu tư lớn. Để đáp ứng yêu cầu quản lý có hiệu quả chỉ tiêu giá thành Công ty đã chọn *kỳ tính giá thành là khi công trình, hạng mục công trình hoàn thành.*

➤ Phương pháp tính giá thành:

Phương pháp tính giá thành được Công ty áp dụng là phương pháp trực tiếp. Công thức: $Z = D \text{ đk} + C \text{ ps} - D \text{ ck}$

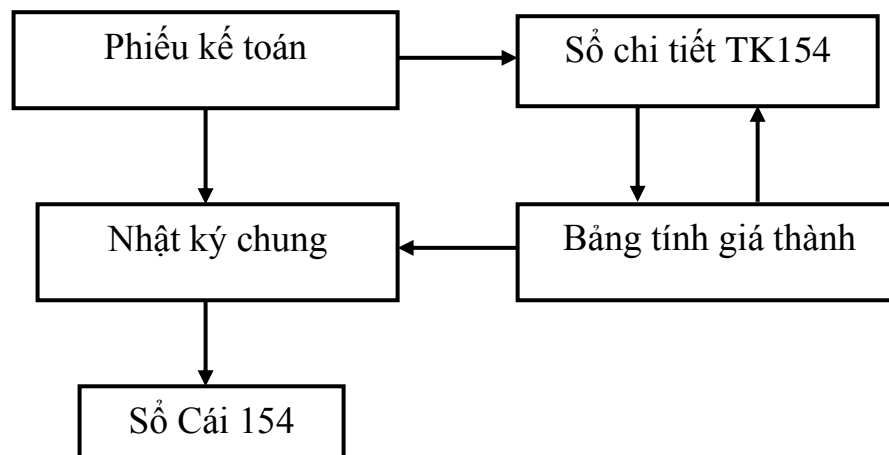
Trong đó: - Z : Là giá thành của công trình, hạng mục công trình hoàn thành

- D đk: Trị giá dở dang đầu kỳ của công trình, hạng mục công trình

- C ps: Chi phí phát sinh trong kỳ của công trình, hạng mục công trình

- D ck: Trị giá dở dang cuối kỳ của công trình, hạng mục công trình

* Quy trình kế toán:



Ví dụ: Công trình “Sửa chữa Bãi 11 – XNXD Hoàng Diệu” bắt đầu thi công từ 05/10/2010, hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư 28/12/2010 và được nghiệm thu 100%, kỳ tính giá thành được xác định là sau khi hoàn thành công trình. Cuối tháng 12 kế toán tiến hành tính giá thành cho công trình:

+ Chi phí dở dang đầu tháng 12 = chi phí phát sinh tháng 10 + tháng 11

+ Chi phí dở dang cuối tháng 12 bằng 0

$Z = (\text{Chi phí tháng 10} + \text{tháng 11}) + \text{chi phí tháng 12}$

Biểu 2.19: Trích sổ chi tiết TK 154 Quý IV/2010 – CT Sửa chữa Bãi 11

Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng

Công trình: SC bãi 11 – XNXD Hoàng Diệu

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tên TK: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang SH: 154

Quý IV/2010

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	
31/10	PKTt10/B11	31/10	K/c CPNVLTT	621	113.981.812	
31/10	PKTt10/B11	31/10	K/c CPNCTT	622	25.485.500	
31/10	PKTt10/B11	31/10	K/c CPSXC	627	29.434.324	
			Cộng lũy kế tháng 10		168.901.636	
30/11	PKTt11/B11	30/11	K/c CPNVLTT	621	38.380.000	
30/11	PKTt11/B11	30/11	K/c CPNCTT	622	43.171.300	
30/11	PKTt11/B11	30/11	K/c CPSXC	627	29.796.720	
			Cộng lũy kế tháng 11		280.249.656	
31/12	PKTt12/B11	31/12	K/c CPNCTT	622	30.379.200	
31/12	PKTt12/B11	31/12	K/c CPSXC	627	42.041.756	
...
			Cộng lũy kế tháng 12		352.670.612	352.670.612
			Số dư cuối kỳ		-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu 2.20: Trích bảng tính giá thành sản phẩm tháng 12/2010 – Cty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng

Công ty CP công trình giao thông Hải Phòng

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH

Tháng 12/2010

DVT: VNĐ

Tên công trình	Dđk	Ctk			Dck	Z (giá thành)
		621	622	627		
...
Công trình SC bãi 11	280.249.656	-	30.379.200	42.041.756	-	352.670.612
C.trình ÔBA – Cảng Chùa Vẽ	427.279.566	100.185.300	40.962.578	33.987.500	602.414.944	
C.Trình đường trục Đình Vũ	729.623.890	141.561.200	89.375.860	66.998.650	1.027.559.600	
...
Cộng	41.382.177.535	3.925.165.887	2.813.446.526	2.224.979.763	40.592.508.561	9.753.261.144

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Công ty CP công trình giao thông Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 708 Nguyễn Văn Linh – Lê Chân – HP

Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	SHTKĐƯ		Số tiền phát sinh
	SHCT	Ngày tháng				Nợ	Có	
			Số trang trước chuyển sang					802.325.856.127
...
31/10	PKTt10/B11	31/10	Kết chuyển CP NVL TT t10 – SC bãi 11-XNCD1			154	621	113.981.812
31/10	PKTt10/B11	31/10	K/c chi phí NCTT t10 – CTSC bãi 11-XNCD1			154	622	25.485.500
31/10	PKTt10/B11	31/10	K/c chi phí SXC t10 – CTSC bãi 11-XNCD1			154	627	29.434.324
...
30/11	PKTt11/B11	30/11	Kết chuyển CP NVL TT t11 – SC bãi 11-XNCD1			154	621	38.380.000
30/11	PKTt11/B11	30/11	K/c chi phí NCTT t11– CTSC bãi 11-XNCD1			154	622	43.171.300
30/11	PKTt11/B11	30/11	K/c chi phí SXC t11– CTSC bãi 11-XNCD1			154	627	29.796.720
...
31/12	PKTt12/B11	31/12	Kết chuyển CP NCTT t12– SC bãi 11-XNCD1			154	622	30.379.200
31/12	PKTt12/B11	31/12	K/c chi phí SXC t12– CTSC bãi 11-XNCD1			154	627	42.041.756
31/12	PKTt12/B11	31/12	K/c giá vốn CT SC Bãi 11 – XNCD1			632	154	352.670.612
31/12	PNK881	15/12	B.Hãng CD 2 nhập đá trạm 120t/h An Tràng –			152	331	781.400.000

			Cty CP Khoáng sản HP					
31/12	PXK 953	16/12	Xuất vật tư Q4 – CT TT hành chính Q. Hải An			621	152	50.692.037
31/12	PKTt12/ĐV	31/12	K/c CP NVLTT –CT đường trục Đ. Vũ- XNCĐ4			154	621	141.561.200
31/12	PKTt12/ĐV	31/12	K/c CP NCTT-CT đường trục Đ. Vũ-XNCĐ4			154	622	89.375.860
31/12	PKTt12/ĐV	31/12	K/c chi phí SXC–CT đường trục Đ. Vũ-XNCĐ4			154	627	66.998.650
31/12	PC 966	31/12	Ô.Vũ thanh toán tiền CP thí nghiệm – CT Trục Đ.Vũ			627	111	1.400.000
31/12	PC 969	31/12	B.Lãnh thanh toán tiền nghiệm thu – CT Trục Đ.Vũ			627	111	2.200.000
31/12	GBCTech262	31/12	Lãi tiền gửi Techcombank tháng 12 nhập gốc			112	515	1.539.654
31/12	GBCHH124	31/12	Lãi tiền gửi NH Hàng Hải tháng 12 nhập gốc			112	515	2.365.563
			Cộng					<u>988.982.561.846</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Biểu 2.21: trích sổ Nhật ký chung - Công ty CP công trình giao thông Hải Phòng năm 2010)

Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng

Địa chỉ: Số 708 Nguyễn Văn Linh – Lê Chân – HP

Mẫu số S03b-DN

Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang Số hiệu: 154

Quý IV/2010

Số TT	Ngày chứng từ	SH CT	Nội dung Chứng từ	TK đối ứng		Số tiền	
				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			46.964.540.507	
...
31/10	PKTt10/B11	31/10	K/c CP NVLTT t10 – SC bãi 11- XNCD1	154	621	113.981.812	
31/10	PKTt10/B11	31/10	Kết chuyển CP NCTT t10 – SC bãi 11-XNCD1	154	622	25.485.500	
31/10	PKTt10/B11	31/10	K/c chi phí SXC t10– CTSC bãi 11-XNCD1	154	627	29.434.324	
...
30/11	PKTt11/B11	30/11	K/c CP NVLTT t11– SC bãi 11- XNCD1	154	621	38.380.000	
30/11	PKTt11/B11	30/11	Kết chuyển CP NCTT t11– SC bãi 11-XNCD1	154	622	43.171.300	
30/11	PKTt11/B11	30/11	K/c chi phí SXC t11– CTSC bãi 11-XNCD1	154	627	29.796.720	
...
31/12	PKTt12/B11	31/12	Kết chuyển CP NCTT t12– SC bãi 11-XNCD1	154	622	30.379.200	
31/12	PKTt12/B11	31/12	K/c chi phí SXC t12– CTSC bãi 11-XNCD1	154	627	42.041.756	
31/12	PKTt12/B11	31/12	K/c giá vốn CT SC Bãi 11 – XNCD1	632	154		352.670.612

31/12	PKTt12/ĐV	31/12	K/c CPNVLTT t12-CT đường trục Đ.Vũ- XNCĐ4	154	621	141.561.200	
31/12	PKTt12/ĐV	31/12	K/c CPNCTT t12-CT đường trục Đ. Vũ-XNCĐ4	154	622	89.375.860	
31/12	PKTt12/ĐV	31/12	K/c CP SXC t12-CT đường trục Đ. Vũ-XNCĐ4	154	627	66.998.650	
31/12	PKTt12/BA	31/12	K/c CP NVLTT t12- CT SC Ô.BA – XNCĐ2	154	621	100.185.300	
31/12	PKTt12/BA	31/12	Kết chuyển CPNCTT t12-CTSC Ô.BA-XNCĐ2	154	622	40.962.578	
31/12	PKTt12/BA	31/12	K/c chi phí SXC t12- CT SC Ô.BA-XNCĐ2	154	627	33.987.500	
...
			Cộng số phát sinh			22.763.592.176	29.135.624.122
			Số dư cuối kỳ			<u>40.592.508.561</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ban Giám đốc
(ký, họ tên)

(Biểu 2.22: Trích số Cái TK 154 Quý IV/2010 Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng)

Toàn bộ thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành ở Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng đã được trình bày cụ thể, chi tiết từng giai đoạn, từng cách tính toán của Công ty. Các bảng biểu được ghi chép một cách nguyên gốc, khách quan trên cơ sở lý luận và thực tiễn tìm hiểu tại Công ty về công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm. Qua đó giúp em có những nhận xét, đánh giá, đề xuất ý kiến nhằm góp phần hoàn thiện hơn kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cụ thể được trình bày ở chương III.

CHƯƠNG III**MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HẢI PHÒNG*****3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng***

Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải phòng với sự nỗ lực của bản thân cũng như sự giúp đỡ của các đơn vị hữu quan, Công ty đã đứng vững, không ngừng lớn mạnh và từng bước khẳng định mình trên thị trường với sản phẩm xây lắp có chất lượng tốt, kiểu dáng đẹp, giá thành hợp lý, đáp ứng tốt nhu cầu của chủ đầu tư. Qua quá trình tìm hiểu thực tế về công tác quản lý, công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm nói riêng em nhận thấy Công ty đã kiện toàn được bộ máy quản lý và hạch toán kế toán phù hợp với nền kinh tế thị trường, chủ động trong sản xuất kinh doanh. Công ty ngày càng nâng cao được uy tín trên thị trường trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, đảm bảo đứng vững trong cạnh tranh và phát triển theo điều kiện hiện nay.

Dưới góc độ của một sinh viên thực tập, em xin mạnh dạn đưa ra một số đánh giá về ưu điểm và những tồn tại cần hoàn thiện trong công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp ở Công ty.

3.1.1 Những ưu điểm trong công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty CP công trình giao thông Hải Phòng

✓ Về tổ chức bộ máy kế toán của Công ty:

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, phù hợp với đặc điểm, tình hình sản xuất của Công ty. Hình thức này cũng đảm bảo sự thống nhất từ khâu hạch toán ban đầu đến khâu lập báo cáo, cung cấp thông tin cho ban lãnh đạo nhanh chóng, chính xác, kịp thời và đầy đủ phục vụ cho công tác kiểm tra, chỉ đạo sản xuất kinh doanh phù hợp với thực tế và đạt hiệu quả cao.

- Phòng kế toán chịu sự chỉ đạo chung của kế toán trưởng, mỗi phần hành

kế toán đều do một nhân viên kế toán đảm nhiệm tạo cho các nhân viên tự chủ và có trách nhiệm trong công việc.

- Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng là một Công ty có quy mô lớn với đội ngũ kế toán đầy năng lực và nhiệt huyết với công việc. Nhân viên kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm không chỉ có kinh nghiệm lâu năm về chuyên môn cũng như trải nghiệm thực tế công việc.

✓ Về hình thức kế toán, hệ thống tài khoản, chứng từ, sổ sách kế toán:

- Hình thức kế toán hiện nay Công ty áp dụng là hình thức Nhật ký chung phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty, giúp giảm bớt khối lượng ghi chép, tạo cho công tác kế toán tập hợp cuối tháng được nhanh chóng, kịp thời và ít bị ứ đọng.

- Công ty sử dụng hệ thống tài khoản, chứng từ đúng với chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng Bộ Tài Chính.

- Để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ngoài việc áp dụng hệ thống tài khoản theo chế độ quy định, Công ty còn mở các tiểu khoản cho từng tài khoản và chi tiết theo từng công trình, hạng mục công trình.

- Hệ thống chứng từ ban đầu được tổ chức hợp pháp, đầy đủ theo chế độ của Bộ tài chính ban hành.

✓ Về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm:

- Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được Công ty áp dụng là phương pháp trực tiếp. Nhờ vậy, việc tính giá thành sản phẩm tương đối chính xác, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán kịp thời cho bộ phận quản lý.

- Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là công trình, hạng mục công trình cho nên chi phí được tập hợp một cách khá đầy đủ, chính xác theo đúng đối tượng. Vì vậy, việc tính giá thành đơn giản hơn, chính xác hơn.

- Đối với vật tư Công ty giao quyền chủ động cho các đội lập kế hoạch mua sắm theo tiến độ thi công và nhu cầu sử dụng vật tư của công trình. Do đó vật tư mua về được chuyển thẳng đến công trình, điều này đảm bảo tiến độ thi

công của các công trình, đảm bảo tính chủ động trong thi công, giảm bớt chi phí vận chuyển.

- Hiện nay, Công ty đang thực hiện giao khoán cho các đội thi công thông qua hợp đồng khoán gọn và tính lương cho người lao động căn cứ vào bảng chấm công và khối lượng công việc giao khoán hoàn thành. Do đó góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động, tăng cường công tác quản lý của Công ty. Công ty có tổ chức bộ máy quản lý chặt chẽ của các phòng ban về khối lượng, chất lượng thi công công trình. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tương đối rõ ràng, hợp lý, chính xác đảm bảo nguyên tắc “làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít”, giúp Công ty sử dụng hợp lý lao động và nâng cao năng suất lao động.

- Tại các công trường xây dựng, Công ty có tổ chức thuê ngoài lực lượng lao động, máy móc thiết bị thi công. Điều này góp phần đảm bảo đầy đủ, kịp thời nhân lực, vật lực cho thi công đảm bảo tiến độ thi công không bị trì trệ.

- Về công tác đánh giá sản phẩm dở dang có sự tham gia đầy đủ của các bộ phận liên quan, nhờ đó đánh giá được tương đối chính xác khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ. Nhờ vậy, việc đánh giá sản phẩm hoàn thành cũng chính xác hơn. Công tác tính giá thành cho sản phẩm hoàn thành được thực hiện trên bảng tính giá thành vì thế việc tính toán giá thành được thực hiện đơn giản, kịp thời, chính xác hơn.

3.1.2. Một số tồn tại cần hoàn thiện trong công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng

Công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói chung là hợp lý so với đặc điểm và tính chất sản xuất của Công ty. Tuy nhiên, do đặc điểm của ngành xây lắp nên công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm gặp không ít khó khăn, không tránh khỏi những hạn chế cần được khắc phục.

✓ Do đặc thù của ngành xây lắp, sản phẩm xây lắp mang tính chất đơn chiếc, thời gian thi công dài, địa điểm cách xa trụ sở Công ty nên việc tập hợp

các chứng từ gốc ban đầu thường chậm dẫn đến việc phản ánh các chi phí phát sinh nhiều khi chưa thật kịp thời, ảnh hưởng tới công tác quản lý. Việc bàn giao chứng từ chỉ thực hiện bàn giao miệng, không có sổ sách theo dõi, nhiều trường hợp xảy ra tranh cãi, mất mát chứng từ mà không có cơ sở quy trách nhiệm chính xác cho bên nào.

Việc tập hợp chi phí nguyên vật liệu còn thiếu chính xác do căn cứ để tập hợp là các chứng từ gốc mà đội trưởng gửi về phòng Tài chính – Kế toán của Công ty nên kế toán của Công ty không nắm bắt được chính xác tình hình cụ thể nhập, xuất, tồn vật tư.

✓ Trong quá trình sản xuất, Công ty đã để các đội tự mua sắm vật tư cho đội mình, đảm bảo tính chủ động cho các đội thi công, giảm bớt kho trong Công ty, vật tư không bị ứ đọng gây lãng phí. Tuy nhiên, có vấn đề bất cập trong giá cả, nguồn cung cấp không ổn định, chất lượng chưa đảm bảo.

✓ Khi Công ty mua vật tư về dùng ngay không qua nhập kho, nhưng Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho vẫn được lập, điều này là không cần thiết, mặt khác lại làm số lượng định khoản và số lượng ghi chép vào sổ sách kế toán tăng lên rất nhiều. Ví dụ khi mua vật tư dùng xuất thẳng, kế toán phải định khoản:

+ Nhập kho

Nợ 152:

Nợ 133:

Có 111, 112, 331:

+ Xuất kho

Nợ 621, 627:

Có 152:

✓ Khoản mục chi phí sử dụng máy thi công lại phản ánh chung vào tài khoản 627- chi phí sản xuất chung, điều này chưa phù hợp, ảnh hưởng tới công tác quản lý và tập hợp chi phí.

✓ Công ty giao quyền chủ động mua vật tư, thuê ngoài nhân công, máy thi công cho đội trưởng. Mỗi lần phải thanh toán đội trưởng lại xin tạm ứng tiền để thanh toán cho nhà cung cấp, vì hình thức thanh toán thường là tiền mặt hay

chuyên vào tài khoản của nhà cung cấp. Tuy nhiên, theo quy định tại Thông tư số 129/2008/TT-BTC đối với các Hoá đơn có tổng giá thanh toán từ 20.000.000 đồng trở lên, để được khấu trừ thuế giá trị gia tăng buộc phải có chứng từ thanh toán qua ngân hàng. Với các Hoá đơn giá trị gia tăng, hình thức thanh toán bằng tiền mặt hay mang tiền nộp vào tài khoản người bán sẽ không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng, dẫn đến giá gốc của nguyên vật liệu, các chi phí mua ngoài tăng lên đẩy giá thành các công trình tăng theo. Hơn nữa việc thanh toán bằng tiền mặt chứa đựng nhiều rủi ro, dễ thất thoát.

✓ Khối lượng công việc của phòng kế toán khá lớn là một vấn đề gây ảnh hưởng lớn đến hiệu quả công việc kế toán tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng. Mặc dù đội ngũ nhân viên kế toán đã tinh giảm nhưng vẫn phải đảm nhiệm đầy đủ các phần việc, mặt khác việc áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung” đòi hỏi hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán rất công phu, việc ghi chép mất nhiều thời gian, đôi khi trở nên quá sức đối với đội ngũ nhân viên phòng kế toán, ảnh hưởng lớn đến khả năng cung cấp thông tin. Do đó Công ty nên thay thế hạch toán kế toán thủ công bằng hạch toán kế toán trên phần mềm kế toán máy.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng.

Ngày nay, xu hướng hội nhập cùng với toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ trong tất cả lĩnh vực. Trong đó lĩnh vực kế toán là một công cụ quan trọng trong công tác quản lý kinh tế giúp các doanh nghiệp phát triển và thành đạt. Chính vì vậy Nhà nước ta vẫn đang tiếp tục xây dựng luật, chuẩn mực và ban hành các thông tư hướng dẫn kế toán để có xu hướng phù hợp với tiêu chuẩn chung của quốc tế. Đứng trước những thay đổi đó Công ty cần phải có những biện pháp kế toán sao cho phù hợp với đặc điểm kinh doanh của đơn vị mình, cập nhật các chuẩn mực kế toán mới, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán. Do vậy tính tất yếu của Công ty là phải hoàn thiện công tác kế toán để phù hợp với chuẩn mực chung của quốc tế, hòa nhập với sự phát triển

của thế giới và có khả năng cạnh tranh đối với doanh nghiệp trong và ngoài nước.

3.3. Nội dung và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng.

3.3.1. Yêu cầu của công tác hoàn thiện

Việc tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý chính là điều kiện quan trọng để thực hiện tốt chức năng và phát huy vai trò kế toán trong công tác quản lý. Vì vậy, việc tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp cần tôn trọng các nguyên tắc, yêu cầu sau:

- Tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp phải phù hợp với luật kế toán Việt Nam, phù hợp với yêu cầu quản lý vĩ mô của Nhà nước.
- Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp xây lắp phải phù hợp với chế độ chính sách, thể lệ, văn bản pháp quy về kế toán do Nhà nước ban hành.
- Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp xây lắp phải phù hợp với đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản lý và địa bàn hoạt động của doanh nghiệp xây lắp.
- Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp xây lắp phải phù hợp với yêu cầu, trình độ quản lý của doanh nghiệp xây lắp.
- Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp xây lắp phải gọn nhẹ, tiết kiệm, hiệu quả.

Theo đó để công tác hoàn thiện là thực sự có chất lượng và có thể đi vào thực tiễn, công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm phải đảm bảo đúng chuẩn mực kế toán mà Nhà nước quy định.

3.3.2. Một số giải pháp

Trong tình hình kinh tế hiện nay thì mục tiêu lớn nhất đối với các doanh nghiệp sản xuất, xây dựng cơ bản là phải tiết kiệm chi phí một cách tối ưu mà vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm nhằm hạ giá thành sản phẩm, tạo sức cạnh tranh trên thị trường. Muốn làm được như vậy thì các doanh nghiệp cần quản lý tốt công tác sử dụng chi phí, ổn định giá thành sản phẩm giữa các kỳ. Xuất phát từ tình hình trên em xin mạnh dạn đề ra một số giải pháp nhằm khắc phục những

hạn chế trong công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng.

✓ Để khắc phục tình trạng việc tập hợp chứng từ gốc về phòng Tài chính – Kế toán của Công ty chậm chạp dẫn đến việc phản ánh các khoản chi phí phát sinh không kịp thời, dễ gây nhầm lẫn sai sót, cần phải quy định chứng từ phát sinh của công trình nào thì trong tuần đội trưởng công trình phải tập hợp giao nộp về phòng Tài chính – kế toán của Công ty, chậm nhất là đến cuối tháng, tránh trường hợp chi phí phát sinh tháng này lại chuyển sang tháng sau mới được hạch toán. Đồng thời khi bàn giao chứng từ cần có sổ giao nhận chứng từ để làm căn cứ xác định trách nhiệm trong việc bàn giao, bảo quản chứng từ.

✓ Vật tư mua từng đợt theo yêu cầu sử dụng và tiến độ thi công nên nguồn cung cấp, giá cả không ổn định. Do đó, việc mua vật tư cần phải được lập kế hoạch chặt chẽ, được cung cấp cho đội sản xuất kịp thời, tránh bị thiếu hụt gây gián đoạn thi công, hay dư thừa gây lãng phí. Công ty nên tìm những nhà cung cấp vật tư có uy tín, là khách hàng thường xuyên, cung cấp đầy đủ, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu thi công, hạn chế chi phí vận chuyển, đảm bảo giá cả.

✓ Khi mua vật tư về xuất thẳng không cần lập Phiếu nhập kho và Phiếu xuất kho, kế toán chỉ việc căn cứ vào hóa đơn mua nguyên vật liệu để định khoản như sau, tránh phát sinh những ghi chép không cần thiết.

Nợ 621, 627:.....

Nợ 133:.....

Có 111, 112, 331:

✓ Đối với các khoản thanh toán mà các đội trưởng cần thanh toán cho nhà cung cấp. Nhằm đảm bảo cho các Hoá đơn giá trị gia tăng được thanh toán đó được khấu trừ thuế và cũng để giảm thiểu các rủi ro khi thanh toán bằng tiền mặt. Theo em thay bằng việc xin tạm ứng tiền mặt để thanh toán đội trưởng nên lấy giấy đề nghị thanh toán qua ngân hàng, kèm theo các giấy tờ chứng minh cho việc phải thanh toán đó (Hoá đơn, hợp đồng, ...) gửi lên cho Giám đốc duyệt và đề nghị thanh toán qua ngân hàng cho nhà cung cấp.

✓ Chi phí sử dụng máy thi công nên phản ánh riêng một TK là TK 623 – Chi phí sử dụng máy thi công. Tài khoản này được hạch toán theo từng công trình, hạng mục công trình, và chi tiết theo từng khoản mục chi phí:

- + 6231: Chi phí nhân công
- + 6232: Chi phí vật liệu
- + 6233: Chi phí dụng cụ
- + 6234: Chi phí khấu hao máy thi công
- + 6237: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + 6238: Chi phí bằng tiền khác

Nợ	TK 623	Có
- Chi phí sử dụng máy thi công phát sinh trong kỳ		- Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công

✓ Hình thức kế toán Nhật ký chung mà Công ty áp dụng hiện nay là phù hợp, theo em cũng rất thuận tiện cho việc sử dụng phần mềm kế toán, giảm bớt số lượng sổ sách công kênh, giảm bớt sai sót trong quá trình tính toán thủ công...

Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán máy phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp. Ví dụ như phần mềm kế toán máy **CicAccount**



Phần mềm kế toán máy **CicAccount** phù hợp với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, xây lắp, giao thông, thủy lợi, các chủ đầu tư, ban quản lý dự án... Với tiêu chí “Đơn giản, dễ sử dụng, đáp ứng tối đa nhu cầu quản lý kế toán của doanh nghiệp”.

✓ Công ty nên tiến hành phân tích chỉ tiêu giá thành sản phẩm tìm ra nguyên nhân tăng giảm giá thành để có những biện pháp tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

3.4. Điều kiện thực hiện các giải pháp

- Về phía Nhà nước: Cần hoàn thiện hơn nữa hệ thống văn bản pháp luật kế toán phù hợp hơn cho các đối tượng doanh nghiệp.

- Về phía Công ty: Cần quan tâm đến việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung, kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng. Kế toán trưởng cần phải thường xuyên đôn đốc kiểm tra, đồng thời chỉ đạo các nhân viên thực hiện đúng chế độ kế toán mà Công ty áp dụng. Công ty nên thiết lập bộ phận kế toán quản trị để kết hợp với phòng kỹ thuật lập kế hoạch thi công, theo dõi thực hiện thi công các công trình nhằm lên kế hoạch mua vật tư chính xác, chặt chẽ hơn. Công ty cần tìm kiếm cho mình những khách hàng uy tín phù hợp với khả năng sản xuất của Công ty.

Trên đây là một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng. Em mong rằng những ý kiến đóng góp đó sẽ có tác dụng tích cực đối công tác kế toán tại Công ty.

Kết luận

Trong nền kinh tế hiện nay, việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ngày càng trở nên quan trọng đối với công tác kế toán của doanh nghiệp sản xuất nói chung và doanh nghiệp xây lắp nói riêng. Tập hợp chi phí sản xuất một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời để tính giá thành sản phẩm góp phần tạo điều kiện thuận lợi chi doanh nghiệp đưa ra quyết định đúng đắn về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thực hiện mục tiêu quản lý chặt chẽ chi phí sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí hạ giá thành sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Với kiến thức đã được học tập tại trường và qua quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần giao thông Hải Phòng em đã có cơ hội vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế và tìm hiểu những biến hoá lý thuyết trong thực tiễn. Sau khi đã tìm hiểu tình hình công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty em đã được củng cố thêm kiến thức thực tiễn làm hành trang cho công việc sau này của mình.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn cô giáo **CN.GVC Bùi Thị Chung** - giáo viên hướng dẫn và các cô, các chú phòng tài chính kế toán tại Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng đã tận tình giúp đỡ em hoàn thành bài báo cáo này. Em mong được sự quan tâm chỉ bảo của các thầy, các cô để bài báo cáo được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Phạm Thị Phương

Danh mục tài liệu tham khảo

1. Kế toán tài chính – Tiến sĩ Phan Đức Duy (NXB thống kê)
2. Kế toán doanh nghiệp – Chủ biên: PGS.TS Ngô Thế Chi, TS Trương Thị Thủy (NXB Thống kê)
3. Hướng dẫn thực hành về kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp – TS Võ Văn Nhị, ThS Phạm Thanh Liêm, Ths Lý Kim Huê (NXB Thống kê)
4. Luận văn các khóa trước

Danh mục viết tắt

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	CPNVLTT
Chi phí nhân công trực tiếp	CPNCTT
Chi phí sử dụng máy thi công	CPSDMTC
Chi phí sản xuất chung	CPSXC
Nguyên vật liệu	NVL
Tài sản cố định	TSCĐ
Bảo hiểm xã hội	BHXH
Bảo hiểm y tế	BHYT
Bảo hiểm thất nghiệp	BHTN
Kinh phí công đoàn	KPCĐ
Công cụ, dụng cụ	CCDC
Doanh nghiệp	DN
Doanh nghiệp xây lắp	DNXL
Cổ phần	CP
Tài khoản	TK